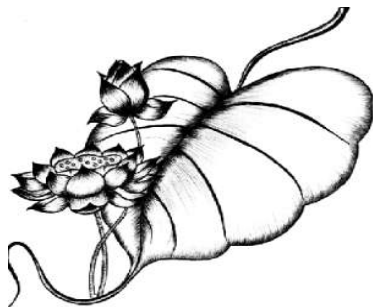


Chú Giải
Kinh Phật Thuyết
Đại Thừa Vô Lượng Thọ
Trang Nghiêm Thanh Tịnh
Bình Đăng Giác



Ở trên, ngài Gia Tường vừa bảo nhiều người được vãng sanh, ở đây lại nói ít kẻ vãng sanh, tựa hồ mâu thuẫn, nhưng thật sự hai lời nói trên chẳng hề trái nghịch nhau. Vì nếu xét theo số người được vãng sanh trong mười phương mà nói thì đúng là rất nhiều; còn nếu chỉ luận theo uest độ đây thì người tín nguyện vãng sanh rất là hiếm hoi. Vì thế, Phật bảo là *‘chẳng có người theo’*.

‘Cõi ấy chẳng trái nghịch, tự nhiên lôi kéo theo’: Câu đầu ý nói cõi ấy chẳng nghịch, chẳng trái đối với những người được vãng sanh; còn câu kế đó được cổ đức giải thích theo hai cách:

a. Ngài Tịnh Ảnh cho rằng: *‘Cõi ấy chẳng trái nghịch’* thể hiện ý “*dễ đi*”. “*Tự nhiên lôi kéo*” thể hiện ý “*chẳng có người*”. Chúng sanh cõi Sa Bà mang triền cái từ lâu nên tự nhiên bị lôi kéo, trói buộc, chẳng thoát được nên “*chẳng có người*”. Ý nói: Cõi Cực Lạc đối với những người vãng sanh chẳng hề trái nghịch mấy may, nên trước hết bảo là *‘dễ đi’*. Hiềm vì người cõi Sa Bà vốn từ lâu đã bị buộc ràng che lấp bởi phiền não nên tự nhiên bị chúng lôi kéo, chẳng sanh lòng nhằm chán thì làm sao vãng sanh nổi nên kinh mới bảo là *‘chẳng có người’*.

b. Ngài Pháp Trụ bảo: *‘Tự nhiên lôi kéo là nhân viên mãn, quả chín muồi, chẳng nhọc dụng công mà tự nhiên chiêu cảm’*. Ngài Gia Tường nói:

‘Tu nhân ắt sẽ chiêu cảm quả nên bị quả ấy lôi kéo’. Quan điểm của hai vị Pháp Trụ và Gia Tường giống nhau, cùng cho rằng tu nhân đắc quả, tự nhiên do quả ấy sẽ được vãng sanh.

Những thuyết trên tuy khác nhau, nhưng đều phù hợp ý kinh.

Trong câu *‘quyên chí nhược hư không, cần hành cầu đạo đức’* (tạm dịch: *‘Lắng lòng dường hư không, siêng hành cầu đạo đức’*), *‘quyên’* là dứt bỏ, tâm chán lia tốt bụi, không mong cầu chuyện đời, tấm lòng rộng không, tịch tĩnh, thanh tịnh, không cầu nhiễm, khác nào hư không nên kinh mới bảo là *‘quyên chí nhược hư không’*. Câu này cũng có nghĩa là buông bỏ muôn duyên.

‘Đạo đức’: Chánh pháp gọi là *‘đạo’*; đắc đạo chẳng để mất là *‘đức’*. *‘Siêng hành cầu đạo đức’* chính là chỉ giữ lấy một niệm.

‘Ngõ hầu được trường sanh cùng cực, thọ lạc chẳng có cùng cực’: Thế gian chẳng có pháp trường sanh chơn thật, chỉ có vãng sanh thì mới được trường sanh. Kinh dạy: *‘Cõi ấy Thanh Văn, trời, người vô số, thọ mạng cũng đều vô lượng’*. Trong cõi ấy chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui: thấy Phật, nghe pháp, tùy ý tu tập thẳng

đến khi thành Phật nên kinh bảo là ‘*tho, lạc vô cùng cực*’.

Cõi ấy có tên là Cực Lạc, An Lạc, An Dưỡng, đức Phật cõi ấy hiệu là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, thắng diệu như vậy rất đáng ưa thích, mong cầu; uế độ Sa Bà thật đáng nhàm chán. Cớ sao vẫn cứ tham đắm chuyện thế tục, nhao nhác lo chuyện vô thường? ‘*Niếu niếu*’ (tạm dịch là ‘*nháo nhác*’) là huyên não, tranh đua. Ở đây, chữ ‘*niếu niếu*’ diễn tả trạng thái giành giật, ồn ào. Người đời tham đắm những thứ mình có, muốn luôn giữ mãi, nhưng những thứ ấy thật sự là vô thường nên đâm ra lo lắng. Nhưng dẫu lo cũng chẳng làm gì được! Bởi thế mới có phẩm Khuyến Dụ Sách Tấn tiếp ngay theo phẩm này.

Phẩm này nêu rõ diệu đức của cõi Tịnh Độ, khuyên lớn, dẫn dụ chúng sanh; phẩm sau sẽ chỉ ra những thứ ác khổ của uế độ để chúng sanh biết mà nhàm lìa.

33. Khuyến dụ sách tấn

Phẩm trên đã chỉ rõ những điểm thù thắng siêu tuyệt, tịnh định, an lạc của cõi Cực Lạc nhằm làm cho chúng sanh ưa thích, hâm mộ, phát nguyện cầu sanh; phẩm này nói lên những điều tệ ác cõi Sa Bà:

- Chúng sanh chường nặng, ba độc lừng lẫy
- Do si hoặc nên tạo nghiệp, khổ báo vô tận, chìm đắm trong biển khổ, đau đớn không cách gì diễn tả nổi.

Vì thế, Phật thương xót khuyên bảo nên chán lìa. Phật dạy răn, khuyên lơn chúng sanh nên dứt ác làm lành, tinh tấn hành đạo, cầu sanh An Lạc.

Chánh kinh:

Người đời cùng nhau đua chen những chuyện không cần gấp. Ở ngay trong chốn kịch ác cực khổ, vất vả làm lụng, lo toan để tự nuôi thân. Sang, hèn, nghèo, giàu, trẻ, già, trai, gái lo toan chồng chất, bị cái tâm sai khiến. Không ruộng lo ruộng, không nhà lo nhà. Có hay không có tài vật quyền thuộc đều lo cả. Có một phần lại thấy thiếu một phần, lo muốn cho bằng được người. Vừa được chút ít lại lo vô thường, nước, lửa, đạo tặc, oan gia, chủ nợ đốt, trôi, cướp đoạt, tiêu tan mòn diệt. Tâm keo, ý chắc, chẳng buông bỏ nổi. Mất mạng là mất hết, đem theo được thứ gì? Giàu nghèo đều vậy, lo lắng, ưu khổ muôn bề!

Giải:

Trong đoạn kinh này, trước hết đức Phật chỉ rõ: toàn bộ chúng sanh cõi này đều bị phiền não, khuyên lơn chúng sanh nên nhàm lìa.

‘Người đời cùng nhau đua chen những chuyện không cần gấp’: người đời cùng tranh cạnh nhau những chuyện thế tục không quan trọng, khẩn yếu, chẳng trọng đại sự cấp bách nơi bản thân, chẳng biết vô thường nhanh chóng, sanh tử là việc lớn; chỉ tham danh lợi nên sàu khô muôn bề, chẳng biết lúc nào thoát khỏi.

Sách Hội Sớ nói: *‘Phàm vật thì có gốc, ngọn; việc có gấp, hoãn. Chỉ nên coi một đại sự là nhiệm vụ cấp bách trước hết. Ví như người vào trong tòa thành lớn, trước tiên phải kiếm chỗ ở yên, rồi sau mới ra tay làm lụng. Đến khi chiều tà tắm tối, còn có chỗ nghỉ đêm. “Trước hết kiếm chỗ ở yên” chính là tu Tịnh Độ; “đến khi chiều tà tắm tối” chính là đại hạn xảy đến (chết). “Có chỗ nghỉ đêm” là sanh trong hoa sen, chẳng lạc vào nẻo ác. Vậy mà người ta cứ lơ là đối với việc gấp như lửa cháy, hối hả lo liệu việc chẳng gấp rút gì. Khi mạng người sắp hết, dẫu hối ích gì?’*

‘Kịch ác cực khổ’: “kịch” là rất, hết mức. Phẩm Trục Thế Ác Khổ có câu: *‘Chỉ có mỗi thế gian có năm sự ác này là khổ sở nhất’* và: *‘Năm sự ác, năm sự đau đớn, năm sự đốt cháy như thế ví như lửa lớn thiêu đốt thân người’*. Ác là nhân, khổ

là quả. Giết chóc, trộm cắp, nói dối, uống rượu là những điều rất ác. Hễ tạo ác ắt phải chịu quả ác nên những điều ấy được gọi là *‘năm thứ đau đớn, năm thứ đốt cháy’* như lửa đốt thân nên bảo là *‘cực khổ’* (khổ sở cùng cực).

Sách Hội Sớ còn nói: *‘Hùng hực nung người đời như đồng lửa nên bảo là “kịch ác cực khổ”*.

Sách Hội Sớ giảng câu *‘vất vả làm lung, lo toan để tự nuôi thân’* (nguyên văn: *‘cần thân doanh vụ, dĩ tự cấp tế’*) như sau:

‘Doanh là lo toan, đổ sức vào việc gì gọi là “vụ”. Thân siêng năng, vất vả làm những điều ấy gọi là ‘cần thân’. ‘Cấp’ là làm cho đủ; khiến cho đồ vật được đầy đủ, dư dả là ‘cấp’. ‘Cấp’ còn có nghĩa là cung cấp. ‘Tế’ là qua’.

Do đó, câu *‘cần thân doanh vụ, dĩ tự cấp tế’* có nghĩa là: nhọc nhằn, vất vả cái thân, toan tính, làm lung để mình được đầy đủ, no ấm cho qua khỏi cái kiếp này.

Câu *‘sang, hèn, nghèo, giàu, trẻ, già, trai, gái’* chỉ hết thấy các loại người trong đời. Người có địa vị cao quý trong đời là ‘sang’, địa vị thấp là ‘hèn’. Lắm của là ‘giàu’, ít của là ‘nghèo’. Lớn tuổi là ‘già’, nhỏ tuổi là ‘trẻ’. Trai, trai, gái, gái bao hạng sai khác, nhưng chẳng ai lại không cùng ôm

tắm lòng ngu si, tham dục, lao tâm khổ tứ, lo nghĩ chất chồng, bồn ba, nhọc nhằn chẳng lúc nào yên. Bởi thế Phật mới bảo: *‘Lo toan chồng chất, bị cái tâm sai khiến’*.

Ngài Nghĩa Tịch bảo: *‘Lo mãi chuyện đã qua, lo hoài chuyện chưa tới nên bảo là “lo toan chồng chất”*. Thường bị dục tâm lôi kéo khiến chộn rộn, bồn ba nên bảo là *“bị cái tâm sai khiến”*. Vì thế, tâm niệm ấy chẳng lúc nào an vì hễ tâm có điều mong muốn thì thân phải nhọc nhằn theo. Ví dụ như: lòng muốn sửa chữa vật mình yêu thích thì nào ngại bung bê, khuôn vác bề bộn, bồn ba sửa soạn; cho nên kinh mới nói là: *‘Bị cái tâm sai khiến’*; chỉ vì tâm ham muốn mà phải bồn tẩu.

Ngài Gia Tường dùng câu *‘tâm chất chứa tài sản chẳng buông bỏ’* để giảng câu *‘lo toan chồng chất’*, dùng câu *‘siêng cầu chẳng ngơi’* để giảng câu *‘bị cái tâm sai khiến’*. Ý ngài nói: Những điều canh cánh trong tâm niệm chỉ toàn là tài vật, cho nên *‘lo toan chồng chất’*. Chăm chăm mong cho có nên thân tâm chẳng an, đấy gọi là *‘bị cái tâm sai khiến’*.

Ngài Cảnh Hưng lại giảng: *‘Bị tâm sai khiến là như con dê khát nước chạy đuổi theo bóng nắng gợn, kẻ mắt kéo màng thấy hoa đóm lãng xăng trên không, đều do cái tâm thấm đẫm nước ái, chẳng rõ hoa đóm là bệnh nên cứ đuổi quàng theo’*. Bóng

nắng gắt (dương diễm) chính huyễn ảnh xuất hiện trong sa mạc, nhìn xa tưởng là chỗ có nước. Những con nai, con ngựa bị khát, tâm thèm nước thiết tha nên cứ đuổi theo tìm uống, nhưng chỉ phí công. Lại như người mắt bệnh kéo màng, ngõ trên hư không có những đóm sáng bay lẩn vẩn toan chụp bắt, chẳng biết vốn chẳng có hoa đóm, nên mới bảo là *'bị cái tâm sai khiến'*.

Cả một đoạn dài từ câu *'có ruộng lo ruộng'* cho đến *'ru khổ muôn bề'* là để giảng rõ ý *'lo toan chát chồng'*. *'Quyến thuộc'* là người trong nhà, thân thuộc, tôi tớ v.v... *'Tài vật'* là gia tài, sản nghiệp, các vật dụng để sinh sống. Những thứ nói trên đều là những điều khiến ta phải lo lắng. Chưa có thì muốn, lo sao cho có; nhưng có rồi lại sợ mất đi, nên lại lo hơn nữa. Bề dục khó lấp bằng, lo được, lo mất nên mới nói: *'Có hay không có đều lo cả!'*.

'Có một phần lại thấy thiếu một, lo muốn cho bằng được người': Ví như kẻ đã có được tài khoản một vạn đồng, thấy người khác có đến hai vạn, liền nghĩ cách sao cho có được một vạn nữa. Đã có một cái ti-vi, thấy người ta có hai cái liền muốn mình có thêm cái nữa cho bằng người ta. Muốn mà chưa được thì lại sanh lo buồn. Thỏa nguyện rồi cũng

chẳng hết lo nghĩ; bởi ham muốn không cùng nên vĩnh viễn lo lắng không dứt.

Vừa mới có được một chút lại toan khur khur giữ lấy, sợ gặp tai biến, lo mất mát đi, nên kinh mới nói: *‘Vừa được chút ít lại lo vô thường’*.

‘Vô thường’ chính là những tai họa bất thường được kinh nêu tiếp ngay sau câu trên (tức là câu *‘vừa được chút ít lại lo vô thường’*) như: nước trôi, lửa cháy, đạo tặc cướp đoạt... *‘Nước, lửa’* là thủy tai, hỏa tai, *‘đạo tặc’* là cái họa cướp đoạt, trộm cắp. *‘Oan gia’* là những kẻ kết oán với mình. *‘Chủ nợ’* là những người mình thiếu nợ chưa trả.

Các điều như trên đều là những tai họa thành linh phát sanh, như lửa có thể đốt cháy rụi, nước cuốn trôi mất, kẻ cướp cướp đoạt, kẻ trộm cuỗm mất, oan gia báo cừ, chủ nợ xiết nợ. Thậm chí trong khoảnh khắc chẳng còn một thứ gì là của mình nữa. Cái giàu sang ngày trước đột nhiên chẳng còn sót lại chút gì nên bảo là *‘đốt, trôi, cướp đoạt, tiêu tan, mòn diệt’*. Sách Hội Sớ nói: *‘Đốt là đốt cháy, là các nạn như chiến tranh tàn phá, hỏa tai bất ngờ... Trôi là cuốn trôi, là các nạn như nước lũ, sóng gió... Cướp đoạt là nạn đạo tặc. Bị oan gia làm cho tiêu tan, bị chủ nợ làm cho mòn diệt’*.

Người đời *‘tâm keo, ý chắc’* nghĩa là người đời tâm lòng keo kiệt đến mức ngoan cố. Tài vật mà bị mất thì trong lòng càng thêm phần hận, lo buồn, oán hận, sầu khổ, không rảnh trí nổi, nên kinh mới nói: *‘Chẳng buông bỏ nổi’*.

Bốn câu từ *‘mất mạng là mất hết’* trở đi piem chỉ hết thầy người đời. Lúc lâm chung, hết thầy tài vật quyến thuộc yêu dấu, tiếc nuối đều phải buông bỏ hết; một mình mình đến, một mình mình đi, không ai bầu bạn. Dẫu người mình thương yêu nhất cam chịu chết cùng lúc với mình thì cũng chẳng thể đến cùng một chỗ! Nghiệp nhân bất đồng, quả báo sai khác ngàn lần, nên mỗi người sẽ sanh về một chỗ khác nhau. Bởi thế kinh dạy: *‘Đem theo được thứ gì?’*

Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên có dạy: *‘Người ấy lúc lâm chung, trong sát na cuối cùng, hết thầy các căn thầy đều tan hoại, hết thầy thân thuộc đều lìa bỏ, hết thầy oai thế thầy đều tan mất. Phụ tướng, đại thần, cung thành trong ngoài, voi, ngựa, xe cộ, kho tàng của báu, hết thầy những thứ như vậy chẳng có thứ nào theo mình’*. Đoạn kinh ấy có cùng ý nghĩa với đoạn kinh ở đây.

Thường nghe: *‘Mọi thứ đều bỏ hết, chỉ còn nghiệp theo thân’*; bất luận giàu nghèo, không ai là

chẳng giống vậy, ai nấy ưu khổ vô tận nên kinh mới nói là: *‘Ưu khổ muôn bề!’*

Chánh kinh:

Nhân dân trong thế gian: cha con, anh em, vợ chồng, thân thuộc phải nên kính ái nhau, chẳng nên ganh ghét nhau. Kẻ có chia xẻ cho người không chẳng nên tham tiếc. Lời lẽ, vẻ mặt thường hòa hoãn, chớ nên chống trái nhau. Nếu có lúc tâm tranh chấp nhau, sanh ra giận dữ thì đời sau càng chuyển thành nặng nề đến nỗi thành mối oán hận lớn. Sự trong thế gian càng thêm tai hại tuy chẳng thấy ngay lập tức. Phải gấp nghĩ cách phá đi!

Giải:

Đoạn kinh này khuyên dạy người đời đối với thân thuộc phải nên hòa kính, vì nếu chẳng hòa kính sẽ trở thành oán thù.

‘Kính ái’ là cung kính và từ ái, *‘ganh ghét’* là ghét bỏ và ganh tị. Sách Hội Sớ nói: *‘Giọng vui vẻ chẳng nóng giận, lời lẽ chẳng chống trái, gay gắt, ôn hòa, khiêm cung. Mặt chẳng cau có thì gọi là thường hòa hoãn’*. Như vậy, *‘vẻ mặt, lời nói thường hòa hoãn’* chính là như ở phần trên kinh đã dạy *‘hòa nhan ái ngữ’* vậy.

Trên đây, Phật đã khuyên thường hòa hoãn, tiếp theo, Phật dạy nếu bất hòa sẽ kết thành đại oán.

Chữ ‘*tranh*’ trong câu ‘*nếu có lúc tâm tranh chấp nhau*’ nghĩa là kèn cựa. Sách Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa giảng ‘*tranh*’ là ‘*kiện tụng*’.

Sách Hội Sớ bảo: ‘*Thói đời lúc bình thường vốn chẳng phân hận, chợt gặp cảnh trái nghịch nên bất thành linh tranh chấp nhau nên mới bảo là ‘nếu có lúc’.* Có lúc chợt khởi lên cái tâm đầu đá, kiện cáo, tranh chấp nhau nên mới nói là ‘*nếu có lúc tâm tranh chấp*’.

‘*Giận dữ*’ (sân khuê) là nóng nảy, phẫn nộ. Giận dữ là một trong tam độc. Một khi tâm sân lên thì tạo thành mối hận nhỏ, oan oan tương báo không lúc nào thôi. Kẻ oán ghét thường chạm mặt nhau, sát hại lẫn nhau, càng lúc thêm dữ dội nên kinh mới bảo: ‘*Đời sau càng chuyển thành nặng nề đến nỗi thành mối oán hận lớn*’ (như vua Lưu Ly vì muốn báo thù cái oán đời trước mà giết hại cả dòng họ Thích).

‘*Sự trong thế gian càng thêm tai hại*’ là những sự báo oán trong thế gian tạo thành họa hại. Đã tạo nghiệp nhân, ắt kết thành ác quả. Vì sự báo ứng chẳng lập tức hiển hiện ngay trong hiện tại nên kinh mới nói ‘*tuy chẳng thấy ngay lập tức*’, nhưng nhân quả chẳng hư, quyết sẽ báo ứng trong đời sau nên kinh mới nói: ‘*Phải gấp nghĩ cách phá đi*’. Chúng sanh sợ quả, Bồ Tát sợ nhân là vậy!

Chánh kinh:

Trong ái dục, con người sanh một mình, chết một mình. Mình mình đến, mình mình đi, khổ vui tự chịu lấy, chẳng ai thế cho. Thiện, ác biến hóa theo đuổi đến từng kiếp sống. Đường lối bất đồng, không dịp gặp gỡ. Sao chẳng ngay trong lúc còn khỏe mạnh, nỗ lực tu thiện, còn muốn đợi đến khi nào?

Giải:

Đoạn này, Phật khuyến dụ người đời bỏ ác tu thiện.

‘*Ái dục*’ là tình ái và tham dục; ái dục chính là cội gốc sanh tử. Ái chẳng nặng chẳng đọa Sa Bà. Toàn thể thể nhân chìm đắm trong ái dục cho nên chết đây sanh kia, lưu chuyển vô cùng. Dầu cho quyến thuộc đầy nhà nhưng lúc sanh tử: sanh thì trở một thân đi đến, chết thì riêng một mình mình ra đi, chẳng có ai theo, không ai thay được. Vì thế, kinh nói: ‘*Sanh một mình, chết một mình; mình mình đến, mình mình đi*’.

Câu ‘*khổ vui tự chịu lấy, chẳng ai thế cho*’ ý nói: quả báo sướng hay khổ đều do tự mình tạo, tự mình hưởng, cũng không ai khác thay thế được. Ngài Cảnh Hưng nói: ‘*Tự chịu lấy tức là tự mình nhận lấy*’.

Câu *‘thiện ác biến hóa’* được ngài Cảnh Hưng giảng như sau: *‘Thiện biến hóa chính là quả báo trong đường lành. Ác biến hóa là quả báo trong đường ác’*.

Sách Hội Sớ nói: *‘Đời này tuy là thiện quả, nhưng tạo nghiệp nhân ác thì đời sau sẽ chiêu cảm, biến thành tai ương. Đời này tuy là ác quả nhưng làm lành thì đời sau sẽ hưởng phước báo. Thiên biến vạn hóa chẳng thể nói trọn’*. Đây lại là một cách giải thích khác của chữ *‘biến hóa’*. Ngài Gia Tường lại giảng: *‘Nhân ác chịu khổ, nhân lành hưởng vui. Quả báo nhanh chóng’*.

‘Theo đuổi đến từng kiếp sống’ nghĩa là sanh về đâu quả báo cũng đuổi theo ngay đó, chẳng hề bỏ rời. Tùy theo nghiệp nhân mà cảm được quả báo thiện hay là ác.

Gia Tường Sớ giảng câu *‘đường lối bất đồng’* như sau: *‘Làm lành thì quả báo chóng thiên đường chờ sẵn. Làm ác thì núi đao rừng kiếm đón chờ’*. Nhân quả mỗi người sai khác nên sẽ sanh về những nơi khác xa nhau. Bởi vậy, lúc lâm chung chia tay nhau trọn thành vĩnh biệt. Một phen chịu báo trong tam đồ là cả năm ngàn kiếp, trôi lăn trong sáu nẻo, biết ngày nào gặp lại nhau. Dầu có trùng phùng cũng chẳng hề nhận biết nổi nhau nên mới nói: *‘Không dịp gặp gỡ’*.

Bởi đây, đức Thế Tôn xót thương cảnh tỉnh khuyển lon người đời sao chẳng ngay lúc mạnh khoẻ ‘*nỗ lực tu thiện*’ chứ còn đợi đến khi nào nữa? Người già thể xác suy yếu, khó bề siêng tu như kinh Niết Bàn đã bảo: ‘*Này Ca Diếp! Ví như cây mía đã bị ép rồi, bã mía chẳng còn vị gì. Tuổi trẻ sắc đẹp cũng giống như thế, khi bị tuổi già ép thì chẳng còn có ba thứ vị: một là vị xuất gia, hai là vị đạo tưng, ba là vị tọa thiền*’. Tuổi già mất cả ba thứ vị như vậy nên phải gấp rút nỗ lực, chớ nên chần chừ.

Chánh kinh:

Người đời chẳng thể tự thấy thiện ác, cát, hung, họa, phước, tranh nhau mà làm. Thân ngu dốt, tinh thần tối tăm, đâm ra tin nhận các giáo lý khác, điên đảo tiếp nối. [Do] căn bản vô thường [nên] mù mịt, tối tăm, càn rỡ, chẳng tin kinh pháp, tâm chẳng lo xa. Ai nấy chỉ muốn khoái ý, mê man nóng giận, tham lam tài sắc, trọn chẳng ngừng nghỉ.

Ôi! Đáng thương thay! Người đời trước chẳng lành, chẳng biết đạo đức; [cha ông] không bàn đến [thì con cháu chẳng biết gì] thật chẳng có gì là lạ! Nẻo sanh tử, đường thiện ác đều chẳng tin tưởng, nói là đời nào có! Hãy quan sát xem để tự thấy biết lấy: nào cha khóc con, hoặc

con khóc cha. Anh, em, chồng, vợ khóc thương lẫn nhau.

Giải:

Cả phẩm kinh này chỉ rõ chúng sanh trong uế độ này ba độc lầy lừng, tạo ác đáng sợ. Đoạn đầu tiên nói về tham độc *‘giàu nghèo đều vậy, ưu khổ muôn bề’*; đoạn kế đó nói về sân độc *‘đến nổi thành mối oán hận lớn’*. Đoạn này giảng về si độc: *‘Thân ngu dốt, tinh thần tối tăm’, ‘chẳng tin kinh pháp’, ‘đường thiện ác đều chẳng tin tưởng’*.

Cái họa si độc làm thương tổn huệ mạng của con người. Si độc chính là cái gốc của cả ba độc, vì thế nó gây hại rất sâu.

Đoạn kinh này ý nói: Người đời ngu si, chẳng biết thế nào là thiện, thế nào là ác, cứ theo ý mình càng phân biệt sai quấy thêm; chẳng thể tin nổi quy luật thường hằng nhân quả thiện ác trong ba đời nên kinh nói: *‘Người đời chẳng thể tự thấy thiện ác’*. Đã chẳng biết nhân lại chẳng sợ quả, chỉ cốt khoái ý chốc lát, chẳng sợ hậu họa vô cùng. Phóng túng càn rỡ, mặc sức làm ác, đua nhau gây nhân ác, chẳng đoái hoài hung họa tương lai nên kinh mới bảo: *‘Cát, hung, họa phước tranh nhau mà làm’*.

Ngài Gia Tường lại giảng: ‘*Người đòi cho rằng: lúc chết, vì cúng tế mà sát sanh là hung, những dịp như cưới gả v.v... là cát. Đối với hai việc này, người đòi đua nhau mà làm*’. Ý nói: Cát, hung là nhân; họa phước là quả. Sát sanh để cúng tế là hung, sát nghiệp cảm lấy quả báo trong tam đồ nên là họa. Người đòi cho rằng cưới gả là cát, nhưng chẳng biết do vui mừng mà sát sanh thì lại trở thành hung sự, chiêu cảm cái họa vô cùng trong tương lai. Ấy là vì thế nhân chẳng hiểu dù thiện hay ác đều chiêu cảm quả báo.

Sách Gia Tường Sớ giảng câu ‘*thân ngu dốt, tinh thần tối tăm*’ như sau: ‘*Do thân tạo ác nên bảo là thân ngu dốt, tâm chẳng tin nên bảo là tinh thần tối tăm*’. Còn Tịnh Ảnh Sớ lại giảng: ‘*Thân ngu dốt, tinh thần tối tăm là tâm ý bẻ tắc, chẳng thể tự thấy nổi chuyện thiện ác sanh tử*’. Như vậy, ngu dốt, tối tăm chính là si độn.

Do ngu si nên tâm ý bẻ tắc chẳng thể chánh tín nhân quả, chẳng tin nhận nổi kinh pháp hòng nhập chánh đạo. Ngược lại, càng dễ đâm ra tin thờ các tà thuyết ngoại đạo. Bởi thế, kinh nói: ‘*Đâm ra tin nhận các giáo lý khác*’. Thấy biết điên đảo như thế liên tục chẳng dứt, chìm đắm mãi mãi trong sanh tử; nhưng nguồn gốc của những tà kiến ấy lại chính là si nghiệp. Sanh tử vô thường là do si làm cội gốc. Kinh gọi đó là: ‘*Căn bốn vô thường*’.

‘*Mông minh để đột*’ (tạm dịch: Mù mịt, tối tăm, càn rỡ): ‘*Mông*’ là đầu có tròng mắt mà chẳng thấy gì. Ngài Cảnh Hưng bảo: ‘*Mù mịt lại càng thêm mù mịt. Mù mịt là vì bị che lấp nên chẳng sáng suốt. Tối tăm là do ám muội chẳng hiểu biết*’. ‘*Để*’ là như con thú dùng sừng húc các vật, ‘*đột*’ là xông thẳng vào.

Ngài Nghĩa Tịch giảng câu ‘*mông minh để đột*’ như sau: [*Câu này*] ý nói chẳng hiểu biết gì, dụng việc là làm càn như đứa trẻ đi đêm, như chó dại chạy quàng, không điều gì không làm’. Do ngu muội, tăm tối nên chẳng hiểu nghĩa kinh; quen tánh hung hăng, thích xung đột nên chẳng tin nhận nổi kinh pháp. Do vậy, ‘*tâm chẳng lo xa, chỉ cốt khoái ý*’. Sách Hội Sớ viết: ‘*Chẳng quan tâm đến đời sau, chỉ cầu cái vui hiện tại nên bảo là “chỉ cốt khoái ý”*’. Ôm lòng giận dữ, tham tài hiếu sắc chẳng lúc nào ngơi nên Phật mới than: ‘*Ôi! Đáng thương thay!*’.

Câu ‘*người đời trước chẳng lành, chẳng biết đạo đức*’ ngụ ý: Đời cha ông ngu si. Tịnh Ảnh Sớ giảng: ‘*Trọn chẳng làm thiện” nghĩa là vô hạnh. “Chẳng biết đạo đức” là chẳng hiểu biết*’. Đã không hiểu biết lại còn vô hạnh thì thật là ngu si cùng cực. Đời này tiếp nối đời kia, những lời cha dạy con toàn là tà thuyết, chẳng bàn đến quả báo

thiện ác nên kinh mới bảo: ‘*Chẳng nói gì đến*’. Cha ông si độn, ngoan cố thì con cháu vô tri là chuyện tất nhiên nên kinh mới bảo: ‘*Thật chẳng có gì là lạ!*’.

Tịnh Ảnh Sơ giảng câu ‘*nẻo sanh tử, đường thiện ác*’ như sau: ‘*Chẳng thể tự thấy nẻo sanh tử là chẳng biết quả. Chẳng thể tự thấy đường thiện ác là chẳng hiểu nhân. Tự tâm chẳng biết cả nhân lẫn quả, lại không ai bảo cho nên trọn chẳng hiểu biết*’. Bởi thế mới ‘*đều chẳng tin nổi, nói là chẳng có*’.

Nếu chẳng biết việc sanh tử thì cứ tự xem đi: cha con, anh em, chồng vợ bị cái chết chia lìa, thương khóc lẫn nhau, có ai tránh khỏi đâu!

Chánh kinh:

Một sống, một chết, bịn rịn, luyến tiếc nhau. Ưu khổ thất buộc, không lúc nào tháo nổi. Nghĩ tưởng [những niềm] ân ái, yêu mến, chẳng lìa tình dục, chẳng thể suy sâu nghĩ chín, chuyên rông hành đạo. Tuổi thọ chớp mắt là hết, biết làm sao đây!

Giải:

Người đời ngu si, tham ái, chẳng biết muôn sự trong đời đều như huyễn mộng, như hoa đóm trên không, làm tưởng thật có; nào hay vô thường vùn vụt, chẳng giữ mãi nổi. Lúc sanh càng thêm yêu

mến, lúc chết bội phần xót xa. Lúc sanh tử: kẻ còn thương xót thân nhân từ nay vĩnh biệt; kẻ chết thương mình ra đi vĩnh viễn, lưu luyến nhau khó bỏ nổi, như mũi dao xoay vào tim. Bởi thế, kinh nói: *‘Một sống, một chết, bịn rịn, luyến tiếc nhau’*.

Những ân ái xưa kia nay thành ưu khổ, hai điều này trói buộc thân tâm như dây thắt chặt mối, chẳng thoát ra nổi nên kinh bảo: *‘Ưu khổ thắt buộc, chẳng lúc nào tháo ra nổi’*. Mà *‘thắt buộc’* (kết phược) chính là phiền não. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương chép: *‘Phiền não, ám hoặc trói buộc hành nhân nên gọi là “kết”*. Nó lại ràng buộc cái tâm nên gọi là “kết” vì nó kết tập hết thảy sanh tử’. Như vậy, vướng vít vào tình ái thì liền bị sanh tử buộc ràng, chẳng có lúc nào thoát khỏi.

‘Nghĩ tưởng [những điều] ân ái, yêu thích’: Xét tận cội nguồn, những điều người đời yêu quý thật sự là do tình dục ⁽⁴⁾ mà chẳng biết rằng *‘dục là cội khổ’*, *‘thuần tình ắt đọa’*. Nếu đối với những điều ấy, ta chẳng thể *‘suy sâu nghĩ chín’* để nhất tâm tu đạo hòng cầu giải thoát thì nháy mắt vô thường xộc đến, thọ mạng chấm dứt, đến lúc ấy, làm sao bươn bả, kêu van gì nổi!

Mạng người trong hơi thở nên kinh mới bảo: *‘Tuổi thọ chớp mắt là hết’* (niên thọ toàn tận). *‘Toàn tận’* là nháy mắt đã hết.

Chánh kinh:

Kẻ làm lẫn nơi đạo rất nhiều, kẻ ngộ đạo lại ít. Ai nấy ôm lòng sát hại, độc ác, ác khí mịt mù, làm chuyện sai quấy trái nghịch thiên địa, mặc tình phóng túng tạo tội cùng cực; tuổi thọ chợt bị đoạt mất, lọt xuống ác đạo chẳng có kỳ ra.

Giải:

Đoạn kinh này giảng về cái họa do từ si mê mà khởi lên sân hận.

Trong ba ác nghiệp, sân nghiệp là nhân của địa ngục. Có câu: *‘Một đóm lửa sân tâm thiêu trụi rừng công đức’*. Thế nhân ít kẻ tỉnh ngộ chánh đạo, lắm kẻ mê hoặc nên lòng luôn ôm ấp ý giết hại, độc địa, tàn hại mạng người khác. Ác khí hùng hực, từ chỗ tội vào trong chỗ tội nên kinh mới nói *‘ác khí mịt mù’*.

‘Mịt mù’ lại có nghĩa là tối tăm, vô tri, đê mê tội. Làm cái gì cũng sai lầm nên kinh bảo *‘làm chuyện sai quấy’*, bởi thế mới *‘trái nghịch thiên địa’*. Ngài Gia Tường bảo: *‘Trên chẳng thuận lòng trời, dưới nghịch ý Diêm La vương’*. Mặc lòng tạo ác như thế nên kinh bảo là *‘mặc tình phóng túng’*. Suốt ngày tạo tội ngập trời nên bảo là *‘tạo tội cùng cực’*. Bởi đó, bị tội nghiệp lôi kéo nên chẳng đợi đến khi tuổi thọ hết đã bị mất mạng *‘rớt*

xuống ác đạo’.

‘Đoạt’ là cưỡng lấy, làm cho mất hẳn đi. Mạng sống đột ngột bị mất đi nên mới nói là: ‘*Tuổi thọ chợt bị đoạt mất*’. Ngài Tịnh Ảnh bảo: ‘*Do si khởi sân, tàn hại lẫn nhau, ai nấy ôm lòng giết chóc. Ác độc, ác khí mù mịt, làm các điều quấy*’. Ngài lại bảo: ‘*Kẻ tạo tội ác do sức tức nghiệp sẽ tự nhiên chiêu cảm ác duyên phi pháp, thuận theo [những ác duyên ấy] mặc sức tạo tội. Cho đến khi tội tới mức cùng cực sẽ đọa ác đạo, chịu khổ vô cực*’.

Ý nói: Người đời do ngu si nên sanh tâm sân hận mà giết chóc, tàn hại lẫn nhau, mặc tình làm ác; ôm lòng độc ác, chỉ làm các điều xằng bậy. Kẻ tạo tội như thế do nghiệp lực tội ác của đời trước sẽ mặc sức làm ác. Tới khi sự ác ngập đầu, quả báo ắt sẽ hiển hiện nên đột nhiên bị chết mất đi, đọa lạc trong ba ác đạo, chịu lấy quả báo chẳng có cùng cực, không biết khi nào mới thoát nổi nên kinh nói: ‘*Chẳng có lúc ra*’.

Chánh kinh:

Các người nên suy nghĩ chín chắn, xa lìa các ác, chọn lựa điều thiện để siêng thực hành. Ái dục, vinh hoa chẳng giữ mãi được, đều sẽ biệt ly, chẳng thể vui nổi. Phải nên siêng tinh tấn

sanh cõi An Lạc. Trí huệ minh đạt, công đức thù thắng. Đừng chạy theo điều ham muốn trong tâm mà khiêm khuyết kinh giới, tụt hậu sau người khác.

Giải:

Đoạn cuối này là lời khuyên chung: dứt ác làm lành, cầu sanh Cực Lạc. ‘*Suy nghĩ chín chắn*’ là như ta thường nói: suy sâu nghĩ chín.

Toàn đoạn kinh từ chữ ‘*ái dục, vinh hoa*’ đến ‘*chẳng thể vui nổi*’ được sách Hội Sớ giảng như sau: ‘*Vinh hoa chẳng giữ nổi, hội hợp rồi nhất định ly tán. Ái dục chẳng thường còn, thanh rồi ắt có suy. Diên đảo làm tướng là vui nên [những điều ấy] chẳng đáng ưa thích*’.

Ông Bành Tế Thanh bảo: ‘*Hết thấy người đời coi dục là vui, chẳng biết đó là khổ. Người trí xem thấy chỉ toàn là khổ, không chút vui nào. Vì sao vậy? Cứ coi ‘có’ là vui, ‘không’ là khổ, nào hay ‘có’ chính cái nhân của ‘không’. Xem ‘được’ là vui, coi ‘mất’ là khổ, nào hay ‘được’ chính là cái nhân của ‘mất’. Coi tụ tập là vui, tan lìa là khổ, nào hay tụ tập là cái nhân của tan lìa. Coi sanh là vui, coi diệt là khổ, nào hay sanh chính là cái nhân của diệt*’.

Ý nói: Những điều chúng sanh tưởng là vui thật ra chính là cái nhân tạo khổ. Từ cái nhân tạo

khô ấy ắt phải sanh ra quả khô nên bảo là *‘chẳng thể vui nổi’*.

Tiếp đó, Phật khuyên nên tinh tấn cầu sanh Cực Lạc. Được sanh về cõi ấy rồi thì ai nấy ắt đều *‘trí huệ minh đạt, công đức thù thắng’*. ‘Minh’ là hiểu rành rẽ, ‘đạt’ là thông đạt. Tịnh Ảnh Sớ giảng: *‘Trí huệ minh đạt là đạt được trí huệ thù thắng. Công đức thù thắng là được phước thù thắng’*. Trí lẫn phước đều thù thắng nên Phật khuyên người đời siêng năng cầu vãng sanh.

Ngài còn răn dạy: *‘Đừng chạy theo điều ham muốn trong tâm mà kiếm khuyết kinh giới, tụt hậu sau người khác’*. Kinh là kinh giáo, Giới là giới hạnh. Ở đây, Phật đặc biệt khuyên ta nên trì giới bởi giới là nền tảng của muôn hạnh.

‘Đừng chạy theo cái tâm’ là như kinh Niết Bàn dạy: *‘Làm thầy của cái tâm chớ để cái tâm làm thầy mình’*, nghĩa là: Nếu để cho cái tâm sai khiến được mình thì hành nhân mắc sai lầm lớn. Ấy là vì cái vọng tâm này chính là cội rễ sanh tử, tuân theo cái vọng tâm này thì khác nào nhận giặc làm con, toan nấu cát thành cơm, làm sao ăn nổi? Lẽ đâu rong ruổi theo tâm tánh làm điều càn quấy hay sao? Câu kinh sau đây trong kinh Tứ Thập Nhị Chương: *‘Cẩn thận đừng tin tâm ý của người, tâm ý người không thể tin nổi!’* có cùng một ý nghĩa với câu

kinh ở đây. *‘Tự hậu lại sau người khác’* là thua người khác vậy.

34. Tâm được khai minh

Trong phẩm này, ngài Di Lặc lãnh hội được ý chỉ của Phật, tâm được khai minh. Phật lại ban lời dạy: một là đoạn hoặc chướng niệm Phật, biết khổ tu thiện; hai là tự lợi, lợi tha, lần lượt cứu vớt nhau; ba là lại dạy về quả báo thù thắng của cõi Cực Lạc; bốn là đoạn trừ nghi ngờ để khỏi bị sanh vào biên địa.

Chánh kinh:

Ngài Di Lặc bạch rằng: ‘Lời Phật dạy răn rất sâu, rất lành, [chúng con] đều được nhờ từ ân giải thoát ưu khổ. Phật là pháp vương, tôn quý, cao siêu hơn các thánh, quang minh chiếu tột, thấu suốt vô cực, làm thầy của khắp hết thủy trời người. Nay được gặp Phật, lại nghe danh hiệu đức Vô Lượng Thọ, không ai chẳng hoan hỷ, tâm được khai minh.

Giải:

Ngài Di Lặc lãnh ngộ lời Phật, tự mừng vui sâu xa, tỏ bày lời tán tụng bằng cách bạch rằng: *‘Lời Phật dạy răn rất sâu, rất lành’*.

Hai chữ ‘*giáo giới*’ (dạy răn) được sách Câu Xá Giới Phẩm Tụng Sớ giảng: ‘*Giáo là dạy dỗ khiến người tu thiện; Giới là răn đe khiến người đoạn ác. Đoạn ác tu thiện nên gọi là giáo giới*’.

Sách Hội Sớ lại nói: ‘*Giáo là lời người trên bảo kẻ dưới. Giới là ngăn chặn, ước thúc. Lời nói thấu triệt thật lý nên bảo là “rất sâu”, chuyển phàm thành thánh nên bảo là “rất lành”*’.

Pháp âm thấm nhuần rộng rãi, khiến cho khắp mọi người nghe ‘*đều được nhờ từ ân giải thoát ưu khổ*’. Sách Hội Sớ giảng: ‘*Giải thoát ưu khổ là được nghe pháp yếu dứt bật những nỗi lo trôi nổi, no say pháp lạc, thoát khổ sanh tử*’. Ý nói: Được nghe pháp yếu nên dứt được nỗi lo bị trôi nổi trong sáu đường; nếm no nê pháp lạc nên trừ được cái khổ sanh tử.

‘*Phật là pháp vương*’ là như kinh Pháp Hoa, phẩm Dược Vương đã chép: ‘*Như Phật là vua của các pháp*’. Như Lai tự tại nơi pháp nên được xưng tụng là ‘*pháp vương*’. Phẩm Thí Dụ của kinh Pháp Hoa có câu: ‘*Ta làm pháp vương tự tại nơi pháp*’. Ta là lời đức Thích Ca tự xưng. Chữ ‘*các thánh*’ chỉ các bậc thánh nhân đã đoạn hoặc, chứng lý từ Sơ Quả của Tiểu Thừa trở lên và từ Sơ Địa của Đại Thừa trở lên. Phật là đạo sư của cả chín cõi, là bậc

tôn quý nhất trong các thánh nên ngài Di Lặc bảo Phật *‘tôn quý, cao siêu hơn các thánh’*.

Quang minh của Phật chiếu tột, suốt thấu chẳng có ngăn hạn nên bảo là *‘quang minh chiếu tột, suốt thấu vô cực’*. Ngài Tịnh Ảnh lại giảng là: *‘Quang minh chiếu tột là tự phước thù thắng, thấu suốt vô cực là tự trí thù thắng’*. Ngài lại giảng chữ *‘vô cực’* như sau: *‘Danh cảm động mười phương, nhiếp thọ kẻ có duyên nên bảo là vô cùng cực’*.

Tổng hợp cả hai cách giải thích này thì hiểu thấu cái Không đến mức vô cực chính là tự trí rất ráo thông đạt Đệ Nhất Nghĩa Không, chứng ngộ triệt để lý thể chính là đại trí, cho nên bảo là *‘thù thắng’*. Phổ độ chúng sanh hữu duyên trong mười phương chẳng có ngăn hạn thì chính là đại bi. Như Lai từ thể khởi dụng, vận dụng cả Bi lẫn Trí nên diệu dụng vô tận. Như vậy là ngài Di Lặc đã khen ngợi Phật đức: phước lẫn trí đều siêu việt, thù thắng.

Thêm nữa, một trong mười hiệu của Phật là Thiên Nhân Sư. Trên trời, dưới thế chỉ có mình đức Phật là tôn quý. Ngài đạo khắp mười phương làm đại đạo sư nên bảo là: *‘Làm thầy của khắp hết thầy trời, người’*.

Kinh dạy: *‘Thân người khó được, Phật khó gặp’* nên *‘nay được gặp Phật’* là điều vui mừng lớn lao.

‘Lại được nghe danh hiệu đức Vô Lượng Thọ’ là như kinh dạy: *‘Tín, huệ, nghe pháp là điều khó nhất trong các điều khó’*; hưởng hò lại được nghe diệu pháp bất khả tư nghì: sáu chữ hồng danh, Nhất Thừa nguyện hải tối cực viên đôn. Sách Di Đà Yêu Giải cũng nói: *‘Chẳng luận chí tâm, tán tâm, hữu tâm, vô tâm, hoặc hiểu hay chẳng hiểu, chỉ một phen danh hiệu Di Đà thoảng qua tai thì dẫn cho ngàn vạn kiếp sau cũng nhờ đó mà được độ thoát’*.

Vì thế, pháp này khiến cho hội chúng hoan hỷ, mừng rỡ, khai phát Phật trí, hiểu rõ tự tánh. Bởi vậy, ngài Di Lặc mới bảo: *‘Tâm được khai minh’*. Sách Hội Sớ bảo: *‘Khai phát Phật trí, đoạn diệt vô minh nên bảo là khai minh’*. *‘Không ai chẳng hoan hỷ’* nghĩa là cả đại hội đều hoan hỷ.

Chánh kinh:

Phật bảo ngài Di Lặc:

- Tôn kính đức Phật là đại thiện. Thật phải nên niệm Phật, cắt đứt hồ nghi, nhổ trừ ái dục, lấp các nguồn ác. Du bộ tam giới chẳng hề ngăn ngại. Khai thị chánh đạo, độ kẻ chưa độ. Các ông nên biết mười phương nhân dân từ bao kiếp

đến nay xoay vần trong ngũ đạo, ưu khổ bất tuyệt. Lúc sanh ra khổ sở, đốn đau; lúc già cũng khổ sở đốn đau; lúc bệnh khổ sở đốn đau tột bực; lúc chết khổ sở đốn đau tột bực. Xấu ác, hôi thối bất tịnh, có chi đáng vui? Hãy tự quyết đoạn, tẩy trừ tâm cấu, ngôn hạnh trung tín, trong ngoài tương ưng.

Giải:

Phật lại dạy bảo ngài Di Lặc lần nữa; trước hết ngài dạy nên tự độ.

Cả hai câu: *‘Tôn kính đức Phật là đại thiện. Thật phải nên niệm Phật, cắt đứt hồ nghi’* là cương yếu của toàn bộ giáo lý trong Đại Tạng. *‘Kính’* là cung kính.

Tịnh Ảnh Sớ giảng chữ *‘kính Phật’* như sau: *‘Kính trọng, gánh vác Phật ân thì gọi là kính Phật’*.

‘Gánh vác’ nghĩa là đảm đương, nhận lãnh.

Như Lai vạn kiếp huân tu, nhập Phật tri kiến, rồi dùng tri kiến ấy khai thị bọn chúng ta để tất cả đều được ngộ nhập. Dùng Quả Giác của Phật để làm cái nhân tâm của chúng ta thì chẳng phải tốn công suốt cả ba a tăng kỳ, chúng nhập ngay được Phật trí. Đây chính là thâm ân của Phật. Bọn chúng ta phải theo đúng lời Phật khai thị, nương vào văn tự Bát Nhã mà quán chiếu hòng chứng nhập Thật Tướng. Đây gọi là *‘kính trọng, gánh vác Phật ân’*.

Tuân theo những điều Phật dạy răn trong kinh này hầu đốn tâm chánh hạnh, dứt ác tu thiện, phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm A Di Đà Phật, sanh ngang qua bốn cõi Tịnh Độ, chứng trọn vẹn bất thoái thì mới là tôn kính Phật một cách chơn thật.

Chữ ‘đại’ (trong ‘đại thiện’) phải hiểu như chữ ‘đại’ được dùng trong từ ngữ ‘đại phương quảng’: dứt bật các đối đãi nên cường gọi là ‘đại’. Ở đây, kinh nói ‘đại thiện’ nghĩa là điều lành vô thượng. Sách Hội Sớ lại bảo: ‘*Tam nghiệp kính phụng mới là “tôn kính”*’. Dùng cả ba nghiệp thân, khẩu, ý của chính mình để cung kính, phụng sự Như Lai: thân nghiệp thanh tịnh, khẩu nghiệp thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh thì mới gọi là ‘*kính Phật*’. Chẳng phải như thế tục cứ nghĩ đốt hương, sụp lạy mới là ‘*kính Phật*’.

Mật tông thường nói: ‘*Thanh tịnh tam môn tin Thượng Sư*’, ‘*dùng thân, khẩu, ý cúng dường Thượng Sư*’ cũng là do nghĩa này. Kính Phật như vậy mới thật là ‘đại thiện’. Sách Hội Sớ còn nói: ‘*Phật như thuốc Thiện Kiến, thấy nghe đều được lợi ích nên gọi Phật là đại thiện*’.

‘*Thật phải nên niệm Phật, cắt đứt hồ nghi*’: Niệm Phật mới chính là tôn kính, gánh vác Phật ân

bởi vì Nhất Thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh chính là cái ân tối thượng trong những Phật ân.

Lại vì niệm Phật chính là *'tam nghiệp kính phụng'*, thâm nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối; cả ba nghiệp thân, khẩu, ý đều chuyên chú nơi Phật thì mới là quy kính một cách chơn thật.

Nếu muốn chơn thật niệm Phật thì trước hết phải *'cắt đứt hồ nghi'*. Tánh của loài cáo hay nghi ngờ nên mới bảo là *'hồ nghi'*. Hành nhân chẳng dứt nỗi nghi thì chẳng dám dũng mãnh tiến lên nên bảo là *'còn hồ nghi'*. Nên biết rằng: Khi chưa đoạn nỗi cội nghi thì sẽ khi tin, khi ngờ, nửa tin, nửa ngờ, hoặc miễn cưỡng niệm thử, nhưng tâm ý chưa yên; hoặc là miệng tuy niệm Phật mà tâm vẫn hăm mộ tông khác. Đây đều chẳng phải là chơn thật niệm Phật.

Nói tóm lại, nghi tình chưa đoạn, chánh tín khó sanh. Tín nguyện khiếm khuyết thì tư lương khiếm khuyết. Vì thế, Phật dạy phải *'cắt đứt hồ nghi'*, rỗng rặt niệm Phật, hăm mộ, hăm hờ niệm, độc trọn cả tính mạng mà niệm cho tới chết! Hoa nở gặp Phật ngộ vô sanh nhẫn. Như vậy mới là *'đại thiện'*!

Trên đây, Phật đã dạy đoạn nghi niệm Phật; tiếp đó, ngài lại dạy niệm Phật có thể đoạn nghi. Sách An Lạc Tập viết: *'Nếu có thể thường tu niệm*

Phật tam muội thì trừ được tham, sân, si. Chẳng luận hiện tại, quá khứ, tương lai, hết thấy các chướng đều trừ được cả!’. Ngu si kém trí nên tâm hồ nghi. Niệm Phật trừ nghi nên nghi tình tự đoạn. Hai vị đại sư Liên Trì, Linh Phong đều dạy: ‘Phật hiệu gieo vào tâm loạn, tâm loạn chẳng thể chẳng thành Phật’. Đây chính là ý nghĩa của câu ‘thật phải nên niệm Phật, cắt đứt hồ nghi’ vậy.

Đối với câu ‘*nhỏ trừ ái dục*’, ngài Cảnh Hưng giảng như sau: ‘*Nhỏ dục là khiến lìa phiền não*’. Trong các nhân của những nỗi khổ, tham dục chính là cội rễ nên Phật khuyên phải đoạn trừ ái dục.

‘*Lấp các nguồn ác*’: Lấp là ngăn bít. Tịnh Ảnh Sớ ghi: ‘*Lấp các nguồn ác là khiến lìa ác nghiệp. Lấp cũng như bít. Ác nghiệp chính là nguồn gốc của ác đạo, nó được gọi là nguồn của các điều ác. Dạy phải đoạn ác nên bảo là lấp*’. Ý nói: Dạy ‘*lấp các nguồn ác*’ là dạy lìa các ác nghiệp vì ác nghiệp khiến người ta phải đọa ác đạo. Ác nghiệp chính là căn cội của các đường ác nên được gọi là ‘*nguồn ác*’. Bởi thế, phải nên đóng lấp nó.

Ngài Vọng Tây cũng giảng giống vậy: ‘*Lấp các nguồn ác là khiến đoạn ác nghiệp. Trôi lăn trong sanh tử là do ác nghiệp làm nguồn cội nên gọi là “nguồn”*’.

Sách Hội Sớ lại giải thích cách khác: *‘Trong các phiền não, nóng giận là nặng nề nhất nên bảo là “nguồn”; chữ “nguồn” cũng chỉ cho nguồn vô minh. Phật đều đoạn hết cả chẳng để thừa sót gì!’* nên bảo *‘lấp các nguồn ác’*.

Ta có thể áp dụng cả hai cách giải thích này chẳng trở ngại gì. Sách Hội Sớ đứng về phía Phật mà giảng, còn những thuyết của ngài Tịnh Ảnh, Vọng Tây... là căn cứ trên việc hành nhân hạ thủ công phu mà luận.

Câu *‘du bộ tam giới chẳng hề ngăn ngại’* được sách Hội Sớ giảng như sau: *‘Thần thông biến hóa chẳng phải suy tính gì, thường thể hội tánh Không nên bảo là du bộ’*. Ngài Cảnh Hưng bảo: *‘Trên trời dưới thế, chỉ mình Phật là tôn quý cho nên ngài du bộ tam giới, biến hóa tùy ý chẳng bị ngăn ngại’*.

Chữ *‘quái’* trong *‘quái ngại’* (ngăn ngại) có nghĩa là trở ngại, ngăn đón. Trong bản Ngụy dịch của Đại Tạng Cao Ly, chữ *‘quái ngại’* được ghi là *‘câu ngại’* (chữ Ngại thuộc bộ Môn), còn các bản Ngụy dịch phổ biến ghi là *‘câu ngại’* (chữ Ngại thuộc bộ Thạch) nên các tác phẩm sơ giải của ngài Tịnh Ảnh, Cảnh Hưng cũng như Hội Sớ đều chép là *‘câu ngại’*. Ngài Cảnh Hưng giảng: *‘Vô sở câu ngại tức vô sở quái ngại’* (“*Chẳng bị kèm giữ, trở ngại*” chính là “*chẳng bị ngăn ngại*”).

Như trên đã nói, tác giả Hội Sớ và ngài Cảnh Hưng đứng về phía Phật để bàn luận là vì họ dùng bản Ngụy dịch để giải thích kinh. Nay căn cứ trên bản hội tập thì ta có thể hiểu là: Người kiêm cả phát Bồ Đề tâm, niệm Phật được vãng sanh thì nương vào oai thần của Phật sẽ đi hóa độ khắp cả tam giới. Kinh nói: *‘Trong khoảng một niệm, đi qua cả ức na do tha trăm ngàn cõi Phật’*. Kinh còn dạy: *‘Tùy ý tu tập, không gì là chẳng viên mãn’*. Bởi thế mới *‘chẳng hề ngăn ngại’*. Người được vãng sanh sẽ du hành mười phương tuyên thị diệu pháp Di Đà viên đốn: Nhất Thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh, nhằm dẫn dắt kẻ chưa được độ quy hướng Cực Lạc. Vì thế, Phật bảo: *‘Khai thị chánh đạo, độ kẻ chưa độ’*.

Trong đoạn kinh này, nửa đoạn trước, Phật khuyên dụ chúng sanh đoạn hoặc niệm Phật; còn nửa đoạn sau Phật lại khuyên chúng sanh nên biết khổ để tu thiện.

‘Bao kiếp’ tức là thời gian kiếp số lâu xa dằng dặc. Nay bảo là *‘bao kiếp’* là hàm ý: vĩnh cửu của vĩnh cửu, vĩnh cửu vô cực vậy.

‘Ngũ đạo’ tức là năm đường: trời, người, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục như đã giải thích trong câu *‘chặt ngang năm đường’* ở phần trên.

Theo Hội Sớ, cả đoạn: ‘*Các ông... ưu khổ bất tuyệt*’ ý nói: ‘*Từ bao kiếp đến nay tuy gặp nhiều đức Phật, phát đại tâm, nhưng tu thánh đạo khó được thành tựu nên thường bị chìm đắm, lưu chuyển, mãi đến nay vẫn chưa thoát khỏi sanh tử*’.

Theo đó, người gặp được Phật vẫn còn nhiều kiếp trầm luân sanh tử, ưu khổ bất tuyệt thì người chẳng gặp được Phật, ưu khổ còn hơn thế nữa! Bởi đó, kinh dạy: ‘*Mười phương nhân dân bao kiếp đến nay*’ xoay vần trong năm đường, thường đọa vào tam đồ, đau đớn tội bực, không lúc nào hết.

Ấy là vì sanh, chết, già, bệnh đều rất đau khổ, đều là thuần khổ không vui. Cái thân nghiệp báo của phàm phu ‘*xấu ác, hôi thối, bất tịnh*’ nào đáng vui chi. ‘*Ác*’ là xấu ác, hung ác. ‘*Thối*’ là mùi vị khó ngửi. ‘*Bất tịnh*’ là chẳng sạch sẽ. Kinh Tâm Địa Quán dạy: ‘*Tự xem thân mình: ba mươi sáu thứ xấu ác rỉ ra chẳng sạch*’.

Đại Luận kể ra năm thứ bất tịnh: chủng tử, y xứ, đương thể, ngoại tướng và cứu cánh. Chủng tử chính là tinh cha, huyết mẹ. Y xứ là bào thai. Đương thể là toàn thân. Ngoại tướng là hình hài. Cứu cánh là rớt ráo. Năm thứ đều bất tịnh.

Thập Nghi Luận lại kể ra bảy thứ bất tịnh: một là chủng tử, hai là tánh thọ nhận, ba là trụ xứ,

bốn là ăn uống, năm là sơ sanh, sáu là toàn thân, bảy là cứu cánh. Cả bảy thứ ấy đều bất tịnh.

Vì thế, cả thân mình lẫn thân người khác đều chẳng có chỗ nào đáng yêu nổi, thuần khổ không vui, lẽ nên phải chán lia!

Bởi thế, tiếp đó, Phật dạy: *‘Hãy tự quyết đoạn’*. *‘Quyết’* là tâm quyết định. *‘Đoạn’* là cắt đứt nhân ác. Nhân ác chính là như câu tiếp đó nói rõ: *‘Tâm cấu’*. Sách Hội Sớ nói: *‘Tham sân si là tâm cấu (bụi như nơi tâm), trái với ba thứ ấy là tam thiện’*. *‘Tẩy’* là rửa sạch. *‘Trừ’* là dứt bỏ. Vì thế, Phật dạy: *‘Tẩy trừ tâm cấu’*.

‘Ngôn hạnh trung tín’: Ngôn là lời lẽ; Hạnh là hành động. Sách Tiên Chú viết: *‘Làm đúng như lời nói, lời nói đúng như việc làm thì gọi là trung tín’*.

Theo ngài Tịnh Ảnh, trong câu *‘trong ngoài tương ứng’*, chữ *‘ngoài’* chỉ lời nói, chữ *‘trong’* chỉ cái tâm. Tịnh Ảnh Sớ ghi: *‘Lời nói là ngoài, tâm là trong. Lời nói chẳng trái với tâm nên bảo là tương ứng’*, nghĩa là: tâm, khẩu đồng nhất chính là *‘trong ngoài tương ứng’* (biểu lý tương ứng).

Lời sớ còn giảng rộng: *‘Biểu là biểu hiện, những gì hiển hiện ra ngoài thì đều gọi là biểu’*. *‘Hạnh’* cũng là *‘biểu’*. *‘Lý’* là nội tâm, trong ngoài như một nên gọi là *‘tương ứng’*. Đấy chính là trực

tâm như kinh Tịnh Danh dạy: *‘Trực tâm là đạo tràng’*.

Chánh kinh:

Người [ấy] đã có thể tự độ lại còn cứu vớt người khác. Chí tâm cầu nguyện, tích lũy cõi lành. Tuy một đời tinh tấn siêng khổ cũng chỉ như khoảnh khắc mà thôi! Thân sau sanh vào cõi Vô Lượng Thọ, khoái lạc vô cực! Vĩnh viễn nhờ được cái gốc sanh tử, chẳng còn cái nạn khổ não, thọ ngàn vạn kiếp tự tại tùy ý.

Giải:

Đoạn trên đã giảng rõ sanh tử lưu chuyển ưu khổ chẳng ngắt, khuyên ta phải xuất ly. Đây là nhàm chán Sa Bà. Còn đoạn này lại khuyên cầu sanh Tịnh Độ, chính là ham cầu Cực Lạc.

Sách Di Đà Yếu Giải lấy *‘chán lìa Sa Bà, vui cầu Cực Lạc’* làm nguyện, lại lấy *‘tín nguyện trì danh’* làm *‘cái nhân chọn thật của Nhất Thừa’*. Bởi đó, ta thấy rằng: đức Thế Tôn khuyên dụ chính là vì vãng sanh rất thiết yếu.

Câu *‘người đã có thể tự độ’* nghĩa là độ được chính cái thân mình. Đây là lời tiếp nối ý câu *‘tỷ trừ tâm cấu, trong ngoài tương ưng’* của đoạn trên. Đó chính là hạnh tự lợi.

Tiếp đây, *‘lại cứu vớt người khác’* là hạnh lợi tha. Đây chính là điểm thứ hai trong lời khai thị của Phật. *‘Cứu’* là cứu độ, tức là lần lượt cứu độ những người khác, hay nói cách khác là *‘chúng sanh vô lượng thế nguyện độ’*.

Phát được cái tâm to lớn *‘tự giác, giác tha’* niệm

danh hiệu Phật thì mới khế hợp được tông thú của bản kinh này *‘phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm’*.

Đã phát đại tâm thì phải dùng tâm chí thành *‘tích lũy cội lành’* để cầu được diệu quả của bốn nguyện. *‘Cội lành’* có nghĩa như *‘thiện căn’*. Kinh Thắng Man quyền thượng dạy: *‘Thiện bốn: bốn cũng là nhân. Muốn dùng cái thiện ấy để làm Bồ Đề căn nên gọi là thiện bốn’*.

Sách Hội Sớ lại viết: *“Câu nguyện”* là *cái tâm nguyện được vãng sanh. “Thiện bốn”* là *tên chung của các điều lành, mà cũng chỉ riêng việc xưng danh niệm Phật’* bởi vì xưng danh niệm Phật chính là cội lành của việc vãng sanh Cực Lạc. *‘Tích lũy cội lành’* chính là một bề chuyên niệm.

Tiếp đó, đức Thích Tôn trùng tuyên sự thắng diệu của cõi Cực Lạc, khuyến dụ vãng sanh. *‘Khoảnh khắc’* là một phần bốn tám của một phút, tức là một khoảng thời gian rất nhỏ. Phật khuyên người đời: một đời siêng năng vất vả cũng chỉ như trong khoảnh khắc. Thân sau sanh về Cực Lạc thì cái vui ấy không cùng tận. Sự vui màu nhiệm vô biên vượt trội mười phương, chẳng hề chấm dứt nên bảo là *‘vô cực’*.

Trong tác phẩm Khuyến Tâm Vãng Sanh Luận của sa môn Nhãn Không thuộc tông Thiên

Thái có câu: *‘Một trận vinh hoa đời này kết thành khổ quả ức kiếp. Đời này siêng tu trong khoảnh khắc, nở nhụy giác tam minh’*. Ấy là nhân nhỏ quả to, thọ báo dài lâu. Hễ được vãng sanh thì như kinh dạy: *‘Vĩnh viễn nhổ đứt cái gốc sanh tử, chẳng còn cái nạn khổ não, thọ ngàn vạn kiếp tự tại tùy ý’*.

Ngài Linh Chi đã giảng về cõi Cực Lạc như sau: *‘Tịnh độ Di Đà cảnh giới lạ lùng tuyệt diệu. Thánh hiền cùng hội, nghe pháp ngộ đạo, thọ mạng vĩnh cửu, bất thoái Bồ Đề, chẳng còn có nỗi vui nào khác hơn được niềm vui này. Chỉ không có cái khổ vô thường đã đáng vui rồi, huống là còn có các sự thù thắng, những sự vui ấy chẳng cùng tận!’*. Bởi thế, Phật mới khuyên chúng sanh cầu sanh về đó.

Chánh kinh:

‘Ai nấy nên tinh tấn, cầu tâm sở nguyện, chẳng được nghi hời, tự tạo thành ương họa: sanh vào biên địa cõi ấy, nơi thành thất bảo. Trong năm trăm năm chịu các tai ách’.

Di Lạc bạch rằng: ‘Tuân lời giảng dạy tường tận của Phật, chuyên ròng, siêng năng tu học. Phụng hành đúng như lời dạy, chẳng dám có nghi’.

Giải:

Thế Tôn rú lòng từ đã khuyên đại chúng nên yêu thích cầu sanh Cực Lạc, lại khuyên chúng sanh nên bỏ nghi hoặc để khỏi sanh trong biên địa. Đây là điểm thứ tư trong lời khai thị của Phật.

Kinh dạy: *‘Ai nấy nên tinh tấn cầu tâm sở nguyện’*, nghĩa là: chúng sanh phải thành kính chuyên tu, nhất tâm tịnh nghiệp.

‘Chẳng được nghi hối, tự tạo thành ương họa’: Sách Đại Thừa Nghĩa Chương giảng chữ *‘hối’* như sau: *‘Hối là nghĩ ngược lại’*, tức là nghĩ trái lại rồi đâm ra thụt lùi. *‘Quá cữu’* (tạm dịch là *‘ương họa’*): Quá là tội, Cữu là ác, là tai họa. Ý Phật khuyên chúng sanh chớ nên nghi hoặc để tự tạo ra tai ương cho chính mình ngõ hầu khỏi phải *‘sanh vào biên địa cõi ấy... chịu các ách nạn’*.

‘Biên địa’ còn gọi là *‘nghi thành’* hay Giải Mạn quốc. Sách Tịnh Độ Luận viết: *‘Trong năm trăm năm thường chẳng thấy nghe Tam Bảo và cõi An Lạc thì gọi là biên địa hoặc là thai sanh’*. Gia Tường Sớ ghi: *‘Ở đây, trước hết hẳn dạy phải đoạn nghi hoặc, dạy rõ: hoài nghi sẽ sanh biên địa, chẳng được gặp Phật, suốt cả năm trăm năm hoa chẳng nở. Hoa chẳng nở thì chẳng thể đến mười phương cúng dường chư Phật’*.

Sách Hội Sớ nói: *‘Trước sau chẳng lui sụt thì gọi là tinh tấn. “Cầu tâm sở nguyện” là nguyện’*

câu vãng sanh. “Nghĩ hoặc” là chẳng hiểu rõ Phật trí. “Hối” là ác tác: trước tin, sau ngờ, đối với lòng tin hiểu khi trước sanh lòng hối hận, nửa đường bỏ lửng. “Tự tạo thành vọng họa” là dấu “nước ấy chẳng trái nghịch” [gì mình] mà tự cam sanh trong biên địa. “Các ách nạn” là chẳng thấy Tam Bảo, chẳng nghe kinh pháp’. Lời giải thích của Hội Sớ rất tường tận.

Đối với vấn nạn biên địa có thuộc vào ba bậc vãng sanh hay không, sách Vô Lượng Thọ Kinh Sao đã bàn rất tỉ mỉ. Sách viết:

‘Các kinh nói chẳng giống nhau. Theo như Giác kinh (tức bản Hán dịch) và Đại A Di Đà kinh (tức bản Ngô dịch), biên địa thuộc vào trung búi và hạ búi (ý nói: cả trung búi lẫn hạ búi đều có biên địa); còn kinh này (chỉ bản Ngụy dịch) chẳng những không giống thế mà lại còn dạy khác đi. Bởi thế, các sư cũng hiểu khác nhau.

Chẳng hạn như ngài Đàm Loan, ngài Nguyên Hiểu, ngài Pháp Trụ, ngài Như Trạm... đều cho rằng biên địa chẳng thuộc trong tam búi.

Ngài Nghĩa Tịch, ngài Cảnh Hưng, ngài Long Hưng, ngài Nhân Nhạc... lại nghĩ biên địa gộp trong các búi.

Mỗi vị căn cứ vào một khía cạnh nên các ý kiến ấy chẳng trái nghịch nhau. Nhưng kinh này là bản phiên dịch chính và đại sư Đàm Loan lại là cao tổ của tông ta nên nay phải thuận theo ý ngài, tức là như ngài đã viết trong sách *Lược Luận*: “*Lại có một thứ vãng sanh cõi An Lạc chẳng thuộc vào trong ba bậc*”.

Phàm ba bậc đều là do tín tâm vãng sanh; ấy chính là điều nên khuyên bảo. Biên địa là do tâm nghi mà vãng sanh; ấy chính là điều phải răn dè. Tin, ngờ, khuyên, răn khác nào như trời với đất, lửa với nước làm sao dung được nhau!

Lời luận của sách rất hay: người đầy đủ tín tâm thì thuộc vào ba bậc vãng sanh, kẻ ôm lòng nghi thì rớt vào biên địa. Do hai tâm chẳng đồng, tất nhiên chỗ sanh về phải khác. Bởi đó, trong hội bản này, ngoài ba bậc vãng sanh ra, kinh dạy rõ về ‘*biên địa nghi thành*’. Trong phẩm bốn mươi ở phần sau sẽ giảng rõ điều này.

Ngài Di Lặc lãnh thọ lời Phật nên hướng về Phật bạch rằng: ‘*Thọ Phật minh hối*’ (vãng lãnh lời dạy rõ ràng của Phật). ‘*Minh*’ tức là trí huệ, hoàn bị, rõ ràng, khai phát. ‘*Minh hối*’ tức là lời răn dạy có tác dụng khiến đại trí được hiển lộ, khai phát, là lời dạy minh bạch, hoàn bị. ‘*Chuyên*’ là chuyên nhất, ‘*ting*’ là tinh tấn (trong phần chánh kinh chữ ‘*chuyên ting*’ được dịch ý là chuyên rỗng, siêng

năng). ‘*Tu*’ là tu hành, ‘*học*’ là học đạo. Kinh Pháp Hoa dạy: ‘*Dần dần tu học ắt đều thành Phật*’.

‘*Phụng hành đúng như lời dạy*’: ngài Di Lặc lãnh thọ lời Phật giáo huấn, quyết định tuân hành. Câu ‘*Chẳng dám có nghi*’ ngụ ý khuyên chúng sanh vâng lãnh lời Phật, dứt bỏ lòng ngờ. Nghi là căn nguyên phát sanh muôn mối lầm lạc nên phải đoạn nghi.

35. Trược thế ác khổ

Chánh kinh:

Phật bảo Di Lặc:

- Các ông nếu như có thể trong đời này đoạn tâm chánh ý, chẳng làm các điều ác thì thật là đại đức. Vì sao vậy? Mười phương thế giới thiện nhiều ác ít, dễ bề khai hóa. Chỉ có thế gian ngũ ác này là khổ sở nhất. Ta nay làm Phật trong cõi này, giáo hóa quần sanh khiến bỏ năm sự ác, trừ năm sự đau, lìa năm sự đốt; hàng phục, giáo hóa tâm ý của họ, khiến họ vâng giữ năm điều lành, đạt được phước đức. Những gì là năm?

Giải:

Phẩm này giảng rõ sự ác khổ trong cõi đời ô trược này. Ác là ngũ ác, khổ là năm điều đau đớn, năm điều thiêu đốt. Phật khuyên dạy chúng sanh bỏ ác làm lành hầu lìa khổ, được vui.

Tịnh Ảnh Sớ chép: *‘Năm giới để ngăn ngừa năm sự ác là giết chóc, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Tạo năm điều ác ấy thì hiện đời bị vương pháp trị tội, thân gặp ách nạn, nên bảo là năm sự đau đớn. Do năm điều ác đó, trong đời vị lai sẽ chịu quả báo trong tam đồ nên gọi là năm sự đốt’*. Ngũ ác là nhân của sự ác. Năm điều đau đớn là hoa báo, năm điều thiêu đốt là quả báo.

Gia Tường Sớ lại giảng năm điều ác như sau: *‘Vì sao chỉ nói đến năm điều này? Do thế nhân thích gây tạo [năm điều ấy] nên mới riêng nêu lên’*.

‘Đoan tâm chánh ý’ là tâm chơn chánh, ý chơn thành, khéo giữ gìn ý niệm của mình, xa lìa ba độc, chẳng tưởng đến việc tà ác. Ngài Nghĩa Tịch lại giảng: *‘Hướng đến Bồ Đề là đoan tâm, chẳng cầu việc khác là chánh ý’*. Hiểu như vậy là hiểu ở mức độ càng sâu hơn nữa, bởi chỉ có hướng đến Bồ Đề mới là *‘đoan tâm’*, chẳng hề cầu mong điều gì khác là *‘chánh ý’*. Nếu có thể đoan chánh thân tâm như vậy thì tự nhiên chẳng làm các điều ác nên bảo là *‘thật là đại đức’*. *‘Đại đức’* là đức đến cùng tột.

Ngài Gia Tường giảng câu ‘*thiện nhiều, ác ít, dễ khai hóa nổi*’ như sau: ‘*Trong các cõi khác có nhiều duyên thù thắng, thiện báo càng mạnh mẽ, thù thắng hơn nên dễ làm lành. Cõi này chẳng có hai duyên ấy. “Khai hóa” là Phật khai ngộ, giáo hóa vậy*’. Tiếp đó, ý nghĩa của cả đoạn từ câu ‘*chỉ có cái thể gian*’ đến ‘*lìa năm sự đốt*’ đã quá rõ.

Gia Tường Sớ giảng câu ‘*hàng phục, giáo hóa tâm ý của họ, khiến họ vâng giữ năm điều lành*’ như sau: ‘*Hàng phục, giáo hóa tâm ý của họ nhằm làm cho tâm họ nhập đạo, vâng giữ năm điều lành, thuận theo lời dạy tu hành*’.

Ngài Tịnh Ảnh và ngài Gia Tường đều cho rằng ‘*ngũ thiện*’ chính là ngũ giới. ‘*Phước đức*’ là phước lợi đạt được bởi thiện hạnh. Gia Tường Sớ ghi: ‘*Đạt được phước đức*’ là nêu lên cả hai quả gần và xa để thành cái hạnh’.

“*Quả gần*” là như Tịnh Ảnh Sớ bảo: ‘*Do trì ngũ giới nên trong đời hiện tại thân yên ổn không khổ*’.

“*Quả xa*” là được sanh về Cực Lạc, quyết định chứng Niết Bàn như Tịnh Ảnh Sớ bảo: ‘*Đời sau gặp Di Đà, rốt cuộc chứng Niết Bàn*’. Đời này an lạc, thân sau vãng sanh nên bảo là ‘*đạt được phước đức*’.

Chánh kinh:

Thứ nhất là các loài chúng sanh trong thế gian muốn làm các điều ác: kẻ mạnh hiếp yếu, chế ngự, giết chóc lẫn nhau, tàn hại, sát thương, ăn nuốt lẫn nhau, chẳng biết làm lành, sau chịu ương phạt. Bởi thế có kẻ nghèo cùng, ăn mày, cô độc, điếc, mù, câm, ngọng, si ác, dặt dẹo, cuồng dại; đều là do đời trước chẳng tin đạo đức, chẳng ưng làm lành. Những kẻ tôn quý, giàu sang, hiền minh, trưởng giả, trí dũng, tài năng thông đạt đều là do đời trước từ hiếu, tu thiện, tích đức cảm thành. Thế gian có những chuyện sờ sờ trước mắt như thế.

Sau khi hết tuổi thọ, vào chốn u minh, chuyển sanh thọ thân, thay hình đổi nẻo nên mới có Nê Lê, cầm thú, các loài: ngọ nguậy, bay bổng, bò, trườn. Thí như chốn tù ngục theo pháp luật thế gian, cực hình thật khổ. Hồn thân, mạng tinh theo tội mà hướng về, chịu lấy thọ mạng hoặc dài hay ngắn, theo nhau cùng sanh để báo đền lẫn nhau. Ương ác chưa hết trọn chẳng thoát nổi.

Xoay vùn trong ấy bao kiếp khó ra, khó được giải thoát, đau đớn không nói nổi! Trong vòng trời đất, tự nhiên có như thế, tuy chẳng báo ứng rầm rộ ngay lập tức, mà thiện ác rồi sẽ quy kết cả.

Giải:

Trong những điều ác, trước hết, Phật dạy về cái ác sát sanh. Thái Hiền nói: *‘Điều thế gian sợ hãi nhất là chết, điều tổn hại người khác nhất là đoạt mạng’*. Cái người ta sợ nhất là chết, cái người ta quý nhất là mạng. Bởi đó, sát hại mạng kẻ khác là điều ác lớn nhất. Chẳng phải chỉ mình Phật giáo mà các tôn giáo khác cũng cấm giết người.

Đầu tiên, kinh văn nói đến sự ác giết chóc. Kinh chép: *‘Kẻ mạnh hiếp yếu, chế ngự, giết chóc lẫn nhau, tàn hại, sát thương, ăn nuốt lẫn nhau’*. Sách Hội Sớ viết: *‘Kẻ mạnh hiếp yếu: Kẻ giết chóc là “kẻ mạnh”, kẻ bị giết là “yếu”. Người hay thú cũng thế. “Chế ngự, giết chóc lẫn nhau”: Như chim sẽ nuốt bọ ngựa, người lại giết chim nên bảo là “lẫn nhau”*.

‘Tàn hại’ là hung tàn, làm thương tổn. *‘Sát thương’* là giết cho chết hay làm cho thân kẻ khác bị thương tích. Rắn nuốt cóc, cóc lại ăn giun đất, nên bảo là *‘ăn nuốt lẫn nhau’*. Những câu trên đây đều nói đến điều ác sát sanh.

Cả đoạn kinh từ *‘chẳng biết làm lành’* cho đến *‘chẳng ung làm lành’* đều nói lên lỗi hại của việc tạo ác. Đã làm đủ mọi điều ác lại còn sát hại sanh mạng nên phải chịu quả báo *‘nghèo nàn, ăn xin...*

cuồng đại'. 'Ăn xin' là kẻ ăn mày xin cơm sống qua ngày.

Sách Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa giảng chữ 'cô độc' như sau: 'Không cha là Cô, không con là Độc'. Ngài Cảnh Hưng nói: 'Cô là không cha mẹ, Độc là không con cái'.

'Điếc' là tai không nghe được tiếng; 'mù' là mắt chẳng thấy được. 'Câm' là miệng chẳng phát ra tiếng được. 'Ngọng' là tuy phát ra tiếng, nhưng lưỡi chẳng động nên chẳng thể nói ra tiếng được. 'Si' là ngu si, si ngốc. 'Ác' là hung ác chẳng lành. 'Dặt dẹo' là yếu đuối, tật nguyên, choắt cheo. 'Cuồng đại' là điên khùng. Đầy đều là những 'ương phạt' do 'chẳng tin đạo đức, chẳng ưng làm lành'. Ương là tai họa, 'phạt' là tội lệt.

Tiếp đó, kinh nói những điều như giàu sang, trí dũng... để biểu thị những điều đạt được do làm lành nhằm càng làm rõ thêm những tổn thất do ác nghiệp gây ra.

'Tôn quý, giàu sang' là người phú quý trong thế gian. 'Hiển minh, trí dũng, tài năng thông đạt' là bậc hiền trí trong loài người.

Chữ 'trưởng giả' là tiếng gọi chung để chỉ bậc đủ cả hai thứ: tài sản và đức hạnh. 'Trưởng giả' cũng là tiếng để gọi bậc cao tuổi giàu có. Người hiền trí, phú quý trong đời đều do trong đời quá

khứ từng từ ái, tận hiếu ‘*tu thiện, tích đức*’ nên đạt được như thế.

Trên đây, kinh đã nói đến nhân quả chẳng hư dối, là những điều thế gian có thể thấy được.

Những thứ ương phạt như ‘*nghèo cùng, ăn mày*’ cho đến ‘*dặt dẹo, cuồng dại*’ là những loại dễ thấy trong đời, nhưng mấy ai biết rằng ‘*sau khi tuột thọ hết*’, nỗi khổ sở còn nặng nề hơn nữa. Từ câu ‘*vào chốn u minh*’ trở đi, kinh nói thẳng vào những tội khổ.

‘*U minh*’ còn thường gọi là “*minh đồ*” (đường tăm tối), “*minh giới*” (cõi tối tăm) là danh từ chỉ chung cả ba đường ác, cũng là chữ để chỉ riêng quỷ giới và địa ngục; chẳng hạn như sách Hội Sớ ghi: ‘*U minh tức là minh đồ, suối vàng*’.

Câu ‘*chuyển sanh thọ thân, đổi hình thay nẻo*’ được sách Hội Sớ giảng: ‘*Thoát thân người, chịu thân quỷ, súc sanh v.v... nên bảo là “chuyển sanh thọ thân”. Chuyển biến trong tứ sanh nên bảo là “đổi hình”. Sống chết trong sáu đường nên bảo là “thay nẻo”*’.

‘*Tứ sanh*’ là noãn, thai, thấp, hóa, chẳng hạn như: bỏ thân chim sẻ mang thân chó nên gọi là ‘*đổi hình*’. Lại như bỏ thân người khoác thân chó, tức là từ nhân đạo chuyển sanh vào súc sanh đạo nên gọi

là ‘*thay nẻo*’. Chúng sanh xoay vần trong sáu đường. ‘*Nê Lê*’ chính là địa ngục.

Ngài Gia Tường giảng câu: ‘*Thí như chốn lao ngục theo pháp luật thế gian cực hình rất khổ*’ như sau: “*Ví như pháp vua*” là dẫn thí dụ để so sánh: *Trước là báo nhẹ, sau là khổ nặng, giống như pháp vua trị tội: trước hết là công xiềng, sau hạ chỉ giết đi. Trước là hiện báo, sau vào địa ngục nên báo là “cực hình”*”.

Ý ngài nói: Làm ác chịu báo, trước là thọ quả báo nhẹ trong hiện đời; thân sau lại chịu trọng báo giống như phép vua trừng trị tội phạm: Trước hết nhốt vào ngục, thân bị công xiềng, chịu đựng các khổ lớn. Những điều ấy ví như chịu các khổ báo nơi thân hiện tại. Tội hậu mới dùng đến cực hình, giết mất sanh mạng. Chữ ‘*cực hình*’ để ví cõi địa ngục. Nỗi khổ trong địa ngục như lửa nung đốt thân. Lại sau khi chết đi, đọa vào tam đồ bèn có Nê Lê, cầm thú, côn trùng... Địa ngục khổ nhất nên gọi là ‘*cực hình*’.

Chữ ‘*hồn thần, mạng tinh*’ trích theo bản Hán dịch, bản Ngụy dịch ghi là ‘*hồn thần tinh thức*’.

Sách Vô Lượng Thọ Kinh Sao giảng: ‘*Có thuyết nói thức thứ sáu gọi là hồn thần, thức thứ tám gọi là tinh thức*’. Như vậy, ở đây chữ ‘*mạng tinh*’ chỉ thức thứ tám, tức là A Lại Da thức.

Do nó làm vị chủ nhân đi sau đến trước (khứ hậu lai tiên tác chủ nhân) nên gọi là *'mạng tinh'*. Thức thứ tám này dường như luôn tiếp nối. Lúc xả mạng, hễ chỗ nào nghiệp nặng hơn thì nó bị lôi vào đó nên bảo là *'theo tội hướng về'*: theo tội báo vào trong ác thú.

Nếu hãm vào ngục Vô Gian thì muôn kiếp khó ra nên bảo là *'[chịu lấy thọ mạng] hoặc dài'*; hoặc sanh làm loài vi khuẩn chết sống trong mỗi sát na nên gọi là *'hoặc ngắn'*. Sách Hội Sớ nói: *'Như [sanh trong] tám đại địa ngục và loài quỷ trường thọ thì gọi là "hoặc dài". Như các loài thiêu thân, phù du v.v... thì là "hoặc ngắn"*. Trong đó, vô lượng thọ mạng sai khác đều do túc nghiệp cảm vờ. Trong đường lành, coi sống lâu là phúc, nơi nẻo ác coi sống lâu là họa lớn.

'Theo nhau cùng sanh để báo đền lẫn nhau' nghĩa là: oan oan tương báo chẳng có cùng tận. Sách Hội Sớ nói: *'Những kẻ sát sanh đời đời cùng sanh ra cùng lúc với nhau, người này giết hại người kia để báo đền nỗi oán hận'*. Chẳng hạn như: kẻ bị giết vì muốn đòi nợ mạng nên ắt theo đuổi kẻ oán đối, phải đồng thời xuất hiện trong thế gian thì mới mong báo oán nổi. Bởi thế, oan gia trái chủ *'theo nhau cùng sanh'*.

Đời này người giết dê, tương lai người chết thành dê, dê chết thành người. Lại như mèo chết thành chuột, chuột chết thành mèo, đời đời cùng sanh với nhau, đoạt mạng để đền nợ nên kinh nói: *‘Báo đền lẫn nhau’*.

Lại do kẻ đòi nợ qua thật nhiều đời báo oán, lại kết thành kẻ oán, người thân nên chẳng biết lúc nào xong. *‘Uong ác chưa tận, trọn chẳng thoát nỗi’*: “Uong” là họa, là tội, là hình phạt. Những uong ác đã tạo chưa đền trả hết thì ắt cứ xoay vần mãi trong đường ác chẳng có lúc ra, đau đớn không nói nỗi.

Ngài Nghĩa Tịch giảng câu *‘tự nhiên có như thế’* như sau: *‘Làm ác thì đâu chẳng muốn chịu quả khổ, quả khổ vẫn tự đến. Tu thiện đâu chẳng mong cầu quả vui, quả vui vẫn tự đến, khác nào như bóng theo hình, như tiếng vọng theo âm thanh. Nhưng kinh đây bảo là “tự nhiên” là ý nói nhân quả là pháp quyết định như thế đó’*.

Sách Hội Sớ cũng nói: *‘Nhân quả tất ứng nên bảo là tự nhiên’*.

‘Bao’ là mạnh gấp, đột nhiên, chữ *‘ứng’* là báo ứng. Kẻ ác làm ác ắt chịu quả báo, nhưng quả báo hoặc là chẳng ứng hiện ngay lập tức trong hiện tại nhưng nhân quả chẳng dối, ắt trong đời sau phải

chịu khổ báo nên kinh dạy: *‘Thiện ác rồi sẽ quy kết cả’*.

Chánh kinh:

Thứ hai là nhân dân trong thế gian chẳng thuận pháp độ, xa xỉ, dâm dật, kiêu căng, phóng túng, mặc tình thỏa ý.

Kẻ trên bất minh, kẻ có địa vị bất chánh, hãm người oan uổng, tổn hại trung lương. Lòng và miệng khác nhau, cơ mưu, trá ngụy đa đoan; khinh dối hết cả tôn, ty, trong ngoài. Nóng giận, ngu si, ham hậu đãi mình, tham muốn có nhiều. Lợi hại thắng bại, kết phần thành thù, phá gia vong thân, chẳng quản trước sau.

Giàu có thì keo tiết, chẳng chịu cho ra, càng thích giữ rịt, càng tham nặng hơn. Tâm nhọc thân khổ cho đến khi chết đi, không đem theo được gì! Thiện, ác, họa, phước theo mạng mà sanh: hoặc ở chỗ vui, hoặc vào nơi khổ độc.

Lại hoặc là thấy người lành thì ghét gièm, chẳng khởi lòng hâm mộ, bắt chước. Thường ôm lòng trộm cắp, mong mỗi hưởng cái lợi của người khác để cung cấp cho mình. [Của cải ấy rồi lại] tiêu tán, lại bị [kẻ khác] lấy mất. Thần minh ghi biết.

Rốt cuộc vào trong ác đạo, tự có tam đồ vô lượng khổ não, xoay vần trong đó bao kiếp khó ra, đau đớn chẳng nói nổi.

Giải:

Điều thứ hai là tội ác trộm cắp. Đối với vật có chủ, dù ít hay nhiều, nếu chẳng cho mà lấy thì đều là trộm cắp. Hạnh trộm cắp vốn bắt nguồn từ tam độc. Tham dục, keo kiệt thì dễ sanh tâm trộm cắp. Các ác hỗ trợ nhau thành ra tội trộm cắp.

Từ chữ ‘*chẳng thuận pháp độ*’ đến ‘*chẳng tính trước sau*’, kinh nói đến tội lỗi trộm cắp.

Trong câu ‘*chẳng thuận pháp độ*’, “*pháp*” là khuôn phép, pháp tắc, “*độ*” là quy củ, những quy định thông thường.

‘*Dâm dật*’ là như sách Đẳng Bất Đẳng Quán Tạng Lục nói: ‘*Trong kinh, đa phần là chữ “dâm” có liên quan đến người nữ. Chữ “dâm” chuyên chỉ việc trai gái*’. Hành dâm không chừng mực nên bảo là ‘*xa xỉ, dâm dật*’.

‘*Kiêu*’ là kiêu căng, hợm mình, khinh người. Nam nữ ở chung chẳng tuân theo lễ nghĩa, tình dục phóng túng, chỉ cốt khoái ý, chẳng sợ tội lệ, nên bảo là ‘*mặc tình thỏa ý*’.

Câu ‘*kẻ trên bất minh, người có địa vị bất chánh*’ ý nói: kẻ có địa vị lợi dụng quyền thế lươn

lẹo, chiếm đoạt, vơ vét, tổn người lợi mình, hại nước, hại dân... tạo đủ các thứ ác nghiệp. Gia Tường Sớ nói: *‘Quan tể tướng dung túng thuộc hạ bắt muôn dân đứt lốt, đoạt ngang của người’*. Đây là *‘kẻ trên bắt mình’*.

Ăn hối lộ đã thuộc về hạnh trộm cắp, hưởng hồ là còn *‘hãm người oan uổng, tổn hại trung lương’*.

‘Hãm’ là vu hãm, hãm hại. *‘Oan’* là oan khuất. *‘Uổng’* là tà vạy. *‘Trung’* là làm việc thận trọng, hạnh ngay thẳng, vì việc công quên việc tư. *‘Lương’* là hiền lành.

Kẻ ác như thế ganh ghét người hiền, hãm hại người trung lương. Kẻ đó ắt lời nói xảo ngụ chẳng trung, a dua cầu lợi, phi báng người lương thiện, vu tội cho người, tâm khẩu bất nhất, nên kinh bảo: *‘Lòng, miệng khác nhau, cơ mưu, xảo ngụ đã đoan’*. Ngài Nghĩa Tịch bảo: *‘Cơ là huyền hoặc, ngụ là dối trá’*. Ngài Cảnh Hưng nói: *‘Cơ là mưu mô, tức là khéo nói cho đẹp lòng nhằm lung lạc ý vua để làm chuyện mưu mô gian dối’*. *‘Cơ’* còn có nghĩa là tâm cơ, *‘ngụ’* là gian dối. Lọc lừa, dối trá có nhiều thứ như thế nên bảo là *‘cơ mưu, xảo ngụ đã đoan’*.

Kẻ ác như thế nào cần biết đến tôn ty, thượng, hạ, nội, ngoại, thân, sơ; đối với ai nó cũng đều đối trá, lừa lọc cả nên mới bảo: *‘Kính đối hết cả tôn, ty, trong, ngoài’*.

‘Nóng giận, ngu si, ham hậu đãi mình’: Hai độc sân và si khiến tâm tham càng thêm tăng trưởng. Sách Hội Sớ viết: *‘Ba ác hỗ trợ nhau khiến tà dục lừng lẫy, ham hố tài vật của người khác chỉ muốn tom góp về cho mình nên bảo là “ham hậu đãi mình”*’.

‘Ham muốn’ là tham dục, sân ác. Kinh Duy Ma dạy: *‘Chấp thân là gốc, tham dục là gốc’*.

Sách Hội Sớ lại nói: *‘Biển dục sâu rộng chẳng biết chán đủ. Dầu tôn quý hay thấp hèn, dầu nghèo hay giàu, không ai lại chẳng mong tom góp, chộn rộn, bôn ba, nên gọi là tham dục’*.

Muốn chiếm hữu nhiều nên bảo là *‘tham muốn có nhiều’*. Do tranh nhau lợi hại, tổn người ích mình nên bảo là *“lợi hại, thắng bại”*.

Bởi thế *‘kết phần thành thù’*. *‘Thù’* là căm hận, thậm chí nhà tan, mạng mất, chẳng nề hà gì hết nên kinh bảo: *‘Phá gia vong thân, chẳng quản trước sau’*.

‘Trước sau’ chính là nhân trước, quả sau. Sách Hội Sớ lại giảng: *‘Trước chẳng nề hà là đúng hay sai; sau chẳng quan tâm lời chê trách. Cũng*

nghĩa là trước đã chẳng hề xem xét tường tận, suy nghĩ cẩn thận; sau cũng chẳng ngại quý thần ngầm ghi chép. Hoặc cũng có thể hiểu là trước chẳng quan tâm đến tội nghiệp, sau chẳng tính đến quả báo trong tương lai'. Chỉ mong tranh thắng, chẳng sợ "lưỡng bại câu thương" (cả hai cùng thua thiệt, tổn thương). Chỉ cốt khoái ý, chẳng sợ tội báo đời tương lai. Chẳng quản ngại hết thảy, cứ tạo đủ các chuyện ác.

Từ câu *'giàu có keo kiệt'* trở đi, kinh nói đến cái tội keo kiệt. Dẫu là kẻ giàu có nhưng keo kiệt đã thành tánh nên *'chẳng chịu cho ra'*. *'Cho ra'* là bố thí. Chẳng chịu đem tài vật thí cho người khác chính là do ái dục kiên cố nên bảo là *'càng thích giữ rịt'*. Tâm tham sâu nặng nên bảo là *'càng tham nặng hơn'*.

'Tâm nhọc thân khổ cho đến khi chết' là trọn đời khổ sở, nhọc nhằn; cho đến khi chết đi rồi cũng chỉ là một mình mình đến, một mình mình đi *'chẳng mang theo được gì!'*. Gia Tường Sớ giảng: *"Không mang theo được gì" là chỉ mình thân thức ra đi, của cải bỏ lại cõi trần'*, nghĩa là: mọi thứ đều chẳng theo đi, chỉ có mỗi cái nghiệp tùy thân.

Những nghiệp thiện ác đã tạo lúc sống và cái quả phước hay họa do nghiệp cảm thành chẳng hề lia bỏ mình nên bảo là *'theo mạng mà sanh'*. Ngài

Nghĩa Tịch bảo: *‘Nghĩa là cái nhân thiện ác và cái quả họa phước đều đi theo mạng căn đến chỗ mình sẽ được sanh về’*. ‘Theo’ là đi theo, theo đuổi. Bởi thế nên đời sau *‘hoặc ở chỗ vui, hoặc vào nơi khổ độc’*. ‘Chỗ vui’ là ba đường lành; ‘nơi khổ độc’ là ba ác đạo. ‘Khổ’ là đau khổ, ‘độc’ là độc họa. Đau khổ cùng cực nên bảo là *‘khổ độc’*.

Tiếp đó, Phật nói đến cái tội trộm cắp. *‘Thấy người lành thì ghét gièm, chẳng khởi lòng hâm mộ, bắt chước’*. ‘Ghét’ là ghét bỏ, ‘gièm’ là phi báng. Thấy điều lành của người chẳng những tâm không kính mộ; trái lại còn sanh tâm ghét bỏ, đơm đặt, phi báng. Hạng người như vậy chẳng có thiện niệm lẫn thiện hạnh, trong bụng toàn ô mê áp ý nghĩ xâm đoạt. ‘Mong mỏi’ là hy vọng; chỉ nghĩ cách tổn người lợi mình nên kinh nói: *‘Mong mỏi hưởng cái lợi của người khác để cung cấp cho mình’*.

Của bất nghĩa dễ dàng đạt được nên cứ mặc tình tiêu xài hoang đàng cho nên nhanh chóng *‘tiêu tán’*, lại bị kẻ khác cướp đoạt mất nên bảo là *‘tiêu tán, lại bị lấy mất’*. Bởi vậy, *‘thần minh ghi biết. Rốt cuộc vào trong ác đạo’*.

‘Thần minh’ là như bản kinh Hoa Nghiêm dịch vào đời Tấn đã nói: *‘Người ta sanh ra, có hai vị trời thường theo sát hai bên. Một vị tên là Đồng Sanh, vị kia tên là Đồng Danh. Hai vị trời ấy thường thấy người đó nhưng người đó chẳng thấy’*

được trời’. Hai vị thần như thế sanh chung với người nên gọi là ‘*Câu Sanh thần*’.

Kinh Dược Sư dạy: ‘*Có Câu Sanh thần, chép đủ tội phước trao cho vua Diêm La*’.

Sách Gia Tường Sớ cũng viết: ‘*Hết thảy chúng sanh đều có thần: một tên là Đồng Sanh, hai tên là Đồng Danh. Đồng Sanh Nữ ở bên vai phải chép điều ác đã tạo. Đồng Danh Nam ở bên vai trái chép điều thiện đã làm*’.

Kinh Ngũ Giới cũng dạy: ‘*Tam phú, bát giáo, nhất nguyệt lục tấu*’.

“Tam phú” là tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín. “Bát giáo” là tám ngày: Lập Xuân, Lập Hạ, Lập Thu, Lập Đông, Xuân Phân, Thu Phân, Hạ Chí, Đông Chí.

“Lục tấu” là sáu ngày ăn chay: mồng tám, mười bốn, rằm, hăm ba, hăm chín, ba mươi.

Nghĩa là: trong một năm, có ba tháng trình bảm báo lên trên, có tám ngày báo cáo lên trên (‘giáo’ là bảm cáo). Trong một tháng có sáu ngày tấu rõ.

Căn cứ vào kinh Ngũ Giới, ngài Vọng Tây bảo: ‘*Trong những ngày như thế, thiên thần ghi chép điều thiện ác của chúng sanh*’, ý nói: Những

điều được thần minh bảm báo đều là những điều thiện ác.

‘*Ghi biết*’ (nguyên văn là ‘*khắc thức*’): ‘*Khắc*’ là ghi khắc, chữ ‘*thức*’ có nhiều cách giải thích:

a. Một là theo như các sách Gia Tường Sớ, Tịnh Ảnh Sớ... thì ‘*thức*’ là ghi chép. Sách Hội Sớ nói: ‘*Trong chốn u huyền có thiên thần ghi chép từng điều, không sai một mảy nên bảo là “khắc thức”. Chữ “thức” đọc cùng âm với chữ “chỉ” (theo âm Quan Thoại), có nghĩa là ghi chép*’. Thuyết này giống với thuyết của ngài Gia Tường: có thần minh ghi chép điều thiện ác của mỗi người nên báo ứng chẳng trật.

b. Chữ Thức ở đây chính là thức thứ tám. Chẳng hạn như ngài Cảnh Hưng bảo: ‘*Do công năng chẳng quên của chủng tử thức nên gọi là khắc thức*’.

Ngài Nghĩa Tịch và ngài Vọng Tây cùng chấp nhận cả hai cách giải thích này. Ngài Nghĩa Tịch nói: ‘*Điều thiện ác đã làm chẳng những huân tập trong cái thức của mình mà còn được thiên thần ở ngoài ghi chép. Ghi ở cả hai nơi thì sai chạy nổi sao?*’. ‘*Hai nơi*’ là nội thức và thần minh bên ngoài. Trong các thuyết trên, thuyết của Nghĩa Tịch ổn thỏa nhất bởi Duy Thức nào trở ngại việc thần minh ghi chép; thần minh ghi chép cũng nào trở

ngại “*duy thức sở hiện*”. Bởi đó, thuyết “*trong ngoài cùng ghi*” là thích hợp nhất.

Do tội báo theo mãi nên xoay vần trong tam đồ ‘*bao kiếp khó ra, đau đớn chẳng nói nổi*’. ‘*Bao kiếp*’ là nhiều kiếp.

Chánh kinh:

Thứ ba là nhân dân trong thế gian nương theo các nhân mà sanh, thọ mạng được mấy?

Kẻ bất lương thân tâm bất chánh, thường ôm lòng tà ác, thường nghĩ chuyện dâm dật, phiền đầy ắp bụng, phong thái tà vạy, vẻ ngoài lừa dối. Tôn phí của nhà làm điều phi pháp. Việc đáng nên cầu thì chẳng chịu làm; lại còn kết giao, tụ hội, hưng binh đánh nhau, công hãm, cướp đoạt, giết chóc, dâm chém, cưỡng đoạt, bức hiếp để đem về cấp cho vợ con. Lấy cực thân làm điều vui. Mọi người ghét bỏ, gặp tai nạn mới khổ.

[Do] những điều ác như thế [nên] mắc vòng [trừng phạt] của người [lấn] quý. Thần minh ghi biết, tự vào tam đồ, vô lượng khổ não. Xoay vần trong ấy, bao kiếp khó ra, đau đớn chẳng nói nổi.

Giải:

Thứ ba là nói về sự dâm ác và do cái nhân dâm ác dẫn khởi những cái ác: tham, sân, si...

‘Nương theo các nhân mà sanh’: “Nương” là nhờ vào, phụ thuộc vào. Cả câu này ý nói: Chúng sanh do các nghiệp nhân hợp lại mà sanh ra trong thế gian này. Sách Hội Sớ nói: *‘Thế giới an lập: Chỉ mình Dương thì chẳng thành, riêng Âm thì cũng chẳng lập. Chồng vợ làm nhân tạo thành. Lại cha con cũng do nhân tạo thành; vua tôi giúp nhau. Phàm trong vòng trời đất, nào có nghĩa độc lập nên bảo là ‘nương theo các nhân mà sanh’.*

Ấy là vì chúng sanh đều có cộng nghiệp và biệt nghiệp. Do người này, kẻ kia cùng có chung nghiệp báo nên sanh ra cùng một thời kỳ trong cùng một thế giới. Lại do biệt nghiệp của mỗi người đều khác, mỗi người đều có cái duyên túc nghiệp sai khác nên hoặc làm quyền thuộc, hoặc trở thành cừ địch, cùng sanh một chỗ để đền ân báo oán nên bảo là *‘nương theo các nhân mà sanh’*.

‘Thọ mạng được mấy?’: trăm năm ngắn ngủi như chốc lát, vô thường vùn vụt. Mạng người trong hơi thở, nháy mắt liền hết; nhưng thế nhân điên đảo, chẳng biết khổ, không, vô thường, chỉ cầu cái vui huyễn vọng như con thiêu thân đâm đầu vào lửa tự đốt thân mình.

Bởi thế, *‘kẻ bất lương thân tâm bất chánh, thường ôm lòng tà ác, thường nghĩ chuyện dâm dật’*. “Tà” là tà vạy, bất chánh. “Ác” là ác độc, bất thiện. Sách Hội Sớ nói: *‘Tà là tà vạy, ác là tội ác’*. ‘Dật’ là phóng túng (theo Trung Hoa Đại Tự Điển). ‘Dâm’ là phóng dăng, tham sắc, chẳng kể lễ nghĩa. Dâm chính là một trong mười điều ác. Dâm là gốc cùm trói buộc chúng sanh. Dâm là cội nguồn tội lỗi sanh ra các nạn. Hết thấy chúng sanh đều do dâm dục mà bị sanh tử nên bảo là: *‘Căn bản của sanh tử thì dục là bậc nhất’*.

Các kinh luận được dẫn chứng dưới đây đều nói lên cái hại của dâm dục.

Luật Di Sa Tắc nói: *‘Trong năm giới của kẻ tại gia, chỉ cấm tà dâm. Mười giới xuất gia đoạn hẳn dâm dục. Chỉ phạm vào hết thấy chuyện trai gái trong đời đều gọi là phá giới. Thậm chí, hết thấy người đời do dục mà mất mạng tan nhà. Bỏ tục làm Tăng lẽ đâu còn phạm. Căn bản của sanh tử thì dục là bậc nhất. Vì thế, kinh dạy: “Sống dâm dục chẳng bằng chết trình khiết”*.

Sách Vô Lượng Thọ Kinh Sao cũng nói: *‘Dâm dục chính là cội nguồn lưu chuyển sanh tử, là nhân duyên khiến xa lìa giải thoát, như bậc đại hiền bảo: “Trong lao ngục sanh tử, dâm làm gốc cùm trói chặt hữu tình, là nạn khó thoát”*. Lại như

Trí Độ Luận chép: “Dâm dục tuy chẳng nào chúng sanh nhưng vì nó trói buộc chúng sanh nên coi là đại tội”. Luận Du Già nói: “Trong các thứ ái, dục là nặng nhất. Nếu đối trị được nó, tự nhiên điều phục được các thứ khác; như chế ngự được kẻ mạnh mẽ thì những kẻ yếu hơn tự khuất phục. Mà dục pháp này có đến ba tội lỗi: Khổ mà tưởng như vui; chút ít ngọt ngào nhưng lắm tai hại; bất tịnh mà tưởng như là tịnh”.

Sách còn viết thêm: *‘Lẽ đâu tham đắm cái vui trong sát na để chịu đại khổ trong bao kiếp?’*

Kinh Ha Dục (quở trách dục vọng) cũng dạy: *‘Nữ sắc là gông cùm trong thế gian. Phạm phu tham luyến chẳng thể dứt bỏ nổi. Nữ sắc là tai họa lớn trong thế gian bởi phạm phu cho đến chết chẳng thoát nổi nữ sắc. Nữ sắc là suy họa của thế gian. Phạm phu gặp phải thì không tai nạn nào lại không xảy đến!’.*

Sách Hội Sớ giảng câu *‘phiền đầy ắp bụng’* như sau: *‘Lửa dục nung nấu bên trong khiến bụng dạ nóng nảy, tâm cuồng loạn’.*

‘Phong thái tà vạy, vẻ ngoài lá lơi’ là tánh cách dâm tà, phóng đảng, buông tuồng thể hiện rõ ra ngoài.

‘Tốn phí của nhà’: *‘Phí’* là hao tổn, *‘tôn’* là giảm.

‘Làm điều phi pháp’: việc làm đều chẳng hợp với pháp luật, đạo đức, thậm chí vi phạm pháp luật.

‘Việc đáng nên cầu thì chẳng chịu làm’ là chẳng cầu tự lập, chẳng chăm làm việc chánh đáng, chẳng cầu xuất ly, chẳng biết cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ.

Tịnh Ảnh Sớ giảng câu *‘lại còn kết giao, tụ hội’* như sau: *‘Từ chữ “kết giao, tụ hội” trở đi là nói về việc tạo lỗi ác. Vì dâm nên gây tạo những chuyện: giết hại, trộm cắp... Đó là tội lỗi!’*. Đoạn kinh tiếp theo đó nêu rõ vì dâm nên con người tạo đủ các tội trộm cắp, giết hại...

‘Kết giao’ là cầu kết, *‘tụ hội’* là tụ tập bọn tà. *‘Công hãm, cướp đoạt, giết chóc, dâm chém’* (công kiếp sát lục): Hễ dùng vật gì nhỏ, nhọn để đâm thì gọi là *‘lục’*. Ở đây, chữ *‘lục’* chỉ các thứ binh khí như: thương, mâu v.v... để giết người.

Ngài Cảnh Hưng giảng chữ *‘cướp đoạt’* là *‘công nhiên cướp lấy’*. *‘Bức hiếp’* là dùng oai lực để đe dọa, tức là cướp đoạt bằng oai thế. Đây là tội trộm cắp.

Làm đủ những việc trộm cắp, giết hại như thế chỉ vì *‘để đem về cấp cho vợ con’*: Chỉ cốt vui lòng một người đàn bà nên dẫu cực thân vẫn lấy làm vui. Ngài Vọng Tây giảng chữ *‘cực thân’* như sau: *‘Cực*

là một nhọc'. Như vậy, 'cực thân' là làm cái thân khổ nhọc, mỗi một .

'[Do] những điều ác như thế nên mắc vòng [trùng phạt] của người [lân] quý': 'Mắc vòng' là chiêu cảm, dính vào. Ngài Nghĩa Tịch giảng: 'Làm điều ác công khai thì bị vướng vào [sự trùng phạt] của người. Làm điều ác kín đáo thì bị vướng vào [sự trùng phạt] của quý'.

Sách Hội Sớ cũng bảo: 'Người là nhân gian, quan quyền hình phạt. Quý là quý thân, quan cõi âm soi xét'. Thần minh âm thầm ghi chép, chư thiên cũng ghi chép thì kẻ tạo ác mong chi thoát khỏi. Bởi thế, 'tự vào tam đồ'. 'Tự' là tự nhiên, có nghĩa là quyết định.

Chánh kinh:

Thứ tư là nhân dân trong thế gian chẳng nghĩ tu thiện. Nói dối chiêu, ác khẩu, nói dối, nói thù dệt, ganh ghét người lành, bại hoại bậc hiền minh. Chẳng hiếu cha mẹ, khinh mạn sư trưởng. Với bằng hữu chẳng thủ tín, khó mà thành thật. Tự đại tôn quý, bảo là mình có đạo, hoành hành oai thế, xâm tổn người khác. Muốn người kính sợ mình, chẳng tự thẹn hổ, khó bề giáo hóa. Thường ôm lòng kiêu mạn, ý vào phước đức đời trước giữ gìn cho mình.

Đời này làm ác, phước đức tận diệt. Thọ mạng hết rồi, các ác vây lấy. Tên tuổi người ấy lại được ghi nơi thần minh, vạn vương dẫn dắt, không cách nào bỏ lia được. Chỉ do việc làm trước mà vào trong vạc lửa, thân tâm tan nát, tinh thần, thân mình khổ cực. Ngay trong lúc ấy dấu hỏi kịp chăng?

Giải:

Thứ tư là tội vọng ngữ.

Trí Độ Luận giảng về ‘vọng ngữ’ như sau: *‘Vọng ngữ là tâm bất tịnh muốn dối gạt người. Che giấu sự thật, nói ra chuyện khác, tạo thành khẩu nghiệp. Đây gọi là vọng ngữ’.*

Sách Đại Thừa Nghĩa Chương cũng giảng: *‘Lời nói chẳng đúng sự thật nên gọi là “vọng”. Nói ra điều sai vậy nên bảo là “vọng ngữ”.* Như vậy, mang lòng khi dối, miệng thốt ra lời chẳng thật thì gọi là vọng ngữ.

Thêm nữa, miệng có bốn lỗi, tức là bốn điều ác nơi khẩu nghiệp trong Thập Ác là: nói dối, lừa, ác khẩu, nói dối và nói thêu dệt. Tịnh Ảnh Sớ viết: *‘Bốn lỗi của miệng chẳng đúng với pháp, được gọi chung là vọng ngữ’.* Nay kinh này giảng về năm sự ác nên dùng chữ ‘vọng ngữ’ để gộp cả ba lỗi kia của khẩu nghiệp, tính thành một điều ác. Nhưng

kinh này hàm ý răn dạy cả Thập Ác nên lại nêu ra cả ba điều ác nơi miệng; bởi thế, trong phần nói tóm lược, lại có phần giải thích rộng ra.

Chữ *‘lưỡng thiệt’* (nói đôi chiều) được các nhà dịch kinh theo trường phái Tân Dịch dịch là *‘ly gián ngữ’*. Tứ Phần Luật chép: *‘Người này, kẻ kia đấu loạn khiến người bị tổn hoại’*. Ngài Thiên Thai nói: *‘Khích bác người này, kẻ kia, phá sự hòa hợp’*. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương lại giảng: *‘Nói khiến bên này, bên kia trái nghịch nhau nên gọi là “lưỡng”*. *Đều do cái lưỡi để nói với cả hai bên nên bảo là lưỡng thiệt’*. Nghĩa là: khích động ly gián, hý lộng thị phi.

Chữ *‘ác khẩu’* dịch theo lối tân dịch là *‘thô ác ngữ’*. Sách Pháp Giới Thứ Đệ viết: *‘Dùng lời ác đôn ép kẻ khác khiến họ phải đau khổ thì gọi là ác khẩu’*. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển thứ bảy cũng chép: *‘Lời lẽ thô thấp thì gọi là “ác”*. *Ác từ miệng sanh nên gọi là ác khẩu’*. Như vậy, khiến người khác buồn, thốt ra lời thô ác khiến người khác đau khổ thì gọi là ác khẩu.

‘Vọng ngôn’ tức là vọng ngữ, dịch theo lối Tân dịch là *‘hư cuồng ngữ’*, xin xem lại lời giải thích ở phần trên. Vọng ngữ lại như kinh Phạm Võng đã bảo: *‘Chẳng thấy dám nói thấy, thấy nói chẳng thấy’*. Những lời lẽ nghịch tâm, chẳng thật ấy chính là vọng ngữ.

‘*Nói thêu dệt*’ (ý ngữ), dịch theo lời Tân dịch là ‘*tạp uế ngữ*’. Câu Xá Luận nói: ‘*Hết thấy các lời nói xuất phát từ cái tâm nhiễm tạp thì gọi là tạp uế ngữ*’. Đại Thừa Nghĩa Chương lại giảng: ‘*Tà ngôn bất chánh giống như là các sắc [pha trộn] bóng bẩy. Dùng thí dụ để đặt tên nên gọi là nói thêu dệt*’.

Sách Vô Lượng Thọ Kinh Tiên Chú cũng bảo: ‘*Ý ngữ là hết thấy ngôn từ bất chánh, chứa đựng ý dâm. Khách tao nhân đời sau quen thói ưa ví von mỹ nhân như cỏ thơm. Phàm những thứ lời lẽ ấy xâm nhập vào chốn khuê các thì đều gọi là ý ngữ*’.

Sách Thập Thiện Nghiệp Đạo Chương cũng nói: ‘*Ngôn từ diễn tả những điều nhiễm tạp thì gọi là “tạp uế ngữ”*’. Nếu là những văn từ bóng bẩy chẳng khiến tâm tạp nhiễm, ca ngợi thật đức thì chẳng gọi là lời bất thiện vậy’.

Ngài Vọng Tây nói: ‘*Với vọng ngữ này thế nhân thường thích phạm, chẳng đoái hoài quả báo mai sau. Như ngài Nam Sơn nói: “Với giới này người ta hay thích phạm. Ấy là bởi vọng nghiệp chất chứa sâu nặng, hạt giống [vọng nghiệp] trong tạng thức rất nhiều nên cứ gặp trần cảnh là liền phát động, tạo nên lời dối trá”*’.

Ngài còn nói: ‘*Hành Cơ Bồ Tát lại nói: “Con cộp lỗ miệng hại người, gươm lưỡi đoạt mạng. Nếu*

cái miệng giữ được như cái mũi thì chết đi chẳng lo tai vạ gì!”. Người giữ được cái miệng im lặng như lỗ mũi thì mới khỏi sanh ra các họa hại.

Trí Độ Luận nói: *‘Như đức Phật đã nói, vọng ngữ có mười tội. Những gì là mười?’*

Một là hơi miệng hôi thối; hai là thiện thân tránh xa, phi nhân được dịp làm hại; ba là tuy có nói thật người khác chẳng tin nhận; bốn là khi người trí bàn soạn chẳng tham dự được; năm là thường bị phỉ báng, tiếng xấu xa đồn khắp thiên hạ; sáu là người khác chẳng kính, tuy có dạy dỗ, ra lệnh người khác chẳng tuân theo; bảy là thường hay ưu sầu; tám là tạo thành nhân duyên của nghiệp phỉ báng; chín là khi thân hoại mạng chung sẽ đọa địa ngục; mười nếu được thoát ra [khỏi địa ngục] sanh làm người thường bị phỉ báng’.

Ta thấy ác nghiệp vọng ngữ sanh ra lắm thứ ương họa như thế, chết đọa địa ngục, phải dè chừng chớ khinh thường!

‘Ganh ghét người lành’: Ghét là chán ghét, ganh là ganh tỵ. Đòi với cả tám câu từ câu *‘ganh ghét người lành’* cho đến câu *‘tự đại tôn quý’*, các cổ đức có hai lối giải thích khác nhau:

a. Một là như ngài Gia Tường giảng: *“Ganh ghét người lành” là ác khẩu. “Bại hoại hiện mình” là vọng ngữ. “Chẳng hiểu song thân”* (bản Ngụy

dịch chép là “nhị thân”) là kẻ tạo ác tạo nghịch. “Vói bằng hữu chẳng thủ tín” là bất trung, thành tội vọng ngữ bậc thượng. “Tự đại tôn quý” thành ra ác khẩu. “Bảo là mình có đạo” là nói đôi chiều’.

b. Hai là theo ngài Vọng Tây thì ‘ganh ghét người lành’ chính là tội lưỡng thiệt, ‘chẳng hiếu song thân, khinh mạn sư trưởng’ là tội ác khẩu. ‘Vói bằng hữu chẳng thủ tín, khó mà thành thật’ chính là lỗi vọng ngữ. ‘Tự đại tôn quý, bảo là mình có đạo’ chính là tội nói thêu dệt.

Hai thuyết hơi khác nhau, nhưng lời nói đã chẳng thành thật thì từ một khẩu nghiệp sẽ có đủ các tội lỗi, khó bề phân giải tường tận. Thêm nữa, ‘bảo là mình có đạo’ là nếu mình chưa đắc thánh đạo mà bảo ta đã đắc thánh đạo là đã phạm đại vọng ngữ giới, sẽ phải chịu lấy tội báo nặng hơn các khẩu nghiệp khác.

‘Hoành hành oai thế, xâm tổn người khác’ là hoành hành bá đạo, cậy thế khinh người. ‘Muốn người khác kính sợ’ là muốn đại chúng coi mình là người cầm đầu, nghe theo lệnh mình, chỉ biết phục tùng mình. Kiêu căng, ngã mạn, chẳng biết thẹn hổ, chẳng tự răn dè, kiêu nể, khó bề giáo hóa, hàng phục.

Bởi thế, kinh nói: *‘Chẳng tự thẹn hổ, khó bề hàng phục, giáo hóa, thường ôm lòng kiêu mạn’*. Cái tội mạn nếu đem kết hợp với ba độc thì có tham mạn, sân mạn, si mạn, đều thuộc về tư hoặc.

‘Ý vào phước đức đời trước giữ gìn cho mình’: Những kẻ ác có thể hoành hành nhất thời như trên đều là do phước đức đời trước giúp cho họ, nhưng *‘đời này làm ác, phước đức tận diệt’*. Ngài Vọng Tây bảo: *‘Nghệp lành đời trước diệt sạch, thiện thân bỏ đi nên đời này gặp nạn, đấy là điều đau khổ vậy’*. Ngài Tịnh Ảnh nói: *‘Nghệp lành đời trước diệt hết, thiện thân xa lìa, thân không nơi nương dựa, gặp nhiều nạn ác là nỗi đau khổ vậy’*.

‘Tên tuổi người ấy lại được ghi nơi thân mình’: *‘Danh tịch’* (tạm dịch là ‘tên tuổi’): Danh là tên họ, Tịch là sổ sách ghi tội; *‘được ghi nơi thân mình’*: thân mình đem tội lỗi của kẻ ác ghi vào trong sổ ghi án.

Sách Hội Sớ giảng câu *‘vạ ương dẫn dắt’* như sau: *‘Chẳng ai lôi kéo được mình, chỉ có nghiệp của chính mình ràng buộc mà lọt vào đường ác’*. *‘Vào trong vạc lửa’* là tự vào trong lửa cháy và vạc nước sôi nơi địa ngục.

‘Thần hình’ là tinh thần và hình thể. Tịnh Ảnh Sớ giảng: *‘Do ác nghiệp lôi kéo, quỷ thần chộp’*

*nắm, nên vào trong ác đạo chịu khổ, bị nung đốt'.
Bởi thế bảo là 'rất khổ'. Ngay lúc đó, dầu có hỏi
hận cũng chẳng làm gì được nên bảo là 'dầu hỏi kíp
chăng?'*

Chánh kinh:

**Thứ năm là nhân dân trong thế gian chán
chừ, lười biếng, chẳng chịu làm lành, trị thân, tu
nghiệp. Cha mẹ răn dạy thì chống đối, hỗn hào,
trái nghịch hết như oan gia, chẳng bằng không
con. Phụ ân trái nghĩa, chưa từng đáp đền.
Phóng túng chơi bời, lang thang, ham rượu, mê
vị ngon, thô lỗ, khoác lác, càn quấy, chẳng hiểu
nhân tình. Vô nghĩa, vô lễ, chẳng thể khuyên
can, giảng giải. Lục thân, quyến thuộc dù no đủ
hay thiếu thốn, chẳng thêm lo nghĩ. Chẳng nghĩ
ơn cha mẹ, chẳng kể nghĩa thầy bạn.**

**Ý niệm, thân, khẩu chưa hề có một điểm
lành. Chẳng tin kinh pháp của chư Phật, chẳng
tin sanh tử, thiện ác, muôn hại Chơn Nhân, đẩu
loạn tăng chúng. Ngu si mê muội, tự cậy trí
huệ, chẳng biết sanh từ đâu đến, chết đi về đâu.
Chẳng nhân, chẳng thuận lại hy vọng trường
sanh. Từ tâm răn dạy mà chẳng chịu tin. Rát
miệng bảo ban [cũng] chẳng ích gì cho kẻ đó.
Cõi lòng bẻ tắc, ý chẳng khai giải. Mạng lớn sắp
hết, hối, sợ rồi bời, chẳng tu thiện sẵn, đến lúc**

ấy mới hối. Dẫu hối hận vào lúc cuối cùng cũng nào ích chi!

Giải:

‘*Thứ năm là*’: Đây là điều thứ năm [trong ngũ khổ, ngũ thống, ngũ thiêu]. Với điều này, cổ đức có hai cách giải thích:

a. Một là giống như những điều trên, điều này giảng về tội lỗi của việc uống rượu. Các vị Tịnh Ảnh, Gia Tường theo quan điểm này. Phần kinh văn trên có câu: ‘*Ham rượu, mê vị ngon*’, tiếp đó lại nêu lên các điều ác khác để nói rõ tai hại của rượu.

b. Quan điểm thứ hai là năm điều ác này thật ra bao gồm cả mười điều ác như ngài Nghĩa Tịch nói: ‘*Ba nghiệp ác nơi thân là ba điều đầu (trong ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu). Bốn nghiệp ác nơi miệng gộp thành điều thứ bốn. Ba nghiệp ác nơi ý hợp thành điều thứ năm*’. Nghĩa là: ba nghiệp sát sanh, trộm cắp, tà dâm là điều ác thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Bốn nghiệp ác nơi miệng là điều ác thứ tư. Cho đến đây, hai thuyết vẫn giống nhau. Nhưng riêng với điều ác thứ năm, các vị như Tịnh Ảnh... cho là tội uống rượu, còn ngài Nghĩa Tịch lại cho là chỉ chung cả ba nghiệp ác nơi ý, tức là tham, sân, si.

Ông Bàn Tế Thanh đời Thanh cũng có cùng quan niệm này. Trong cuốn Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, ông viết: *‘Đối với ý nghĩa của năm ác thì đặc biệt chuẩn theo các kinh khác mà phối hợp với Thập Ác. Điều ác thứ nhất thuộc về sát nghiệp. Điều ác thứ hai thuộc về tham, trộm. Điều ác thứ ba thuộc về dâm nghiệp. Điều ác thứ tư thuộc về nói dối, nói dối chiều, ác khẩu, nói thêu dệt. Điều ác thứ năm thuộc sân hận, tà kiến. Trái ngược với chúng là năm điều lành, cũng gọi là Thập Thiện’*. So với thuyết của ngài Nghĩa Tịch, thuyết của ông Bàn Tế chỉ khác một ít, vì tà kiến là từ si sanh ra.

Ở đây, tôi giải thích kinh văn dựa theo cả hai thuyết cho nên bảo điều ác thứ năm là lỗi uống rượu; lại vì rộng khuyên Thập Thiện nên dùng kèm cả thuyết sau. Hai thuyết trên thoạt nhìn khác nhau, nhưng thật sự chẳng trái nghịch nhau. Bởi vì ham mê chèn chính là tham ác. Say rồi dễ nóng, đó là sân độc. Rượu khiến cho thần trí hôn ám, uống quá độ thậm chí bất tỉnh nhân sự chính là si độc. Dù thấy một cái lỗi uống rượu thường có đủ cả ba độc.

Sách Tư Trì Ký bảo uống rượu có mười cái hại. Sách viết: *‘Một là vẻ mặt xấu ác, hai là yếu sức, ba là mắt nhìn chẳng rõ, bốn là hiện ra vẻ*

nóng giận (sân độc), năm là tổn hoại nghề nghiệp mưu sinh, sáu là tăng tật bệnh, bảy là tăng thêm tranh chấp, cãi cọ (sân độc), tám là không còn tiếng tăm, chín là trí huệ kém (si độc), mười là khi mạng chung sẽ đọa trong ba ác đạo'. Trong những điều trên, điều thứ tư, điều thứ bảy là sân, điều thứ chín là si. Đời cũng có câu: *'Rượu vào loạn tánh'* nghĩa là rượu có khả năng làm cho tâm ý và bản tánh lương thiện của con người bị mê loạn khiến cho con người tạo ác.

Nay kinh đây bảo: *'Ham rượu mê vị ngon'* thì chính là cả hai độc tham và si. Bởi thế một tội uống rượu thật sự gồm cả ba điều ác nơi ý nghiệp. Bởi thế, hai thuyết trên đây chỉ là do nói tách ra hay gộp lại mà thành ra sai khác mà thôi.

Tiếp đó, kinh nói chi tiết về những tai hại, ương họa của việc uống rượu. *'Chần chừ, lười biếng'*: *'Chần chừ'* là do dự, *'lười biếng'* là biếng nhác. Ý nói: trong tâm do dự, phóng dật, biếng nhác, chỉ cốt được an nhàn tằm thân chẳng thể tu thân, làm lành. Bởi thế, tiếp đó, kinh nói: *'Chẳng chịu làm lành, trị thân, tu nghiệp'*. *'Nghiệp'* là chánh nghiệp. Câu này ý nói: Người ác chẳng chịu tu sửa thân mình, chẳng siêng tu chánh nghiệp.

Kẻ ấy đối với lời răn dạy của cha mẹ liền *'chống đối, hỗn hào, trái nghịch'*. *'Chống đối'* là kháng cự lại. *'Hỗn hào'* là hung bạo, hỗn ác.

‘*Chống đối, hõn hào*’ có nghĩa là chống chọi, láo xược. ‘*Trái nghịch*’ là ngỗ nghịch, bất hiếu. Cha mẹ có con mà hết như có oan gia nên bảo là ‘*chẳng bằng không con*’.

Đứa con ác như thế bội bạc từ ân nên bảo là ‘*phụ ân*’, trái nghịch lễ nghĩa nên bảo là ‘*trái nghĩa*’. ‘*Chưa từng đáp đền*’ nghĩa là đối với ân đức của cha mẹ hoàn toàn chẳng báo đáp. ‘*Phóng túng*’ là phóng đảng, tự tung tự tác. ‘*Ham rượu*’ là ưa say sưa, chè chén. ‘*Mê vị ngon*’ là ham thích ăn đồ mỹ vị. ‘*Ham*’ còn có nghĩa theo đuổi cái vui quá độ. ‘*Mê*’ là tham lam chẳng chán. Câu này ý nói mặc tình chè chén, ăn uống, tham ăn vô độ, đây chính là lỗi ác của việc rượu chè.

Trong sách Thuật Ký, ngài Nghĩa Tịch giảng chữ ‘*thô lỗ, khoác lác*’ như sau: ‘*Thô lỗ là lỗ mãng, đàn độn, chẳng hay biết gì. Khoác lác là huênh hoang, mặc sức tự đại*’. ‘*Càn quấy*’ là ngu cuồng, luôn làm càn, chẳng hiểu việc gì, nhưng không việc gì lại không làm. Sách Phụ Hành ghi: ‘*Thô lỗ, khoác lác... là đáng vẻ chẳng biết xấu hổ, bất thuận*’. Bởi thế, ‘*chẳng hiểu nhân tình, vô nghĩa, vô lễ*’. ‘*Nghĩa*’ là “nghĩ” (thích đáng), tức là những gì quy định khiến cho mọi sự được thích đáng, đúng đắn. Chữ ‘*lễ*’ được sách Lễ Ký giảng như sau: ‘*Thuận nhân tình là Lễ*’. Sách Hội Sớ lại bảo:

‘Quyết đoán đúng sai, thấy cái nào thích đáng thì làm theo, đó là Nghĩa. Phân biệt tôn ty, chẳng trái với chuẩn mực, pháp tắc thì là Lễ’. Nghĩa là: Phân biệt được đúng, sai, việc làm đúng đắn là nghĩa. Biết tôn, ty, lớn, nhỏ, chẳng trái phạm quy ước đạo đức xã hội chính là Lễ. Vì trái nghịch với lễ nghĩa nên bảo là *‘vô nghĩa, vô lễ’*.

‘Chẳng thể khuyên can, giảng giải’: Khuyên can là dùng đạo để chỉnh người khác, nghĩa là khuyên ngăn để kẻ ấy hành xử đúng đắn. Giảng giải là khuyên bảo, dùng lời lẽ dạy dỗ người khác. *‘Lục thân’* là cha, mẹ, anh, em, vợ, con. Hiền Dương Đại Giới Luận có câu: *‘Lục thân là ba đời trên của mình, tức là: cha mẹ, ông bà, ông cố, bà cố và ba đời dưới mình: con cái, cháu và chắt’.* Sách Vô Lượng Thọ Kinh Sao giảng chữ *‘quyến thuộc’* là: *‘Ngoài lục thân thì gọi là quuyến thuộc’.*

‘Tu dụng’ là những vật dùng để sanh sống như tiền bạc, lúa gạo v.v... Kẻ ác như vậy đối với những vật cần thiết để duy trì cuộc sống của lục thân, quuyến thuộc hoàn toàn chẳng thèm quan tâm đến, nên kinh nói: *‘Dù no đủ hay thiếu thốn, chẳng thèm lo nghĩ’.* Đối với ơn cha mẹ, nghĩa thầy bạn, hoàn toàn chẳng nghĩ tới, thản nhiên như không, nên kinh bảo: *‘Chẳng nghĩ ơn cha mẹ, chẳng kể nghĩa thầy bạn’.*

Câu ‘*ý niệm, thân, khẩu chưa hề có một điểm lành*’ được bản Ngụy dịch ghi là: ‘*Tâm thường nghĩ điều ác, miệng thường nói điều ác, thân thường làm ác, chưa từng có một điều lành nào!*’. Rõ ràng là ba nghiệp thân, khẩu, ý thường làm nghiệp ác, chưa từng làm được việc lành gì. Câu này đủ chứng minh thuyết của ngài Nghĩa Tịch thật quả có căn cứ.

Câu ‘*chẳng tin kinh pháp của chư Phật, chẳng tin sanh tử, thiện ác*’ là nói về si họa. Chẳng tin Phật pháp, bác không nhân quả thì chính là nhất xiển đề.

Câu ‘*muốn hại Chơn Nhân*’ được bản Ngụy dịch ghi là ‘*muốn giết Chơn Nhân*’, bản Hán dịch ghi là ‘*muốn hại La Hán*’. Sách Huyền Ứng Âm Nghĩa giảng: ‘*Chơn Nhân là A La Hán*’. Sách Pháp Hoa Sớ Ký lại bảo: ‘*Chơn là sự chứng đắc. Do [A La Hán] là bậc chứng đắc chơn thật nên gọi là Chơn Nhân*’. Giết A La Hán chính là ngũ nghịch trọng tội.

‘*Đấu*’ là đấu tranh, ‘*loạn*’ là làm lạc, trái nghịch. Do vậy, ‘*đấu loạn Tăng chúng*’ chính là tội ‘*phá hòa hợp Tăng*’ trong ngũ nghịch. Đối với Tăng chúng hòa hợp tu hành đúng theo Phật pháp lại dùng thủ đoạn để ly gián, khiến họ tranh chấp,

rối loạn, khiến pháp sự bị phé bỏ thì gọi là ‘*phá hòa hợp Tăng*’.

Kinh A Xà Thế Vương Vấn Ngũ Nghịch dạy: ‘*Có năm tội nghịch nếu tộc tánh tử, tộc tánh nữ phạm những tội này thì không thể cứu được, ắt nhập địa ngục, chẳng còn nghi gì nữa. Những gì là năm? Tức là giết cha, giết mẹ, hại A La Hán, đầu loạn Tăng chúng, khởi ác ý đối với đức Như Lai*’. Năm thứ ấy chính là ngũ vô gián nghiệp, chiêu cảm khổ quả trong địa ngục Vô Gián. Trên đây là nói về lỗi ác của sân và si.

Từ chữ ‘*ngu si, mêng muội*’ trở đi là nói về những sự đau khổ phát sanh từ si ác. ‘*Mêng muội*’ là vô tri. Ngụ si, vô tri lại ‘*tự cậy trí huệ*’, tự cho mình là đúng thì thật là ngu si đến cùng cực!

Lại do vì ngu si nên chẳng tin nhân quả ba đời; thế nên chẳng biết đời này sanh từ đâu đến, cũng chẳng biết chết đi sẽ sanh về đâu? Chẳng hiểu rõ nhân quả, chẳng tin luân hồi, chẳng biết lợi tha, chỉ toan tự lợi nên đối xử với người khác toàn là ‘*bất nhân, chẳng thuận*’ (Trang Tử nói: “*Yêu người, làm lợi cho người là Nhân*”. ‘*Thuận*’ là hòa thuận). Do chỉ biết tự lợi nên ‘*hy vọng trường sanh*’. Con người thế ấy tâm ngu, hạnh kém, tuy ‘*từ tâm răn dạy mà chẳng chịu tin, rất miệng bảo ban vẫn chẳng ích gì cho người đó*’. Bởi vì kẻ si như thế tấm lòng đóng chặt, dẫu nghe lời hay cũng

chẳng thể lãnh hội, hiểu nổi. Rõ ràng là do si độc chiêu cảm nổi đau khổ. Vì thế, Tịnh Ảnh Sớ viết: *‘Hiện có ngu si, ám chướng che lấp cái tâm, chẳng hiểu biết gì. Bởi vậy, đó là đau khổ’*. Nghĩa là: do ngu si che lấp cái tâm nên vô tri, mê muội; đây thật là nỗi đau lớn lao của kiếp người.

Ngài Nghĩa Tịch giảng chữ *‘đại mạng’* trong câu *‘đại mạng sắp dứt, hối, sợ rồi rồi’* như sau: *‘Sanh tử là đại mạng, cùng quần là tiểu mạng’*. Ngài Vọng Tây giảng chữ *‘hối, sợ’* như sau: *‘Hối sợ là lúc mạng sắp dứt, lửa địa ngục hiện tiền. Lúc thấy tướng ấy, sanh lòng hoảng sợ, hối hận. Hối hận chen lẫn hoảng sợ nên bảo là “rối rồi”*. Lửa địa ngục bức bách thân là thiêu. Người ta nếu chẳng nhân lúc còn sống tu sẵn việc lành từ trước, để đến lúc lâm chung mới hối hận thì đã trễ; hối hận cũng chẳng làm gì được!

Chánh kinh:

Trong vòng trời đất, ngũ đạo phân minh, thiện ác báo ứng, họa phúc tiếp nối, thân phải tự lãnh, chẳng ai thế cho. Người lành làm lành từ vui vào vui, từ chỗ sáng vào chỗ sáng. Kẻ ác làm ác từ khổ vào khổ, từ tối vào nơi tối. Ai biết được thế? Chỉ Phật biết nổi mà thôi! Dạy bảo khai thị, kẻ tin hành theo thì ít. Sanh tử chẳng ngơi, ác đạo bất tuyệt. Thế nhân như vậy khó

thể hết sạch. Bởi vậy, tự nhiên có tam đồ, vô lượng khổ não, xoay vần trong đó đời đời kiếp kiếp, chẳng có kỳ ra, khó được giải thoát, đau đớn chẳng nói nổi!

Giải:

Đoạn này tổng kết năm sự ác, năm sự đau đớn, năm sự đốt.

Sách Hội Sớ giảng câu ‘trong vòng trời đất, ngũ đạo phân minh’ như sau: ‘Trời đất là sở y thể giới khí thể gian, [chữ trời đất] chỉ chung cả ba cõi. Ngũ đạo là năng y hữu tình, chỉ chung cả đường lành lẫn nẻo ác. Nhân quả khổ vui ai cũng thường thấy nên bảo là phân minh’.

Ngài Nghĩa Tịch lại nói: ‘Trong vòng trời đất, sanh tử trong năm đường, nhân quả phân minh’, ý nói: Hễ có nhân ắt có quả. Nghiệp nhân như thế thì quả báo như thế, chẳng sai một mảy.

‘Thiện ác báo ứng’: Sách Tiên Chú giảng chữ ‘báo ứng’ như sau: ‘Có làm ắt có báo, có cảm ắt có ứng’. Như vậy, họa phước gặp phải trong hiện tại đều là báo ứng của túc nhân.

Sách Hội Sớ nói: ‘Thiện ác thuộc về nhân; họa phước thuộc về quả. Nhân có thiện ác, quả cảm khổ vui. Bóng theo hình, tiếng vọng theo âm thanh, chẳng sai tơ tóc’. Bóng ắt theo hình, tiếng

vọng vang ra từ âm thanh không sai mây may; nghiệp nhân, quả báo cũng giống như thế.

‘Họa phước tiếp nối’: Nghiệp nhân đời trước có thiện ác lẫn lộn nên đời sau thọ báo thì hoặc là trước vui sau khổ, hoặc là trước khổ sau vui. Khổ vui tiếp nối, họa phước thay phiên nhau nên bảo là *‘họa phước tiếp nối’*. Làm lành được phước, tạo ác mắc họa, đều là tự mình làm tự mình chịu nên bảo là *‘thân phải tự lãnh, chẳng ai thế cho’*.

Tổng hợp ý kiến của ngài Nghĩa Tịnh và tác giả sách Hội Sớ, các câu từ chữ *‘người lành làm lành’* đến *‘từ chỗ tối vào chỗ tối’* được hiểu như sau:

Người lành là người gieo cái nhân lành; đời sau sanh trong nhà tôn quý, thân hình đoan chánh, duyên cảnh hòa mỹ, thân tâm sướng vui; đó là *‘vui’*. Người ấy lại còn sáng suốt, thông đạt, ưa điều thiện, thích bố thí; ấy là *‘minh’*. Nếu người ấy lại làm nhiều thiện nghiệp, siêng tu phước huệ thì được sanh lên trời. Hay hơn nữa là niệm Phật cầu sanh Tây phương v.v... Ấy là *‘từ chỗ sáng vào chỗ sáng’*.

Còn kẻ ác tạo ác nghiệp, gieo nhân ác, chịu quả ác. Vì thế sanh trong nhà ty tiện, hình dung khô khốc, cả đời lẫn rách bực não thân tâm; ấy là khổ.

Lại còn ngu muội, vô tri, chẳng tin chánh pháp, chẳng làm việc lành; ấy là ‘tối’. Thảng hoặc còn làm nhiều ác nghiệp, chết đọa ác đạo, nên bảo: ‘*Từ khổ vào khổ, từ tối vào nơi tối*’.

Tiếp đó, kinh dạy rõ lý nhân quả sanh tử trong sáu đường như thế rất u huyền; cả chín mươi lăm phái ngoại đạo chẳng thể biết được nổi, chỉ mình đức Thế Tôn ta biết được căn nguyên nên nói: ‘*Chỉ Phật biết nổi mà thôi!*’ Phật rủ lòng giáo hóa, mở bày sự chơn thật, nhưng chúng sanh ngu si, chẳng tin theo, chẳng hành theo. Bởi vậy, Phật nói: ‘*Kể tin, hành theo thì ít*’. Do đó, thế gian ‘*sanh tử chẳng ngơi, ác đạo bất tuyệt*’. Thế nhân chẳng tin lời Phật dạy răn cứ làm ác không thôi. Các câu tiếp đó như: ‘*Bởi vậy, tự nhiên có tam đồ...*’ nghĩa đã quá rõ.

Chánh kinh:

Năm điều ác, năm sự đau đớn, năm sự đốt như thế ví như lửa lớn thiêu đốt thân người. Nếu có thể tự ở trong ấy, nhất tâm chế ý, đoạn thân chánh niệm, lời nói phù hợp với việc làm, việc làm chí thành, chỉ làm các điều thiện, chẳng làm các điều ác, thân riêng được độ thoát, đạt được phước đức, đạt được cái đạo Nê Hoàn trường thọ, thì là năm điều đại thiện vậy.

Giải:

Đoạn cuối của phẩm kinh này khuyên chuyển đổi năm điều ác thành năm điều thiện.

Câu *‘ví như lửa lớn thiêu đốt thân người’* là dùng lửa lớn ví cho năm điều ác. Nếu ai có thể trong năm thứ đau đớn, năm thứ thiêu đốt ấy mà chuyên nhất tâm mình, chế ngự, ngăn dứt ba điều ác trong ý nghiệp, đoan thân chánh tâm, lời nói đi đôi với việc làm, thành thật chẳng dối, chẳng làm các điều ác thì sẽ được các phước, thoát khỏi sanh tử. Sách Hội Sớ nói: *‘Khởi hạnh đúng với lời nói, dùng hạnh để thực hiện lời nói thì gọi là “lời nói phù hợp với việc làm”’*.

‘Trường thọ’ là trường sanh. Thế gian nào có sự trường sanh, chỉ có chứng được đạo vô thượng thì mới bất sanh bất diệt. Vì vậy, lìa được sự sanh tử của thế gian mới đúng là trường sanh thật sự. *‘Nê Hoàn’* chính là Niết Bàn, là quả của sự chứng ngộ trọn vẹn ba đức. Nói riêng trong Tịnh tông thì Niết Bàn chính là Cứu Cánh Tịch Quang. Sự lành như thế gọi là *‘đại thiện’*.

Phẩm này giảng rộng về nhân quả thiện ác. Phước *‘tin sâu nhân quả’* trong ba thứ phước được giảng trong Quán kinh cũng chỉ giống như lời khuyên ở đây mà thôi. Thế nhân ngu si, chẳng trọng nhân quả, hoặc có kẻ còn vọng ngôn bài bác không có nhân quả, chống báng lời Phật răn dạy.

Bản Ngô dịch còn viết: *‘Những người muốn được sanh về cõi Phật A Di Đà nếu chẳng thể đại tinh tấn, thiên định, trì kinh giới thì phải dừng mãnh làm lành’*. Cư sĩ Bàn Tế Thanh nói: *‘Thập Thiện vốn là nghiệp để sanh cõi trời, nay do nhân duyên niệm Phật hồi hướng Cực Lạc, tức là chuyển nghiệp sanh cõi trời thành Tịnh nghiệp. Vì sao vậy? Người niệm Phật còn chuyển được nghiệp ác, lẽ nào chẳng chuyển được nghiệp sanh cõi trời?’* Vì thế, người tu Tịnh nghiệp phải tận hết sức mình hành thêm các điều thiện.

Như ta thường nghe nói *‘đời nghiệp vãng sanh’* thì cái nghiệp ấy chính là túc nghiệp. Những ác nghiệp trong những đời trước chưa tiêu hết hoàn toàn, nhưng do bốn nguyện của Phật và diệu đức của việc trì danh nên được đời nghiệp vãng sanh, chẳng lọt vào đường ác nữa (nguyện thứ hai của Phật A Di Đà là: *‘Sanh vào cõi ta, được ta giáo hóa... chẳng đọa vào trong đường ác nữa’*). Như vậy, cái nghiệp được nói trong *‘đời nghiệp’* chính là túc nghiệp, chứ quyết chẳng phải là cái nghiệp hiện hành. Như trong kinh Niết Bàn có nói: người đồ tể tên Quảng Ngạch buông con dao mổ xuống thì ngay lập tức thành Phật; ta thấy rằng để thành Phật thì phải buông bỏ được con dao mổ. Nếu kẻ tu Tịnh Độ một mặt niệm Phật, mặt khác lại làm ác;

cứ tu Tịnh kiêu đó thì quyết định chẳng vãng sanh nổi!

Lại có kẻ cho rằng làm lành là thuộc về Nhân Thiên thừa nên coi thường. Đời Đường, ngài Ô Sào thiên sư dùng cách thổi sợi lông trên vải để dạy đệ tử là Hội Thông, đệ tử liền ngộ nhập. Ngài dùng bài kệ *‘Dùng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành’* để dạy ông Bạch Cư Dị. Ông Bạch bảo: *‘Hai câu ấy thì đứa nhỏ ba tuổi cũng nói được’*. Ngài Ô Sào bảo: *‘Ông lão tám mươi làm điều đó còn chẳng xong’*.

Ông Bạch Cư Dị nghĩ hai câu ấy là cạn cợt, coi việc thổi lông trên tấm vải mới là sâu xa. Ô Sào thiên sư coi hai việc ấy bình đẳng như nhau. Một kẻ mê, một người ngộ, xa cách nhau một trời một vực. Nếu là người căn cơ viên đốn thì pháp nào cũng viên cả. Nhân thiên thừa chính là Nhất Phật thừa, lẽ đâu coi thường ư?

Điểm mấu nhiệm của Tịnh tông là ở chỗ chiêu chơn đạt tục. Nếu rộng hành các điều lành thì chẳng những tạo phước cho xã hội hiện tại mà còn là trợ hạnh cho Tịnh nghiệp nữa. Lại thêm tín nguyện sâu chắc, trì danh hiệu Phật thì kiêm cả tự lợi lẫn lợi tha, thường vui sướng vô cực.

Hơn nữa, phẩm này giảng rộng về đời trước ác khổ, tuy chỉ giảng bày về mặt sự tướng, nhưng thật đã hiển bày trọn vẹn Nhất Tâm. Tâm như uế ất cõi như uế, tâm ác ất sanh trong đường ác. Không thứ nào chẳng do tự tâm biến hiện. Kinh đã giảng rõ hai cõi tịnh uế để ta biết mà ưa thích hay chán nhàm. Sách Di Đà Yếu Giải viết:

‘Sa Bà chính là do cái như bản trong tâm mình cảm thành, lý ứng phải chán lìa những cái như uế trong tâm mình; Cực Lạc chính là những cái thanh tịnh trong tâm mình cảm thành, lý ứng phải vui cầu những cái thanh tịnh trong tâm mình. Đã chán uế thì phải bỏ đến rốt ráo không còn gì để bỏ nữa; ưa tịnh thì phải lấy cho đến rốt ráo không còn gì để lấy được nữa.

Sách Diệu Tông nói: *“Lấy và bỏ nếu đạt đến cùng cực thì cũng hoàn toàn chẳng khác gì với không lấy bỏ”. Giả sử chẳng từ Sự để lấy bỏ, lại toan chẳng lấy, chẳng bỏ thì chính là chấp Lý phé Sự. Đã bỏ Sự thì Lý cũng chẳng trọn vẹn. Nếu thấu hiểu toàn Sự là chơn thì lấy cũng là Lý mà bỏ cũng là Lý. Một lấy, một bỏ không gì chẳng phải là pháp giới’.*

Thuyết của sách Yếu Giải sự lý viên dung, khéo hợp khéo léo với Trung Đạo.

36. Trùng trùng hồi miễn (bao lượt khuyên lơn)

Trong phẩm này, vì chiết phục chúng sanh ác nghiệp nên đức Phật lại chỉ bày, khuyên lơn. Trước hết ngài giảng rõ về nhân ác quả ác để chúng sanh biết mà kiêng sợ. Cuối phẩm, ngài lại khuyên nên đoạn chánh thân tâm, chẳng quên công phu để khỏi phải hồi hận.

Chánh kinh:

Phật bảo Di Lặc:

- Ta bảo các ông: Năm sự ác, năm sự đau, năm sự đốt như thế xoay chuyển sanh lẫn nhau. Kẻ nào dám phạm phải những điều ấy sẽ trải thân trong đường ác; hoặc là trong đời này trước hết bị bệnh tật, tai ương, sống chết không xong, để làm gương cho kẻ khác. Hoặc là chết đi, đọa trong ba đường ác. Sầu đau, thảm não, tàn khóc, tự nung đốt thân.

Giải:

Đoạn kinh này nói về cái họa do ngũ ác, ngũ thông, ngũ thiêu sanh ra.

Gia Tường Sớ giảng: “*Xoay chuyển sanh lẫn nhau*” là ba độc. Chẳng trừ ác thì ác chẳng tuyệt,

khổ quả chẳng dứt'. Sách Hội Sớ lại giảng: *'Năm ác là nhân, nhọc khổ là quả. Dùng quả để răn nhân. "Sanh lẫn nhau" là đời này bị đau khổ, đời sau bị thiêu đốt; điều này làm cái nhân để sanh ra điều kia vậy*'.

Cả hai thuyết cùng nói đến *'sanh lẫn nhau'* nhưng chưa giảng rõ chữ *'xoay vần'*. Các vị Tịnh Ảnh, Cảnh Hưng và Vọng Tây giảng rõ chữ *'xoay vần'*.

Ngài Vọng Tây bảo: *'Trước hết nói rõ điều ác sanh ra nỗi đau khổ và thiêu đốt. Tiếp đó là từ thiêu đốt sanh ra điều ác và đau khổ*'.

Ngài Tịnh Ảnh nói: *'Trước hết, nói từ ác sanh đau đớn, sanh ra thiêu đốt. Tiếp đó, nói từ thiêu đốt sanh ra ác, sanh ra đau*'.

Ngài Cảnh Hưng cũng giảng giống như thế, nghĩa là: ác, đau khổ và thiêu đốt lần lượt sanh lẫn nhau. Điều ác sanh ra nỗi đau đớn, thiêu đốt nên phải sanh trong ác đạo. Nhưng chúng sanh trong ác đạo ba độc quá nặng nên từ sự thiêu đốt ấy lại sanh ra các nỗi ác khổ, đau đớn như gà đẻ ra trứng, trứng lại nở ra gà. Cái này, cái kia lần lượt sanh ra nhau không lúc nào ngắt.

Bởi thế, tiếp đó kinh chép: *'Kẻ nào dám phạm phải những điều ấy*'. *'Những điều ấy'* chính là những điều ác. Kẻ dám phạm vào những điều ác ắt

sẽ mãi mãi lăn lóc trong nẻo ác nên kinh dạy: ‘*Sẽ trải thân trong đường ác*’. ‘*Trải*’ là trải qua, ‘*đường ác*’ chính cái quả do việc ác chiêu cảm. Bởi thế, kinh nêu lên tướng trạng của quả để răn đe chúng sanh ngộ hầu họ dứt bỏ nhân ác.

Các câu từ ‘*hoặc trong đời này*’ cho đến ‘*để làm gương cho chúng*’ là nói về năm sự đau; đây chỉ là hoa báo trong đời hiện tại. ‘*Bị*’ là lãnh chịu; ‘*bịnh*’ là tật bệnh, ‘*wong*’ là tai họa như thủy tai, hỏa tai, hình phạt v.v... Kể làm ác ngay trong hiện đời thì hoặc bị bệnh nặng, hoặc mắc phải tai vạ, mong sống chẳng được, cầu chết không nổi. Sầu khổ muôn mối chẳng thoát khỏi được! Bởi thế, Phật nói: ‘*Sống chết không xong*’.

Tiếp đó, kinh nói: ‘*Để làm gương cho kẻ khác*’ là chỉ rõ quả ác này để khiến cho tất cả đại chúng đều được thấy rõ mà biết rằng nhân quả chẳng dối, sanh lòng kiêng sợ.

Tiếp đó, kinh chép: ‘*Hoặc là chết đi, đọa trong ba đường ác*’, đó chính là quả báo, tức là năm sự đốt vạ. ‘*Sầu đau*’ là lo buồn, đau đớn. ‘*Khốc độc*’ (tạm dịch là ‘thảm não, tàn khốc’) là nỗi đau đớn thảm thiết nhất. Chữ ‘*nung đốt*’ được sách Hội Sớ giảng như sau: ‘*Nung đốt là dáng vẻ dữ dội của ngọn lửa địa ngục. Chữ “tự” nghĩa là*

do nghiệp của chính mình chiêu cảm'. Bởi thế, kinh chép là *'tự nung đốt thân'*.

Chánh kinh:

Cùng với oan gia lại sát hại, tổn thương lẫn nhau. Bắt đầu từ chút việc nhỏ nhặt trở thành cái nhân lớn lao dữ dội.

Giải:

Tịnh Ảnh Sớ cho rằng cả đoạn trên này là để nói rõ ý nghĩa *'tự nung đốt thân'*.

Ngài Vọng Tây cho rằng *'lại sát hại, tổn thương lẫn nhau'* chính là *'điều ác thiêu đốt chúng sanh, giết hại chúng sanh'*. Trong trận lửa địa ngục, kẻ ác vì đau đớn quá mức nên nổi sân, đâm ra tàn sát, đả thương lẫn nhau. Đó chính là trong khi bị thiêu đốt lại gây thêm tội ác, kết thành oán cừu nên bảo là *'oan gia'*. Cứ đòi nợ lẫn nhau, Giáp giết Ất, Ất lại giết Giáp nên bảo là *'giết hại, tổn thương lẫn nhau'*.

Từ bé xé ra to, càng lúc càng phiền toái, càng khốc liệt, chẳng lúc nào hết nên bảo là: *'Bắt đầu từ chút việc nhỏ nhặt trở thành cái nhân lớn lao dữ dội'*. *'Dữ dội'* là quá mức, kịch liệt, là nhiều, là tăng thêm. Làm ác chẳng thôi nên khổ càng tăng thêm chẳng ngừng, trở thành cái nhân lớn lao, khiến cái họa càng thêm sâu nên bảo là *'trở thành cái nhân lớn lao dữ dội'*. Bản Như dịch chép là:

‘Lâu ngày thành lớn lao quá mức’. Tịnh Ảnh Sớ giảng:

‘Thân chịu lao khổ, khổ tăng thêm chẳng ngọt nên gọi là lâu ngày thành lớn lao quá mức’.

Chánh kinh:

Đều do tham đắm tài sắc, chẳng chịu bố thí. Ai nấy chỉ muốn tự khoái, chẳng còn biết đến công vạ hay ngay thẳng. Bị si dục bức bách nên hậu đãi mình, tranh lợi, phú quý, vinh hoa; cốt khoái ý ngay trong lúc ấy, chẳng nhận nhục nổi, chẳng chăm tu thiện. Oai thế chẳng lâu đã bị mòn diệt. Đạo trời lỏng lẻo, tự nhiên tỏ rõ. Bơ vơ, bòn chôn, sẽ vào trong đó. Xưa nay như thế, đau đớn thay, đáng thương thay!

Giải:

Đoạn kinh này nói về cái nhân ác là ba độc rồi lại răn dạy.

‘Đều do tham đắm tài sắc’: Cầu được nhiều chẳng chán là ‘tham’, tâm tham kiên cố là ‘đắm’. Kinh Bảo Tích dạy: *‘Tà niệm sanh ra tham đắm, tham đắm sanh ra phiền não’*. Trong chữ ‘tài sắc’ thì tài chỉ tiền tài, của cải; sắc là sắc tình, tức là tình ái nam nữ. Gia Tường Sớ giảng: *‘Hoặc là tham tài hay tham xác thịt’*. Sách còn viết: *‘Từ câu “đều do tham đắm” trở đi nói đến tội lỗi của ba ác. Tham*

đắm vinh hoa, tham đắm cái vui hiện tại nên tạo ác’.

‘*Chẳng chịu bố thí*’ là chẳng chịu đem tài vật ban bố cho người. Sách Hội Sớ viết: ‘*Tham dục tuy nhiều nhưng tài sắc là lớn nhất nên kinh đặc biệt nêu lên. Chẳng thể bố thí là tướng trạng của lòng keo kiệt’.*

‘*Ai này chỉ biết tự khoái, chẳng còn biết đến công vạy hay ngay thẳng*’ là chỉ cầu tự lợi để thỏa mãn tâm lòng, chẳng cần biết đến đúng sai, công vạy hay chất trực. ‘

‘*Bị si dục bức bách*’: cội gốc của cái tâm tham dục chính là si nên bảo là ‘*si dục*’. Kinh Di Giáo chép: ‘*Nếu có trí huệ thì chẳng tham đắm*’. Vì thế, trong đoạn kinh này chỉ nói đến hai cái ác si và tham, còn sân thì đã được đề cập trong đoạn kinh ở phần trên rồi.

Sách Hội Sớ giảng chữ ‘*bức bách*’ như sau: ‘*Ái dục bức bách, thường nghĩ tưởng dục cảnh*’. Bởi đó mà tổn hại người khác để mình được lợi, chỉ ham ‘*phú quý vinh hoa*’, chỉ cầu khoái ý trong phút chốc, chẳng mong nhẫn nhục tu thiện, tích lũy phước báo cho mai sau. Nhưng oai thế nào còn mãi, phút chốc diệt mất.

‘*Thiên đạo thi trương, tự nhiên củ củ*’ (tạm dịch: ‘*Đạo trời lỏng lẻo, tự nhiên tỏ rõ*’): Thi là

giương ra, ‘củ’ là chánh, là xem xét, là nêu ra cái sai. Cái lý tự nhiên, cái đạo pháp nhĩ ⁽⁶⁾ thì gọi là ‘*thiên đạo*’. Tịnh Ảnh Sớ giảng: ‘*Đạo lý trong thiên hạ tự nhiên lập bày vì thế gọi là “thiên đạo thi truong”. Hễ tạo ác tất bày rõ ra nên gọi là “tự củ củ”*’. Sách Hội Sớ nói: ‘*Nói “thiên đạo” là nói đến nhân quả báo ứng*’. Sách còn viết: ‘*Sự đã phát sanh thì theo đúng pháp mà cắt đứt. Sự chưa phát hiện thì quan sát kỹ, thì gọi là “củ củ”*’. Củ là chỉ bày’.

‘*Bơ vơ*’ là không nơi nương dựa. ‘*Bồn chồn*’ là tâm hoảng sợ chẳng yên, kinh hoàng, hoảng hốt. Sách Hội Sớ giảng câu ‘*sẽ vào trong ấy*’ như sau: ‘*“Bơ vơ” là tình cảnh đơn độc, một mình sống, mình mình chết. “Bồn chồn” là tâm động, kinh hoàng xen lẫn không xen hở. “Trong ấy” là trong năm đường*’. Tịnh Ảnh Sớ lại giảng: ‘*Kẻ có tội sẽ phải đi về đó, không người bầu bạn nên bảo là bơ vơ, bồn chồn đi vào trong ấy*’. Tiếp đó kinh nói: ‘*Xưa nay như thế, đau đớn thay, đáng thương thay!*’, ý nói: do tam độc tạo ra nhân ác thì nhất định phải chịu lấy ác quả đớn đau, thiêu đốt.

Trên đây Phật răn điều ác, tiếp đó, Phật khuyên làm lành.

Chánh kinh:

Các ông được nghe lời kinh Phật thì phải suy nghĩ chín chắn, ai nấy tự nên giữ vững, trọn đời chẳng lười: tôn thánh, kính thiện, nhân từ, bác ái. Nên mong cứu đời, nhổ dứt cội rễ sanh tử và các ác thì sẽ lia khỏi con đường tam đồ lo sợ, đau khổ.

Các ông làm lành như thế nào thì sẽ là bậc nhất? Nên tự đoan chánh cái tâm, nên tự đoan chánh cái thân. Tai, mắt, miệng, mũi đều tự đoan chánh. Thân, tâm khiết tịnh tương ưng với cái thiện. Chớ chạy theo dục vọng, chẳng phạm các ác. Ngôn từ, vẻ mặt nên hòa nhã, thân hạnh nên chuyên; cử động, ngó nhìn an định, thông thả. Làm việc bộp chộp dễ bị thua thiệt rồi sau hối hận. Làm việc chẳng thận trọng sẽ uổng mất công phu.

Giải:

Trong đoạn này, đức Như Lai khuyên tất cả những người nghe kinh nên chuyên ròng, siêng năng tu thiện.

Chữ ‘*lời kinh Phật*’ chỉ chung hết thầy pháp môn bỏ ác làm lành, bỏ trần cảnh hưởng đến giác ngộ. Chữ này còn dùng để chỉ riêng ba kinh Tịnh Độ giảng về Nhất Thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh của Phật Di Đà. Kinh bậc nhất trong ba kinh đó chính là kinh này. ‘*Suy nghĩ chín chắn*’ tức là

nghe xong phải suy nghĩ. ‘*Giữ vững, chẳng lười*’ là từ tư duy khởi lên tu hành.

‘*Giữ vững*’ là giữ đúng, phụng hành theo đúng lời dạy. Ngài Cảnh Hưng lại bảo: “*Giữ vững*” là *đẹp tà, giữ chánh*. Trọn hết đời này giữ đúng theo lời Phật dạy, chẳng hề biếng nhác nên bảo là *trọn đời chẳng lười*’.

Đối với câu *‘tôn thánh, kính thiện, nhân từ, bác ái*’, ngài Cảnh Hưng giảng: ‘*Chữ “thánh” chỉ chung cả Phật lẫn Tăng. Thiện pháp dù là pháp thế gian hay xuất thế gian cũng đều là của báu vô thượng nên phải kính trọng. Ở đây, “thiện” là Tam Bảo. Nhân ái, từ bi cứu giúp tất cả mọi người nên bảo là “nhân từ, bác ái”, nghĩa là: bác ái giúp đỡ chúng sanh*’.

‘*Nên mong cứu đời*’ là tự độ, độ người, tự giác, giác tha, làm cho khắp hết thấy chúng sanh vĩnh viễn thoát khỏi hư vọng sanh tử.

‘*Nhổ dứt cội gốc sanh tử và các ác*’ là siêng tu Giới, Định, Huệ; dứt bật tham, sân, si. Cội rễ của sự luân hồi sáu đường chính là tham dục. Biền khổ sanh tử chỉ nhờ trí mới vượt nổi. Dùng gươm trí tuệ chặt đứt các phiền não: tham dục, vô minh v.v... chính là *‘nhổ dứt cội rễ sanh tử*’. Có như vậy mới vĩnh viễn lìa khỏi cái khổ tam đồ. Hễ ác đã tận

thì sự thiêu đốt, sự đau khổ cũng hết. Vì thế, kinh nói: *‘Thì sẽ lìa khỏi con đường tam đồ lo sợ, đau khổ’*.

Tiếp đó, Phật khuyên nên đoan chánh thân tâm cho tương ứng với điều thiện. Thế Tôn chỉ thẳng cách làm lành bậc nhất.

‘Làm lành’ có thể hiểu thô thiển là làm việc lành, chứ xét theo Thật Đế thì chính là *‘tâm này làm Phật’*.

Nếu hiểu một cách thô thiển, câu *‘đoan chánh thân, tâm, tai, mắt, miệng, mũi’* nghĩa là thân tâm đoan chánh như là *‘điều phi lễ chẳng phi nhìn, việc phi lễ chẳng nghe’*.

Phân tích ở mức độ sâu hơn thì *‘tai đều tự đoan chánh’* chính là pháp Nhĩ Căn Viên Thông *“xoay trở lại nghe nơi tự tánh”* của Quán Âm đại sĩ. Đại Sĩ chẳng đuổi theo thanh trần mà xoay lại nghe nơi tự tánh; ấy chính là *‘đoan chánh nhĩ căn’*. Cứ thế suy rộng ra thì chẳng rong ruổi theo sắc trần, quay trở lại quan sát tự tánh chính là *‘đoan chánh con mắt’*. Cứ như thế, cả sáu căn chẳng rong ruổi theo sáu trần, chiếu rạng nguồn tâm thì mới gọi là *‘đoan chánh’*, thì mới là bậc nhất.

Tiếp đó, câu kinh: *‘Thân tâm khiết tịnh tương ứng với cái thiện’* cũng có hai nghĩa sâu cạn. Hiểu cạn cợt thì thân tâm ly cấu vô nhiễm, việc làm nơi

thân, lời lẽ nơi miệng, sự suy nghĩ nơi ý đều lành cả. Hiểu sâu hơn thì Thủ Giác Trí khéo hợp khéo léo với Bản Giác Lý mới là *‘tương ứng với cái thiện’*. Nhưng ta phải biết một cách đúng đắn rằng: xét đến rốt ráo điều thiện bậc nhất này chẳng ngoài *‘chẳng làm các điều ác, vắng giữ các điều lành’*.

Trong Tịnh tông, điều thiện bậc nhất chính là pháp môn Niệm Phật của Đại Thế Chí Pháp Vương Tử: *‘Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối’*. Một tiếng Phật hiệu nhiếp trọn sáu căn nên sáu căn đều đốn chánh như Linh Phong đại sư từng bảo: *‘Phật hiệu gieo vào tâm loạn, tâm loạn chẳng thể chẳng thành tâm Phật’*. Tâm đã là Phật thì tự nhiên sáu căn đều là Phật. Bởi thế mới bảo là: *‘Tai, mắt, mũi, miệng thấy đều tự đốn chánh’*. Tự đốn chánh là do một tiếng Phật hiệu khiến cả sáu căn đều tự nhiên đốn chánh, tự nhiên *‘thân tâm khiết tịnh, tương ứng với điều thiện’*. Điều thiện ở đây chính là *‘tâm này là Phật’*.

Cuối phẩm này, Phật lại khuyên răn nên bỏ lòng dục, dứt điều ác, an hòa, chuyên tinh, thành thật. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương quyển 7 giảng chữ *‘dục’* như sau: *‘Nhiễm ái trần cảnh thì gọi là dục’*. *‘Trần’* là năm trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Năm trần này có khả năng phát khởi lòng tham dục của con người nên được gọi là *‘ngũ dục’*. Trí Độ

Luận viết: *‘Ngũ dục còn gọi là ngũ tiền (năm mũi tên) vì chúng phá hoại các thiện sự’*. Vì thế, đức Thế Tôn khuyên răn chúng sanh *‘chớ ham cầu dục vọng’*.

Vả nữa, trong các món dục, dâm dục là độc hại nhất nên Phật buộc người xuất gia chú trọng đoạn dâm. Nếu có thể ly dục thì *‘chẳng phạm các điều ác’*. Đây chính là lời khuyên tha thiết *‘đừng làm các điều ác’*.

Ngôn ngữ hòa nhã chính là Ái Ngữ trong Tứ Nhiếp Pháp; vẻ mặt hòa nhã chính là dùng từ quang chiếu soi người khác.

‘Thân hạnh’ là những việc do tự thân làm. *‘Chuyên’* là chuyên nhất, chuyên chú, chuyên ròng tinh tấn. *‘Nên chuyên’* là nên chuyên ròng tinh tấn hành đạo. Nếu nói theo kinh này thì *‘nên chuyên’* chính là nên một bề chuyên niệm.

‘Cử động’ tức là hành động. *‘Thong thả’* là từ từ, hòa hoãn. Vì thế, câu *‘cử động, ngó nhìn an định, thong thả’* nghĩa là nhất cử nhất động đều phải an tường, điềm tĩnh, thung dung, chẳng hấp tấp. Làm việc bộp chộp ắt sẽ bị thảm bại khiến phải hối hận về sau. Chẳng thận trọng, dè dặt trong việc làm thì bị *‘uổng mất công phu’*. *‘Uổng’* là đánh mất, phí công. Chữ *‘công phu’* chỉ công phu tu trì.

37. Như kẻ nghèo được của báu

Trong phẩm trước, đức Phật nói đến những điều ác khổ để chiết phục chúng sanh, khuyên răn chúng sanh bỏ ác; trong phẩm này, đức Phật nói đến những nhân quả lành để nhiếp thọ chúng sanh, khuyên lon họ tinh tấn đi theo đường lành, dứt bỏ ác hạnh nhằm *‘nhỏ dứt cái khổ sanh tử’, ‘đạt sự vui vô vi’*.

Chánh kinh:

Các ông rộng trồng cội đức, đừng phạm đạo cấm, nhẫn nhục, tinh tấn, từ tâm, chuyên nhất, trai giới thanh tịnh trong một ngày một đêm thì hơn cả làm việc thiện suốt trăm năm nơi cõi Phật Vô Lượng Thọ. Vì có sao vậy?

Cõi nước Phật ấy đều là do đức tích tụ, các sự lành [tụ hợp], không có mấy may điều ác.

Ở cõi [Sa Bà] này, tu thập thiện trong mười ngày mười đêm hơn hẳn làm việc thiện suốt ngàn năm nơi các cõi Phật phương khác. Vì có sao vậy?

Các cõi Phật phương khác phước đức tự nhiên, không có chỗ để tạo ác. Chỉ có thế gian này thiện ít ác nhiều, uống khổ, ăn độc chưa hề yên nghĩ.

Giải:

‘Rộng trông cội đức’: Theo Hội Sớ, chữ *‘cội đức’* có hai nghĩa:

a. Lục độ là gốc của hết thảy công đức nên gọi là cội đức.

b. Tuyên trạch bốn nguyện của Phật Di Đà gộp thành quả đức sáu chữ hồng danh, đầy đủ vạn đức; đây chính là gốc của mọi đức nên gọi là “cội đức”.

‘Trông’ là vun bồi, bồi dưỡng. Ngài Vọng Tây giảng *‘đạo cấm’* là: *‘Vì Phật đạo nên cấm ngăn các ác thì gọi là đạo cấm’*. Bởi thế, *‘chẳng phạm các đạo cấm’* chính là Giới độ trong lục độ. *‘Nhẫn nhục’* là Nhẫn độ. *‘Tinh tấn’* là Tấn độ.

Chữ *‘trai giới’* được ngài Vọng Tây giảng là: *‘Trai giới là Bát [Quan] Trai Giới nên mới bảo là một ngày một đêm v.v...’*

‘Hơn cả làm lành suốt trăm năm nơi cõi Phật Vô Lượng Thọ’ là như trong pháp hội Văn Thù Sư Lợi Thọ Ký trong kinh Bảo Tích có nói: *‘Nếu có chúng sanh ở trong cõi Phật ấy tu các phạm hạnh suốt cả ức trăm ngàn năm vẫn chẳng bằng ở trong thế giới Sa Bà này, chỉ trong khoảng thời gian khảy ngón tay khởi tâm từ bi đối với chúng sanh. Công đức người ấy đạt được còn nhiều hơn thế nữa.’*

Hướng hồ là trong một ngày một đêm trụ trong tâm thanh tịnh’.

Kinh Tư Ích cũng dạy: *‘Như người ở cõi tịnh trì giới suốt một kiếp; người ở cõi này thực hành lòng từ trong khoảng khắc vẫn là tối thắng’.*

Kinh còn dạy: *‘Ta thấy trong những cõi Hy Lạc và cõi An Lạc không có khổ não, cũng không có danh từ khổ não. Trong những cõi ấy mà làm các công đức thì chẳng đáng kể là lạ. Ở chốn phiền não này mà nhận được sự chẳng thể nhận, lại còn dạy người khác pháp này thì phước ấy mới là tối thắng’.*

Kinh Thiện Sanh cũng nói: *‘Lúc Phật Di Lạc xuất thế, thọ giới suốt trăm năm cũng chẳng bằng [thọ giới] một ngày một đêm trong cõi ta. Vì sao vậy? Trong thời của ta, chúng sanh có đủ cả năm thứ như bên. Nay thiện nam tử! Bát Trai Giới đây chính là con đường dẫn tới trang nghiêm vô thượng Bồ Đề’.*

Tôi dẫn nhiều kinh như trên nhằm chứng minh rằng trong cõi này, ngay trong khoảng *‘uống khổ, ăn độc, chưa từng yên nghỉ’* này mà hành nhân lại có thể trai giới thanh tịnh, nhẫn nhục, tinh tấn thì công đức của người ấy vượt xa những người khác trong các cõi Phật phương khác. Trong cõi

này, tu hành dù ‘*một ngày một đêm hơn cả làm lành suốt trăm năm trong cõi Phật Vô Lượng Thọ*’, ‘*trong mười ngày mười đêm hơn hẳn làm việc thiện suốt ngàn năm nơi các cõi Phật phương khác*’. Ngài Vọng Tây bảo ‘*uống khổ, ăn độc*’ là ‘*uống nước bát khổ, lại ăn ba độc vị*’.

Trong tác phẩm Vô Lượng Thọ Kinh Sao, ngài Vọng Tây viết:

‘Hỏi: Nếu tu hành tại uế độ là thù thắng thì cứ tu trong cõi này, sao lại nguyện sanh Tịnh Độ?’

Đáp: Như sách Yếu Tập viết: “Kinh này chỉ nói về sự tu hành khó hay dễ, chứ chẳng giảng về thiện căn là thù thắng hay hèn kém. Ví như kẻ nghèo hèn thi được một tiền tuy đáng khen là hay, nhưng chẳng bao biện được các việc. Kẻ phú quý bỏ ra ngàn vàng tuy chẳng đáng gọi là hay, nhưng lại có thể hoàn tất muôn sự. Việc tu hành trong hai cõi cũng giống như thế”. Nếu muốn mau chóng hoàn thành các việc thành Phật, lợi sanh thì phải chuyên cầu Tịnh Độ, lẽ nào lưu luyến uế độ, chẳng thành tựu nói Phật đạo’.

Lại nữa, theo ngài Cảnh Hưng, ở cõi này tu trong một ngày đêm hơn hẳn làm lành cả trăm năm nơi Tây phương là vì ‘*ở đây tu khó thành*’. Ý nói: Trong cõi này, tấn tu rất khó; do khó làm nổi nên coi là quý. Còn như ở cõi kia thì chóng đắc Vô

Thượng Bồ Đề do *‘trong cõi kia, không lúc nào chẳng tu; còn cõi này lúc tu thiện lại ít nên [nói như vậy] chẳng mâu thuẫn nhau’*. Xét ra, thuyết của ngài Cảnh Hưng càng thù thắng hơn nữa.

Chánh kinh:

Ta thương xót các ông, khổ tâm khuyên dụ, trao cho kinh pháp, [các ông] đều phải thọ trì, suy nghĩ lấy, đều phải phụng hành. Tôn ty, nam nữ, quyến thuộc, bằng hữu lần lượt dạy bảo nhau. Tự phải ước kiểm nhau, hòa thuận nghĩa lý, hoan lạc, từ hiếu. Nếu trót phạm lỗi liền tự hối lỗi, bỏ ác, hướng về điều lành. Sáng nghe, chiều đổi, phụng trì kinh giới như kẻ nghèo được của báu. Sửa đổi quá khứ, tu hành tương lai, rửa lòng, đổi hạnh; tự nhiên cảm giáng, sở nguyện ắt được.

Giải:

Thế Tôn mấy lượt khuyên lơn, chỉ mong đại chúng phụng trì kinh giới nên trong đoạn này trước hết Phật bảo: *‘Trao cho kinh pháp’*, khuyên bảo chúng sanh thọ trì, tư duy, phụng hành đúng pháp. Sau đây, Phật lại khuyên *‘phụng trì kinh giới như kẻ nghèo được của báu’*.

Sách Hội Sớ giảng câu *‘ta thương xót các ông khổ tâm khuyên dụ’* như sau: “*Ta thương*” là Như

Lai đại từ, “các ông” là căn cơ được đức Phật rú lòng thương. Năm thời giáo hóa, dạy cho bán giáo, mãn giáo nên bảo là “khổ tâm khuyến dụ”.

Ý nói: Như Lai đại từ thương xót các căn cơ, rất miệng xót lòng khai thị, dạy dỗ. Năm thời thuyết pháp nhằm thích ứng các căn cơ. Giáo pháp có bán (bán tự giáo) hay mãn (mãn tự giáo) nhưng đều là tùy duyên độ thoát nên mới bảo là ‘khổ tâm khuyến dụ, trao cho kinh pháp’.

Phật lại dạy rằng: Đối với những kinh pháp đã được nghe như thế, đều phải nên ‘thọ trì, suy nghĩ’, ‘phụng hành’, ‘lần lượt dạy nhau’. ‘Phụng’ là tin kính, ‘hành’ là tu hành. Đó là tự lợi. Đối với các thân hữu liền ‘lần lượt dạy nhau’ chính là lợi tha. ‘Nếu chẳng thuyết pháp độ sanh thì chẳng báo nỗi Phật ân’.

Tiếp đó, Phật lại khuyên ‘tự ước kiểm lẫn nhau, hòa thuận nghĩa lý, hoan lạc, từ hiếu’. ‘Ước kiểm’ cũng giống như ước liễm, tức là ‘nên tự đoan chánh cái tâm, nên tự đoan chánh cái thân’. ‘Hòa thuận nghĩa lý’ nghĩa là lời lẽ cùng cử chỉ đều vừa hòa theo nghĩa, vừa thuận với lý. Hòa theo nghĩa thì cử chỉ thích đáng. Thuận theo lý thì tự nhiên được đúng chừng mực.

‘Hoan’ là hoan hỷ; phần lớn cuối các kinh có câu ‘đều đại hoan hỷ’. ‘Lạc’ là an lạc. Thế gian

thường bảo *‘thượng từ hạ hiếu’*, kinh cũng nói: *‘Ta thương xót các ông còn hơn cả cha mẹ nghĩ đến con’*; đây là đại từ. Chúng sanh trong sáu đường đều là cha mẹ ta, thế nguyện cứu độ thì là đại hiếu. Do đại bi nên khiến cho khắp tất cả được thoát khổ. Do đại từ nên khiến tất cả được hưởng vui. Ấy chính là đại hạnh của Bồ Tát, mà cũng chính là ý nghĩa thật sự của *‘hoan lạc, từ hiếu’*.

Thêm nữa, muốn *‘dạy bảo lẫn nhau’* thì trước hết phải dùng tứ nhiếp để lôi cuốn chúng sanh (tứ nhiếp là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự) cho nên *‘hoan lạc từ hiếu’* cũng chính là Tứ Nhiếp Pháp.

Từ câu *‘hễ trót phạm lỗi’* cho đến *‘rửa lòng, đổi hạnh’* đều khuyên phụng trì kinh giới. Phẩm này mang tên *‘Như kẻ nghèo được của báu’* nên câu *‘phụng trì kinh giới như kẻ nghèo được của báu’* chính là câu cốt lõi của phẩm này. Đức Thế Tôn tâm Từ đến tột bậc nên ban lời dạy như thế. Kẻ nghèo được của báu ắt diệt ngay các khổ, bởi đó hoan hỷ, vô ưu. Ở đây, Phật dùng của báu để ví diệu dụng của kinh giới.

Hơn nữa, kẻ nghèo một khi có được của báu thì dốc trọn tánh mạng, tận lực gìn giữ, chẳng để mất đi. Ở đây, Phật khuyên hành nhân được lãnh thọ kinh giới thì phải tự khéo vâng giữ như bảo vệ

đầu, mắt. Nếu lỡ khuyết phạm thì phải mau sám hối.

‘Bỏ ác, hướng về điều lành... Sửa đổi quá khứ, tu hành tương lai’ là bỏ những ác hạnh sai trái trong quá khứ, tu thiện nghiệp đúng đắn trong hiện tại. *‘Sáng nghe chiều đổi’* là thuận theo việc thiện, biết lỗi liền sửa đổi. *‘Rửa lòng’* chính là rửa sạch cấu nhơ trong tâm. *‘Đổi hạnh’* (nguyên văn “dịch hạnh”): Dịch là biến dịch (thay đổi), nghĩa là dứt ác hướng thiện, bỏ tà theo chánh, hồi Tiểu hướng Đại, bỏ cái hư ngụy, giữ lấy cái chơn thật. Được như thế thì *‘tự nhiên cảm giác, sở nguyện liền được’*, nghĩa là: tự nhiên cảm ứng, Phật lực ngầm gia hộ, có nguyện cầu chi đều được viên mãn.

Chánh kinh:

Phật đi đến đâu thì mọi người trong các quốc gia, thôn ấp, phường xóm, tụ lạc, không ai chẳng được ngài giáo hóa. Thiên hạ hòa thuận, mặt trời, mặt trăng sáng tỏ, mưa gió đúng thời, tai ương, tật dịch chẳng khởi, nước giàu dân yên, vũ khí [trở thành] vô dụng. Sùng đức, hưng nhân, chăm tu lễ nhượng. Nước không đạo tặc, chẳng có oan uổng, mạnh chẳng hiếp yếu, ai nấy đều được vừa lòng.

Giải:

Đoạn kinh này nói lên từ đức vô lượng của Phật.

Câu *‘Phật đi đến đâu’* chỉ những chỗ Phật đã từng đi đến, mà cũng có nghĩa là những nơi được Phật pháp lưu truyền đến.

‘Quốc’ là quốc gia, *‘ấp’* là làng mạc. *‘Phường xóm’*, nguyên văn là *‘khâu’*. Chữ *‘khâu’* có hai nghĩa: Sách Hội Sớ bảo là núi gò; sách Chu Lễ bảo: *‘Bốn ấp là một khâu’*. Như vậy, *‘khâu’* có nghĩa là nơi dân chúng tụ lại sanh sống. *‘Tụ lạc’* có nghĩa là thôn xóm. Ngài Vọng

Tây bảo: *‘Làng nhỏ gọi là tu’*.

‘Quốc gia, thôn ấp, xóm phường, tu lạc’, bất cứ nơi nào Phật đã đặt chân đến thì không ai là chẳng được nhận lãnh sự giáo hóa của Phật nên bảo là *‘không ai chẳng được ngài giáo hóa’*.

Được nhận lãnh sự giáo hóa của Phật tất nhiên sẽ cảm ứng được những điều tốt lành. Bởi thế, *‘thiên hạ hòa thuận’* cho đến *‘ai nấy đều được vừa lòng’*. *‘Thiên hạ hòa thuận’* là thế giới hòa bình, mọi xứ hòa hiếu với nhau.

‘Mặt trời, mặt trăng sáng tỏ, mưa gió đúng thời’ là mưa hòa gió thuận, không có các thiên tai: hạn hán, lũ lụt, gió bão, mưa đá...

‘Tai ương, tật dịch chẳng khởi’: Tai là tai họa, *‘dịch’* là dịch lệ (bệnh dịch) nghĩa là không những không có các tai vạ: núi lở, động đất, biển trào, đất chìm... các nạn: nước, lửa, đao binh, mà cũng chẳng có các thứ ôn dịch lưu hành.

‘Nước giàu dân yên’ là quốc gia sung túc, sản xuất dồi dào, nhân dân an lạc.

‘Vũ khí trở thành vô dụng’ (nguyên văn *“binh qua vô dụng”*): “Binh” là đao binh, tức là những khí giới có mũi nhọn chế bằng kim loại; *‘qua’* là các loại kích có mũi bằng. Chữ *‘binh qua’* thường được dùng để chỉ chiến tranh. *‘Binh qua vô dụng’* nghĩa là: trong nước không có giặc cướp, phản

ngịch; ngoài không bị nước khác xâm lấn nên có thể dẹp võ dụng văn, xếp vũ khí không dùng đến nữa.

‘*Sùng đức hưng nhân*’: Tôn sùng đạo đức gọi là ‘*sùng đức*’; phát triển chánh sách nhân từ thì gọi là ‘*hưng nhân*’.

Sách Hội Sớ giảng chữ ‘*chăm tu lễ nhượng*’ là: ‘*Tôn ty có trật tự là Lễ, nhường nhịn người là Nhượng*’. ‘*Nhượng*’ còn nghĩa là nhường bước, đưa cái tốt lành cho người, chẳng giành lấy về mình.

‘*Nước không có đạo tặc*’ là nhân dân đều tuân theo lễ phải, vâng giữ pháp luật nên chẳng có trộm cướp.

‘*Chẳng có oan uổng*’ vì kẻ nắm giữ chức vị thì liêm minh công chánh, xét kỹ từng chi tiết nên chẳng phán án lầm.

‘*Mạnh chẳng hiệp yếu, ai nấy đều được vừa lòng*’: ý mạnh hiệp yếu chính là nguồn cội của mọi tai vạ trong thế gian. Nước hùng mạnh cậy vào quân lực hiệp đáp nước nhược tiểu, kẻ giàu cậy vào tiền của để bóc lột người nghèo, kẻ nắm giữ quyền bính thường dựa quyền thế để rúc rĩa nhân dân; còn không thì kẻ mạnh lại kết thành giặc cướp bức hại người lương thiện. Cậy đông hiệp đáp kẻ cô thế, cậy thế khinh người, rúc rĩa máu xương người khác

đề cốt âm thân, tàn nước hại dân, không còn gì tệ hơn thế nữa. Bởi thế nguyện ‘*manh chẳng hiếp yếu*’, ai nấy ‘*đều được vừa lòng*’. Đây, kia đều an, kẻ có người không chia sẻ cho nhau, chung sống hòa bình, nguyện thế giới đạt đến đại đồng.

Phật đi đến đâu, chỗ đó đều được hưởng những lợi ích như thế, đủ thấy từ lực của Phật khó suy nghĩ, khó bàn luận nổi!

Chánh kinh:

Ta thương xót các ông còn hơn cha mẹ nghĩ đến con. Ta trong đời này làm Phật, dùng cái thiện công kích cái ác, dẹp tan cái khổ sanh tử, khiến cho [các ông] đạt được năm đức, đạt cái vui vô vi.

[Sau khi] ta bát Nê Hoàn, kinh đạo dần dần diệt mất, nhân dân siểm ngụy lại làm các điều ác. Năm sự đốt, năm sự khổ càng về sau càng nặng thêm lên. Các ông phải lần lượt dạy lẫn nhau [tu hành] đúng theo kinh pháp của Phật, trọn chẳng được phạm.

Giải:

Trong đoạn này, do vì Phật pháp sẽ dần dần diệt mất, ngũ thiêu, ngũ thống sẽ chuyển thành dữ dội hơn nên Phật lại răn dạy chúng sanh bỏ ác tu thiện, phụng tri kinh pháp.

Câu *‘còn hơn cha mẹ nghĩ đến con’* được sách Hội Sớ giảng như sau: *‘Cha mẹ chỉ hạn cuộc trong một đời, còn Phật thì vô lượng kiếp. Cha mẹ chẳng bình đẳng, Phật thường bình đẳng. Cha mẹ chán ghét đứa con bất hiếu, Phật thương xót kẻ ác nghịch. Cha mẹ nuôi dưỡng sắc thân, Phật trưởng dưỡng nội tâm. Vì thế, bảo là “còn hơn”.*

Ý nói: Phật dùng lòng đại từ bình đẳng trong vô lượng kiếp nuôi dưỡng huệ mạng của chúng ta, vượt xa khả năng của cha mẹ nên bảo là *‘còn hơn cha mẹ’*.

Chữ *‘đời này’* chỉ đời ác ngũ trược. *‘Dùng cái thiện công kích cái ác’*: Phật thuyết pháp lành giáo hóa chúng sanh, hàng phục những lỗi ác của họ để tiêu trừ năm điều đau đớn, để diệt năm sự đốt. Chữ *‘ác’* chỉ năm sự ác.

‘Năm đức’ chính là sự thiện. Làm cho hành năm điều thiện, bỏ năm điều ác, quay lưng với trần cảnh để trở về với giác ngộ, nhổ tận gốc cội khổ sanh tử của hữu tình để được sự thường lạc vô vi.

‘Bát Nê Hoàn’ nghĩa là “bát Niết Bàn”, dịch nghĩa là “nhập diệt”, “viên tịch”. Chánh pháp của Phật Thích Ca tồn tại năm trăm năm, Tượng pháp một ngàn năm, Mạt pháp một vạn năm. Khi cả ba thời gian này đã qua thì gọi *‘kinh pháp diệt hết’*

như trong kinh Pháp Diệt Tận có nói kinh Thủ Lăng Nghiêm diệt mất trước tiên, các kinh khác cũng dần dần diệt mất. Vào lúc đó, ‘*nhân dân siểm ngụy*’. Siểm là dua vạ, ‘*ngụy*’ là dối trá, lòng người dâm tà, giáo quyết, dối trá nên ‘*lại làm các điều ác*’. Bởi vậy, sự đau đớn, sự thiêu đốt lại hùng hỷ nên bảo là ‘*càng về sau càng nặng thêm lên*’. Nghĩa là: từ Chánh pháp, Tượng pháp chuyển sang Mật pháp, sự thiêu đốt và sự đau đớn càng thêm thảm khốc, càng lớn lao, càng dữ dội hơn. Vì thế Phật dạy ngài Di Lặc cùng hết thầy hội chúng phải nên ‘*lần lượt dạy nhau*’ tin nhận, phụng hành kinh pháp của Phật chẳng được sai phạm.

Chánh kinh:

Di Lặc Bồ Tát chấp tay bạch Phật: ‘Thế nhân ác khổ đúng là như vậy, đúng là như vậy. Phật đều thương xót họ, độ thoát tất cả. Con vâng lãnh lời răn dạy ân cần của Phật, chẳng dám sai sót’.

Giải:

Di Lặc đại sĩ kính cẩn nhận lãnh lời răn dạy của Phật nên chấp tay kính tạ, khen ngợi Như Lai. Người đời ác khổ thật sâu như thế. Đức Phật lòng từ bi vô lượng, đối với những kẻ hung ác cùng cực như thế dùng lòng đại từ bình đẳng ‘*đều độ thoát*’ cho. Di Lặc đại sĩ chính là đương cơ trong hàng Bồ

Tát của kinh này nên ngài hiểu được chỗ bí yếu của bản kinh, liền nói: ‘*Đều độ thoát cho*’.

Phẩm Quyết Chứng Cực Quả của kinh này có câu: ‘*Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân hoặc là đã sanh về, hoặc là sẽ sanh về thì đều sẽ trụ trong chánh định tụ, quyết định chứng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề*’. Nghĩa là: Người hiện tại phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm thì tương lai sanh về Tây phương, nhưng ngay trong lúc này đã thuộc vào chánh định tụ.

Kinh A Di Đà cũng dạy: ‘*Nếu có kẻ đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sanh về cõi Phật A Di Đà thì những người ấy đều được bất thoái chuyển nơi A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề*’ nghĩa là: người hiện đang phát nguyện vãng sanh đều đã bất thoái chuyển nơi vô thượng Bồ Đề. Bởi thế, ngài Di Lặc mới thưa là ‘*đều độ thoát cho*’.

Sách Di Đà Yếu Giải viết: ‘*Chẳng luận là chí tâm, tán tâm, hữu tâm, vô tâm, hiểu hay chẳng hiểu, chỉ cần danh hiệu của Phật, danh hiệu của sáu phương Phật và tên kinh này một phen thoáng qua tai thì dẫn cho ngàn vạn kiếp sau, rốt ráo do đây mà được độ thoát. Giống như nghe tiếng cái trống có bơi thuốc độc thì xa hay gần đều chết cả*’.

Ăn chút kim cương quyết định chẳng tiêu vậy'. Đây cũng chính là ý chỉ 'đều độ thoát cho'.

Sau cùng, Di Lặc đại sĩ lại bạch: *'Vâng lãnh lời dạy ân cần của Phật, chẳng dám sai sót'*. Ngài đã đại diện cho hết thầy hàm linh trong hiện tại, tương lai mà thưa lời ấy. Vì thế chúng ta ngày nay đều phải như lời Đại Sĩ đã bạch: *'Chẳng dám sai sót'*.

Ông Bành Tế Thanh có nói: *'Tịnh Độ là cõi chí thiện. Cầu sanh Tịnh Độ là công phu chí thiện. Chẳng thâm nhập pháp môn Tịnh Độ thì chẳng viên mãn nổi điều thiện, chẳng thể diệt sạch điều ác'*. Vì vậy, chúng ta đều phải tuân lời Phật răn dạy, tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ.

38. Lễ Phật hiện quang

Phẩm này nói rõ từ ân vô cực của bậc đạo sư hai cõi, gia bị hết thầy chúng hội khiến cho khắp tất cả được tận mắt thấy y báo và chánh báo trang nghiêm của cõi Cực Lạc.

Gia Tường Sơ viết: *'Hiện cõi nước khiến người ưa thích, hâm mộ. Tuy trước đó đã nghe giảng về cõi nước màu nhiệm, nhưng chưa được chính mắt thấy. Bởi thế, ở đây Phật hiện cõi nước để tất cả đều hâm mộ mà tu hành'*.

Ngài Nghĩa Tịch cũng bảo: *‘Từ đầu tới đây đã giảng về nhân quả, thân và cõi nước của Phật A Di Đà, chúng hội đều được nghe, trí huệ thù thắng đã phát sanh, nhưng chưa tin hiểu hết: kẻ hạ căn trí huệ kém cõi vẫn chưa quyết định. Hơn nữa, tai nghe chẳng bằng mắt thấy.*

Vì thế, tiếp đó A Di Đà Phật lại ban thêm sức oai thần để đại chúng đây đều được thấy tận mắt những chuyện trong cõi ấy xong ắt sẽ tin tưởng rằng những điều đã nghe quyết định chẳng phải là hư vọng. Lại muốn cho họ biết cõi ấy là Tịnh Độ trang nghiêm, ai nấy đều siêng tu hạnh nghiệp vãng sanh’.

Thêm nữa, chúng hội đương thời được thấy tận mắt thì chẳng phải riêng người được thấy khi ấy được lợi lạc mà còn để chứng tín cho kẻ được nghe pháp trong đời sau biết chắc thế giới Cực Lạc đích xác thật có, chứ phải đâu là cõi Ô Thác Bang (Utopia) hay là chuyện ngụ ngôn của Trang Sinh. Do tin nên khởi hạnh, dùng nguyện để hướng dẫn hạnh, chí tâm tin ưa cầu sanh Cực Lạc, ắt đều được độ thoát. Đây mới là bản hoài của bậc đạo sư hai cõi.

Chánh kinh:

Phật bảo A Nan:

- Các ông muốn thấy Phật Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác và các Bồ Tát, A La Hán v.v... đang ngự trong cõi ấy thì nên đứng dậy hướng về Tây là phía mặt trời lặn, cung kính đánh lễ, xưng niệm ‘Nam mô A Di Đà Phật’.

Giải:

Bản Hán dịch ghi danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, hoặc gọi tắt là Vô Lượng Thanh Tịnh Giác.

Hướng về Tây vì đức Phật ‘*nhằm đáp ứng cái nguyện độ sanh nên hiện đang ở Tây phương*’. Pháp môn Tịnh Độ chỉ phương lập hướng khiến chúng sanh chuyên nhất. Đức Phật ấy hiện đang ở Tây phương nên đại chúng hướng về Tây.

‘*Xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật*’ là muốn thấy Phật thì phải niệm Phật. Đức Phật mình thấy ấy chính là nhất niệm tâm tánh của người niệm: tâm này là Phật, tâm này làm Phật. Lại do các đức Như Lai của hai cõi gia bị nên cảm ứng đạo giao, ngay trong khi niệm ấy liền được thấy.

Chánh kinh:

A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, mặt hướng về Tây, chấp tay, đánh lễ bạch rằng:

- Con nay nguyện thấy Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật để cúng dường, phụng sự, trồng các thiện căn.

Trong khi ngài đánh lễ chợt thấy A Di Đà Phật dung nhan quảng đại, sắc tướng đoan nghiêm như tòa núi vàng ròng, cao vượt khỏi hết thấy các thế giới. Lại nghe chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới xưng dương, tán thán công đức của Phật A Di Đà một cách vô ngại, vô gián.

Giải:

A Nan nghe lời dạy thì ngay khi đó ba nghiệp thanh tịnh, xưng danh hiệu Phật, đánh lễ phát nguyện.

Chữ ‘*chợt thấy*’ biểu thị sự cảm ứng thần tốc. Đánh lễ chưa xong mắt đã thấy đáng giáo chủ cõi Cực Lạc và nghe các đức Như Lai khắp cả mười phương khen ngợi Phật Di Đà.

Sách Hội Sớ viết: ‘*Đó là vì cõi nước không có tướng nhất định, tịnh hay uế là do tâm. Ví như chư thiên cùng dùng bát bằng chất báu để ăn như nhau, nhưng tùy theo phước đức mỗi vị mà sắc cơm sai khác. Bởi vậy, nếu nghiệp cấu che lấp cái tâm thì kim dung cũng như tro bán. Ngón chân nhấn xuống đất thì sỏi, sạn biến thành bảo ngọc; thân và cõi*

cũng giống như vậy thôi! Bởi đó, biết là Tây phương chẳng xa, nhưng do tâm mê nên liền thành xa cách. Nếu có thể nhất niệm quy chơn thì vãng sanh thấy được cõi nước, còn cách trở là niệm hay thời nữa ư?’

Lời sơ thật đã giảng tường tận ý chỉ ‘*tâm tịnh, cõi nước tịnh*’. Kinh Tịnh Danh nói: Phật dùng ngón chân nhấn xuống đất, cõi này biến ngay thành cõi tịnh. Kinh Thủ Lăng Nghiêm cũng chép: ‘*Ngón chân của ta nhấn xuống đất thì hải ấn phát quang*’. Quang minh phát ra ấy nào phải vì ngón chân!

A Nan thấy Phật chỉ là vì ngài đã trở về cái chơn thật trong một niệm. Lúc niệm Phật thì tâm này niệm Phật; lúc thấy Phật thì tâm này thấy Phật, chỉ là nhất tâm! Tâm ta, tâm Phật không hề cách trở đầu chùng mây may. Bởi đó, sách Hội Sớ mới viết: ‘*Còn cách trở là niệm hay thời nữa ư?*’

Chỉ là nhất tâm, không quá khứ, hiện tại, vị lai. Do đó, A Nan niệm Phật, liền Phật liền thấy Phật A Di Đà. Cũng bởi đó nếu lúc lâm chung mà hành giả có thể quy chơn trong một niệm thì cũng ắt sẽ ngay lúc đó thấy Phật, được Phật tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc. Vì thế mới nói: ‘*Lúc niệm Phật chính là lúc thấy Phật*’, nào còn có sự ngăn cách với những niệm khác hay thời gian nữa đâu!

‘*Nhan*’ là diện mạo, ‘*quảng đại*’ là như Quán kinh nói Vô Lượng Thọ Phật ‘*thân cao sáu mươi vạn ức hằng hà sa do tuần. Tướng lông trắng giữa chặn mày uyển chuyển xoay về bên phải như năm hòn núi Tu Di. Mắt Phật như bốn biển lớn*’.

‘*Sắc tướng đoan nghiêm*’ là tướng hảo trang nghiêm. Quán kinh nói: ‘*Vô Lượng Thọ Phật có tám vạn bốn ngàn tướng; trong mỗi một tướng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo; trong mỗi tùy hình hảo lại có tám vạn bốn ngàn quang minh*’.

‘*Tòa núi vàng ròng*’ là như Quán kinh nói: ‘*Sắc thân Vô Lượng Thọ Phật như trăm ngàn vạn ức vàng Diêm Phù Đàn của cõi trời Dạ Ma*’. Lại có nghĩa là thân Phật vôi vôi như núi nên bảo là ‘*như tòa núi vàng ròng*’.

Tuy A Nan và những người có cùng quả vị như ngài hay thấp hơn chẳng thể thấy trọn hết báo thân trang nghiêm như thế, nhưng do vì đấng Như Lai của hai cõi dùng phương tiện thù thắng oai thần gia bị, nên ai nấy tùy theo căn khí của mình đều được thấy cả. Bởi đó, A Nan liền thấy được Phật ‘*như tòa núi vàng ròng, cao vượt khỏi hết thấy thế giới*’.

‘*Vô ngại, vô gián*’: mười phương Như Lai dùng tứ biện tài nhiệm màu để diễn nói nên bảo là

‘*vô ngại*’. Ca ngợi như thế đến tột cùng đời vị lai chẳng hề gián đoạn nên bảo là ‘*vô gián*’.

Chánh kinh:

A Nan bạch rằng: ‘Cõi tịnh của đức Phật ấy thật là chưa từng có. Con cũng nguyện thích sanh về cõi ấy’.

Đức Thế Tôn bảo: ‘Người sanh trong cõi ấy đã từng thân cận vô lượng chư Phật, trông các cõi lành. Ông muốn sanh trong cõi đó thì phải nhất tâm quy y, chiêm ngưỡng’.

Giải:

A Nan đích thân thấy Phật Di Đà như tòa núi vàng, đức tướng đoan nghiêm và các thứ thanh tịnh trang nghiêm nơi cõi ấy đều là những điều xưa nay mình chưa từng thấy nên thưa là: ‘*Thật là chưa từng có*’. Lại nghe mười phương Phật khen ngợi liên sanh tâm hy hữu, phát khởi đại nguyện, nguyện sanh Cực Lạc. Điểm này chứng tỏ rõ ngài A Nan đúng là đương cơ; ngài đã khế hội thánh tâm nên phát nguyện cầu sanh, bạch rằng: ‘*Con cũng nguyện thích sanh về cõi ấy*’.

Thế Tôn đáp: Những người được vãng sanh đều đã từng ở nơi vô lượng chư Phật thân cận cúng dường, phụng sự, học tập, rộng gieo cõi đức đúng như kinh A Di Đà nói: ‘*Chẳng thể dùng chút thiện căn phước đức nhân duyên để được sanh về cõi*

ấy'. Ở đây, kinh chép: *'Ông muốn sanh về cõi ấy thì phải nhất tâm, quy y, chiêm ngưỡng'*. *'Chiêm'* là ngửa trông, *'ngưỡng'* là ngưỡng mộ.

Câu *'quy y, chiêm ngưỡng'* bao gồm các nghĩa: lễ Phật, quán Phật, niệm Phật, tưởng nhớ đức Phật, mà cũng chính là Ngũ Niệm Môn như Bồ Tát Thiên Thân đã đề xướng. Ngũ Niệm Môn là: một là lễ bái, hai là tán thán (xưng danh), ba là phát nguyện, bốn là quán sát, năm là hồi hướng. Nói tóm lại, **nhất tâm xưng niệm sáu chữ hồng danh thì đã gồm trọn cả Ngũ Niệm Môn.**

Nhất tâm là tâm thanh tịnh. Lại như bản kinh A Di Đà khắc trên đá ở thành Tương Dương có câu: *'Do xưng danh nên các tội tiêu diệt; đấy chính là nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên'*. Vì thế, A Nan nhất tâm quy y, chiêm ngưỡng thì chính là nhiều thiện căn phước đức nhân duyên, cũng giống như người được vãng sanh là do đã từng thân cận vô lượng chư Phật, trông các cõi đức nên mới được thỏa nguyện vãng sanh.

Chánh kinh:

Lúc nói lời ấy, A Di Đà Phật liền từ bàn tay phóng ra vô lượng quang chiếu khắp hết cả các thế giới Phật. Khi ấy, các cõi Phật đều hiện rõ như đèn ở trong vòng một tâm.

Do quang minh thù thắng của A Di Đà Phật tột bậc thanh tịnh nên tất cả Hắc sơn, Tuyết Sơn, Kim Cang, Thiết Vy, các hòn núi lớn nhỏ, sông ngòi, rừng rậm, cung điện của trời người, hết thấy cảnh giới trong các thế giới ấy không đâu chẳng soi thấy. Ví như mặt trời mọc lên chiếu sáng ngời thế gian. Cho đến Nê Lê, khe, hang, chốn tối tăm thấy đều sáng bừng, đều cùng một màu như là kiếp thủy ngập tràn khắp thế giới, vạn vật trong ấy đều chìm lấp chẳng hiện; mênh mông, bát ngát chỉ thấy toàn là nước. Quang minh của đức Phật ấy cũng giống như thế. Hết thấy quang minh của Thanh Văn, Bồ Tát thấy đều bị ẩn lấp, chỉ có quang minh của Phật là sáng ngời, rực rỡ.

Giải:

Đấng Đạo Sư của cõi thế gian này vừa dứt lời thì đức Như Lai cõi kia liền từ lòng bàn tay phóng ra quang minh; điều này chứng tỏ: Thích Tôn khuyên vãng sanh, Phật Di Đà tiếp dẫn. Hai đức Phật trong hai cõi đồng tâm, đồng đức.

Phật quang phổ chiếu hết thấy cõi Phật biểu thị Phật Di Đà tiếp độ cho hết thấy phạm thánh đều vãng sanh. Do Phật quang gia trì, đại chúng trong hội đều được thấy mười phương cõi Phật như trong khoảng một tầm (một tầm là tám thước).

Quang minh của Phật Di Đà tôn quý nhất trong các quang minh nên bảo là *‘thù thắng’*. Sở dĩ quang minh thù thắng vì nó *‘tốt bậc thanh tịnh’*. Bởi thế, hết thấy núi sông, cảnh vật trong những thế giới ấy: Chẳng hạn như Hắc Sơn (còn gọi là Hắc lãnh. Đây là tên của một ngọn núi được ghi trong Tây Vực Ký và Từ Ân Truyện), Tuyết Sơn (tiếng Phạn là Hymalaya, tức là Hỷ Mã Lạp Nhã sơn, đánh núi quanh năm tuyết đọng nên gọi là Tuyết Sơn); Kim Cang, Thiết Vy (đều là tên núi, xin xem lời giải thích trong phẩm mười một); hết thấy những thứ như thế *‘không đâu chẳng soi thấy’*.

Tiếp đó, kinh nêu lên thí dụ: Mặt trời mọc thì tối tăm tiêu mất, chẳng luận là hang hốc hay *‘chón tối tăm’* (chỉ chón hang sâu cực tối tăm) và *‘cho đến Nê Lê’* (Nê Lê là địa ngục) đều được sáng bùng, hiện rõ nên bảo là *‘thấy đều sáng bùng’*. Hết thấy mọi vật *‘đều đồng một sắc’*. Theo Quán kinh, *‘một sắc’* chính là màu vàng ròng. Trong phép quán thứ bảy của Quán kinh có chép: *‘Vô Lượng Thọ Phật đứng trên không trung. Hai vị đại sĩ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đứng hầu hai bên. Quang minh rực rỡ chẳng thể thấy trọn. Sắc của trăm ngàn khối vàng Diêm Phù Đà chẳng thể sánh bằng’*.

Trong pháp quán thứ tám cũng có nói: *‘Trạng Phật và Bồ Tát đều phóng quang minh. Quang minh ấy sắc vàng’*. Pháp quán thứ mười lăm lại nói: *‘Thấy A Di Đà Phật và các quyến thuộc phóng quang minh sắc vàng’*.

Lại như kinh Thất Phật Thần Chú đã dạy: *‘Trong ấy, hết thảy vạn vật đều thành sắc vàng’*. Lại như kinh Pháp Hoa thuật: lúc Phật phóng quang hiện điềm lành *‘chiếu một vạn tám ngàn cõi nơi phương Đông [khiến chúng] đều như sắc vàng’*.

Hiểu ở một mức cao hơn, ‘nhất sắc’ ngụ ý: vạn pháp nhất như; trong diệu trí quang của Phật đều hiển hiện bản thể thanh tịnh, tướng sai biệt biến mất, chỉ còn tướng chơn thật hiển lộ. Bởi thế *‘đều đồng một sắc’*.

Tiếp đó, kinh lại dùng kiếp thủy làm thí dụ. *‘Kiếp thủy’* là một trong tam tai; tức là đại thủy tai lúc kiếp hoại. Nước từ dưới thủy luân ở dưới mặt đất phun vọt lên, mưa tuôn xuống mỗi giọt to như bánh xe. Từ trời Đệ Nhị Thiên trở xuống đều bị nước ngập phá hủy hết. Chữ *‘mênh mông’* diễn tả nước lớn không còn biết đâu là bến bờ. Chữ *‘bát ngát’* hình dung nước lớn bao la. Bản Đường dịch ghi là: *‘Ví như đại địa, trận hồng thủy ngập tràn, cây cối, núi sông đều bị vùi lấp chẳng hiện, chỉ toàn là nước lớn’*. Nước lớn ví cho Phật quang, cây

côi ví với ‘*quang minh của hết thầy Thanh Văn, Bồ Tát*’. Cũng như ánh sáng của các vì sao khi mặt trời mọc lên, các ánh sao chẳng hiện nên bảo là ‘*thầy đều ẩn lấp; chỉ thấy Phật quang sáng ngời, rực rỡ*’.

Chánh kinh:

Bốn chúng trong hội này, tám bộ trời, rồng, nhân, phi nhân v.v... đều thấy Cực Lạc thế giới các thứ trang nghiêm: A Di Đà Phật ngự trên tòa cao, oai đức vòi vọi, tướng hảo, quang minh, Thanh Văn, Bồ Tát cung kính vây quanh. Ví như núi chúa Tu Di nhô lên khỏi biển cả, rạng ngời chói lọi, thanh tịnh bình chánh, chẳng có tạp uế cùng các loài dị hình, chỉ trang nghiêm bằng các báu, là nơi các vị thánh cùng ở. A Nan và các hàng Bồ Tát đều đại hoan hỷ, hớn hở làm lễ, dập đầu sát đất xưng niệm: ‘Nam mô A Di Đà Tam Miệu Tam Phật Đà’.

Giải:

‘*Bốn chúng trong hội*’ là chúng đại tỳ kheo một vạn hai ngàn vị, năm trăm vị tỳ kheo ni, bảy ngàn thanh tín sĩ, năm trăm thanh tín nữ. Lại có Phổ Hiền, Văn Thù, Di Lặc, mười sáu vị Chánh Sĩ và vô lượng vô biên hết thầy Bồ Tát trong Hiền

kiếp. Từ các vị Phạm thiên cho đến *'tám bộ trời rộng, nhân, phi nhân v.v...'* đều là hội chúng.

Câu *'đều thấy Cực Lạc thế giới'* ý nói: mọi người dự hội đều được thấy. Tứ chúng đệ tử trong pháp hội cõi này gồm hai vạn người đều là thân huyết nhục mà ai ai cũng đều thấy thế giới Cực Lạc, họ đều là người chứng thực cho hết thảy chúng sanh trong lúc ấy và đời tương lai sau.

Tướng lành thù thắng này được cả năm bản dịch cùng ghi chép.

Bản Hán dịch ghi: *'A Nan, chư Bồ Tát, A La Hán v.v... và chư thiên, đế vương, nhân dân đều thấy Vô Lượng Thanh Tịnh Phật và các Bồ Tát, A La Hán, cõi nước thất bảo'*.

Bản Ngô dịch chép giống như thế, nhưng ghi là A Di Đà thay vì Vô Lượng Thanh Tịnh Phật.

Bản Ngụy dịch chép: *'Vô Lượng Thọ Phật oai đức vòi vọi như núi chúa Tu Di, cao vượt khỏi hết thảy các thế giới; tướng hảo, quang minh không gì là chẳng chói ngời. Tứ chúng trong hội ấy cùng lúc đều được thấy'* và: *'Tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di đều thấy Vô Lượng Thọ Như Lai'*.

Bản Đường dịch viết: *'Trong các cõi ấy, tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di đều thấy Vô Lượng Thọ Như Lai như ngọn núi chúa Tu Di chiếu'*

các cõi Phật. Khi ấy, các cõi Phật thấy đều hiện rõ như ở trong vòng một tâm’.

Bản Tổng dịch chép: *‘Lúc ấy, bí xô, bí xô ni, ưu bà tắc, ưu bà di, trời, rồng, được xoa, càn thát bà, a tu la, ca lâu la, khấn na la, ma hầu la già, nhân, phi nhân v.v... trong hội đều thấy các thứ trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc và thấy Vô Lượng Thọ Như Lai. Thanh Văn, Bồ Tát cung kính vây quanh. Ví như ngọn núi chúa Tu Di, vượt lên trên biển cả’.*

Năm bản dịch cùng đề cập thì đủ chứng tỏ việc Phật Di Đà xuất hiện chứng tín là điều được nói trong bản kinh gốc chứ chẳng phải là do dịch thuật sai lầm.

Hội chúng khi ấy liền được thấy các thứ y báo trang nghiêm của cõi Cực Lạc, lại thấy chánh báo là A Di Đà Phật công đức vòi vọi, tướng hảo quang minh, thánh chúng vây quanh *‘ví như ngọn núi chúa Tu Di nhô lên khỏi biển cả’*. Núi Tu Di nói đủ là Tu Di Lô (Sumeru) sơn vương, là một trong mười hòn núi chúa. Hòn núi này chẳng phải là núi đất hay núi đá như của thế gian mà thuần bằng bốn chất báu hợp thành nên bảo là *‘chẳng có tạp uế và các loài dị hình, chỉ trang nghiêm bằng các báu’*.

Do ‘*Thanh Văn, Bồ Tát cung kính vây quanh*’ nên bảo là ‘*các vị thánh cùng ở*’.

‘*A Nan và các hàng Bồ Tát v.v...*’: A Nan là đương cơ nên được nêu tên đầu tiên; ‘*các hàng Bồ Tát v.v...*’ nghĩa là các vị Thanh Văn, trời, người v.v... được nhờ ân mà trông thấy điềm lành nên đều hoan hỷ, mừng rỡ.

Ai nầy đều năm vóc gieo xuống đất, chí thành xưng niệm ‘*Nam mô A Di Đà Tam Miệu Tam Phật Đà*’. ‘*Tam Miệu Tam Phật Đà*’, cự dịch là Chánh Biến Tri, tân dịch là Đẳng Chánh Giác, là danh hiệu thứ ba trong mười hiệu của Phật. Do đó, ‘*Nam mô A Di Đà Tam Miệu Tam Phật Đà*’ chính là sáu chữ hồng danh.

Chánh kinh:

Chư thiên, nhân dân cho đến những loài trùng ngọ nguậy, bay lượn, bò trườn thấy quang minh ấy thì tất cả tật khổ không chỉ chẳng ngưng dứt, hết thấy ưu não không thứ gì chẳng giải thoát, đều từ tâm làm lành, hoan hỷ, khoái lạc. Chuông, khánh, cầm, sắt, không hầu, nhạc khí chẳng đánh tự nhiên phát ra ngũ âm. Chư thiên, nhân dân trong các cõi Phật đều cảm hương hoa đến trên hư không rải xuống cúng dường.

Giải:

Đoạn kinh này lại trình bày những việc thành tựu do điều nguyện thứ mười bốn của Phật A Di Đà: *‘Chạm phải quang minh được an lạc’*. Trong lời nguyện ấy có câu: *‘Thấy quang minh của tôi chiếu vào thân không ai chẳng được an lạc, từ tâm làm lành’* tức là những điều được nói trong đoạn chánh kinh trên từ câu *‘thấy quang minh ấy’* cho đến *‘thấy đều từ tâm làm lành, hoan hỷ, khoái lạc’*.

Phẩm Quang Minh Chiếu Khắp cũng chép: *‘Nếu kẻ ở trong chốn tam đồ khổ cực mà trông thấy quang minh này thì đều được ngồi nghỉ’*. Bởi thế, ở đây kinh mới chép: *‘Các loài côn trùng bay lượn, ngộ nguậy, bò trườn thấy quang minh thì tất cả tật khổ không chi chẳng ngưng dứt, hết thấy ưu não không thứ gì chẳng giải thoát’*.

Các thứ nhạc khí như chuông, khánh, đàn cầm, đàn sắt, đàn không hầu ⁽⁷⁾ v.v... không cần phải khảy, đánh; tự nhiên phát ra âm thanh nên bảo là *‘chẳng đánh, tự nhiên phát ra ngũ âm’*. Chư thiên trong mười phương đèn rải hương, hoa là đều nhằm biểu thị sự khoái lạc thù thắng.

Do kinh đã chép tỉ mỉ các việc tốt lành: thấy Phật, thấy quang minh, thấy cõi nước v.v... nên tất sẽ có kẻ cho đó là cái lỗi chấp tướng. Tiếc thay kẻ ấy chưa biết được điều mầu nhiệm của Tịnh tông: chính ngay nơi tướng là đạo, ngay nơi sự chính là

chơn, nên chẳng cần phải bỏ tướng để cầu đạo, lia sự để thấy chơn! Kinh này thuần là cảnh giới sự sự vô ngại của Hoa Nghiêm. Một hoa, một hương không thứ gì chẳng phải là hạt châu nơi mạng lưới của Thiên Đế. Mỗi thứ đều viên minh, thứ nào cũng thắng diệu, thứ nào cũng đều là toàn thể của nhất chơn pháp giới, viên minh cụ đức chẳng thể nghĩ bàn.

Chánh kinh:

Lúc bấy giờ, thế giới Cực Lạc ở phương Tây cách đây trăm ngàn câu chi na do cõi nước, nhưng do oai lực của Phật nên giống như đối ngay trước mắt, như thiên nhãn trong sạch thấy trong vòng một tầm. Cõi đó thấy cõi này cũng giống như vậy: đều thấy thế giới Sa Bà, Thích Ca Như Lai và tỳ kheo chúng vây quanh thuyết pháp.

Giải:

Câu ‘*ở phương Tây cách đây trăm ngàn câu chi na do tha cõi*’ xin xem lại lời giải thích ở phần trước.

Cực Lạc chẳng lia khỏi tự tâm là xét về Lý. ‘*Ở phương Tây, cách đây trăm ngàn câu chi na do tha cõi*’ là Sự. Lý, Sự vô ngại nên cách xa mười vạn ức chính là ở ngay trước mắt. Bởi vậy, Quán kinh nói: ‘*Phật A Di Đà cách đây chẳng xa*’.

Hội chúng chơn thành nên cảm ứng Phật lực gia hộ, hai cõi tịnh uế thấy rõ nhau như đối trước mắt *‘như thiên nhãn trong sạch thấy trong vòng một tâm’*. Thánh chúng cõi ấy đều thấy đấng Thích Tôn cõi này ở trong đại hội giảng kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác.

Kinh A Di Đà nói pháp môn này là *‘pháp hết thấy thế gian khó tin được nổi’*. Chúng sanh đời Mạt pháp tình chấp sâu nặng, đối với diệu pháp tối cực viên đốn, Nhất Thừa liễu nghĩa, phương tiện rốt ráo này chẳng thể tin hiểu nổi, đâm ra phỉ báng. Bởi thế, trong phẩm Lễ Phật Hiện Quang đây, hai vạn người trong thế giới này đích thân thấy Cực Lạc thế giới thanh tịnh trang nghiêm, đích thân nghe rằng A Di Đà Phật hiện đang thuyết pháp, họ sẽ là người chứng thực khiến chúng sanh phát sanh chánh tín, ưa thích cầu vãng sanh, phát tâm Bồ Đề, một bề chuyên niệm, đều đạt được bốn lợi ích tất đàn.

Nay tôi kính thuận thánh tâm, xin dẫn kèm thêm một số kinh để chứng tỏ Cực Lạc diệu hữu, ngõ hầu [người đọc] khỏi thiên chấp nơi Không.

a. Quán Kinh chép: *‘Vy Đề Hy và năm trăm thị nữ nghe lời Phật dạy, ngay lập tức thấy tướng rộng lớn của thế giới Cực Lạc, được thấy thân Phật’*

và hai vị Bồ Tát, tâm sanh hoan hỷ, than là chưa từng có, hốt nhiên đại ngộ, đắc Vô Sanh Nhẫn. Năm trăm thị nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nguyện sanh về cõi ấy. Thế Tôn thọ ký họ đều sẽ vãng sanh. Sanh trong nước ấy rồi sẽ đắc Chư Phật Hiện Tiền tam muội’.

b. Kinh Phật Thuyết Như Huyền Tam Ma Địa Vô Lượng Ân Pháp Môn chép: ‘Khi ấy, trong hội chúng của đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai nơi thế giới Sa Bà, tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát (một vạn hai ngàn người), bí xô (hai vạn người), bí xô ni, ưu bà tác, ưu bà di, Phạm Vương, Đế Thích, Hộ Thế Tứ Vương và các chúng trời, rồng, dạ xoa, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già, nhân, phi nhân v.v... đều thấy thế giới Cực Lạc và thấy Vô Lượng Quang Như Lai, Bồ Tát, Thanh Văn đại chúng vây quanh. Quang minh rực rỡ như núi Diệu Cao’.

c. Kinh Thập Vãng Sanh chép:

‘Phật bảo Sơn Hải Huệ Bồ Tát: “Ông nay nên đứng dậy, chấp tay, hướng thẳng về phương Tây, chánh niệm quán cõi Phật A Di Đà, nguyện thấy A Di Đà Phật”.

Bấy giờ, hết thấy đại chúng cũng đều đứng dậy, chấp tay, cùng quán A Di Đà Phật. Lúc đó, A Di Đà Phật hiện đại thân thông phóng đại quang

minh, chiếu thân Sơn Hải Huệ Bồ Tát. Khi ấy, Sơn Hải Huệ Bồ Tát v.v... (bao quát hết thủy đại chúng) liền thấy tất cả sự trang nghiêm diệu hảo của cõi Phật A Di Đà đều là thất bảo: núi bảy báu, cõi nước bảy báu; nước chim, cây cối thường diễn pháp âm. Cõi ấy hằng ngày thường chuyển pháp luân’.

Những đoạn kinh trên chứng tỏ rằng trong xã hội Ấn Độ thời ấy đã có vài trăm người hoặc là vạn người tận mắt thấy y báo, chánh báo cõi Cực Lạc. Tây phương có thế giới, có Phật A Di Đà. Đối với hai chữ ‘có’ ấy cần phải hết sức lưu ý.

Nói chung, phẩm này bao gồm bốn thứ tất đàn:

a. Y báo, chánh báo cõi Cực Lạc hiện tiền chính là “thế giới tất đàn”: hiển thị đích xác diêu cảnh khiến chúng sanh hoan hỷ, sanh tâm ham cầu.

b. A Nan và đại chúng hoan hỷ làm lễ, xưng niệm thánh hiệu là “nhân tất đàn” vì phát sanh điều lành. Trì danh vãng sanh là điều lành nhất trong các điều lành.

c. Phá nghi sanh tín là “đổi trị tất đàn”. Nghi căn chưa đoạn thì chính là tội căn. Lúc tín lực viên mãn thì hoàn toàn trở thành Phật lực.

d. Tâm và Phật chẳng hai, diệu cảm khó suy lường, sự lý bất nhị, diệu cảnh hiện tiền chính là “đệ nhất nghĩa tất đàn” vì hiển bày trọn vẹn tánh khiến cho chúng nhập Thật Tướng.

Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận viết: *‘Đoạn này ý nói vô lượng quang minh chiếu trọn hết thấy. Cực Lạc và Sa Bà cùng một pháp giới, vốn chẳng phải đây hay kia thì nào có Đông hay Tây! Sơn hà, đại địa đều là do con mắt nhắm của chúng sanh mà thành.*

Nếu trong một niệm mà nhập được cảnh giới của Phật thì vô lượng quang minh chiếu khắp trần sát. Tam đồ, lục đạo đồng thời giải thoát. Chẳng phải riêng mình A Nan được oai thần của Phật gia bị nên trông thấy thân Phật và các y báo, chánh báo; mà chính là chúng sanh ngay trong đời mạng pháp đây cứ hể nhập được pháp môn này thì chẳng lìa khỏi cái niệm hiện tiền mà chóng được thấy Phật.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: *“Chư Phật giống như một tấm kính tròn lớn, thân ta như hạt ma ni châu. Thân chư Phật nhập vào trong thân ta, thân ta thường nhập vào trong thân chư Phật”. Bởi đó, chư Phật và chúng sanh vốn là vô nhị thì gọi là “thấy Phật”, chứ thật chẳng thấy. Vì có sao? Vì trong một thể chẳng thể thấy lẫn nhau’.*

39. Ngài Từ Thị thuật lại những điều mình thấy

Tông chỉ của phẩm này là chứng tín, trừ nghi. Ngài Từ Thị thuật lại những điều mình thấy nhằm xác chứng lời Phật dạy vô cùng chơn thật. Ấy là bởi đại chúng chỉ biết được những điều trang nghiêm của y báo cõi Cực Lạc qua lời Phật giảng nên ở đây ngài Di Lặc bèn tường thuật những điều chính mắt mình thấy cho thánh chúng hiện diện trong pháp hội được biết.

Ngài còn nêu lên việc mình thấy những chúng sanh bị rớt vào hàng thai sanh trong nghi thành để chỉ rõ cái tai hại của lòng nghi hoặc.

Chánh kinh:

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài A Nan và Từ Thị Bồ Tát:

- Ông có thấy cung điện, lầu gác, suối, ao, rừng cây trong cõi Cực Lạc đầy đủ vi diệu, thanh tịnh trang nghiêm chăng? Ông có thấy chư thiên từ Dục giới lên đến Sắc Cứu Cánh thiên mưa các hoa, hương đầy khắp cõi Phật chăng?

A Nan thưa rằng: ‘Vâng ạ, con đã thấy’.

- Ông có nghe âm thanh lớn lao của Phật Di Đà vang vọng hết thảy thế giới giáo hóa chúng sanh chăng?

Ngài A Nan thưa: ‘Vâng ạ, con có nghe’.

Phật dạy: - Ông có thấy chúng thanh tịnh trong cõi ấy ngao du trên hư không, cung điện tùy thân không bị chướng ngại, đến khắp mười phương cúng dường chư Phật chăng? Và thấy họ niệm Phật liên tục chăng? Lại có các thứ chim bay lượn trên hư không hót lên các thứ tiếng; chúng đều được biến hóa ra, ông có thấy hết hay không?’

Ngài Từ Thị thưa: ‘Con đều thấy mỗi mỗi thứ đúng như lời Phật nói’.

Giải:

A Nan kết tập Kinh tạng, Từ Thị đương lai hạ sanh; vì thế, Phật đem pháp môn vi diệu này phó chúc cho hai vị.

Trước hết, Phật nói đến những điều trang nghiêm màu nhiệm trong cõi Cực Lạc như cảnh chư thiên mưa hoa, bảo hai vị nhìn làm chứng.

‘*Sắc Cứu Cánh thiên*’ chính là một cõi trời thuộc các tầng trời Tịnh Cư, là cõi trời thù thắng nhất trong Sắc giới, là chỗ ở của bậc thánh đã chứng quả Bất Hoàn. Bất Hoàn tiếng Phạm là A Na

Hàm. Bậc này đã đoạn sạch chín phẩm tư hoặc của Dục giới, chẳng tái sanh trong Dục giới nữa, nên sanh vào Sắc giới hoặc Vô Sắc giới. Bởi đó, gọi là Bất Hoàn quả.

Cõi trời Tịnh Cư gồm có năm tầng trời: một là Vô Phiền thiên, hai là Vô Nhiệt thiên, ba là Thiện Hiện thiên, bốn là Thiện Kiến thiên, năm là Sắc Cứu Cánh thiên. Sách Câu Xá Tụng chép: *‘Năm cõi trời này gọi là Tịnh Cư Thiên, chỉ có thánh nhân sống, không có các loài khác sống lẫn vào nên gọi là Tịnh Cư’*.

Ở đây, Từ Thị Bồ Tát trông thấy chư thiên rải hoa, quả đã chứng thực điều kinh đã nói trong phần trước: *‘Hết thấy chư thiên đều cầm trăm ngàn hương hoa, muôn thứ kỹ nhạc cúng dường đức Phật ấy’*. Những thứ trang nghiêm y báo mà ngài đã thấy lại chứng thực nguyện thứ năm chín: *‘Muôn vật trong nước đều đặc biệt, lạ lùng, cùng vi cực diệu, nghiêm tịnh sáng đẹp chẳng thể tính kể nổi’*.

Tiếp đó, ngài trực tiếp được nghe Phật Di Đà thuyết pháp. Pháp âm vang dội phổ độ mười phương. Điều ấy chứng thực lời kinh dạy: *‘Tiếng Phật như phạm lôi chấn, âm thanh diễn xướng vi diệu gồm đủ cả tám giọng’* và *‘Bồ Đề thọ vương diễn xuất vô lượng âm thanh diệu pháp. Âm thanh*